



CÔNG TY CỔ PHẦN  
NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

*"Dẫn đầu  
Nguyên liệu"*



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**

**2024**



*Kính gửi:*

Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ Nhân viên Tập đoàn Nguyên liệu Á Châu AIG,

Năm 2024 đã khép lại với những biến động về địa chính trị, tài chính, khí hậu, tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Nguyên liệu Á Châu AIG đã duy trì được sự ổn định, đồng thời tiếp tục củng cố vị thế hàng đầu trong lĩnh vực cung ứng nguyên liệu và giải pháp toàn diện cho ngành thực phẩm và khoa học đời sống tại Việt Nam cũng như khu vực.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tập đoàn Nguyên liệu Á Châu AIG, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, Quý đối tác, Khách hàng và toàn thể Cán bộ Nhân viên vì sự tin tưởng, đồng hành trong suốt thời gian qua.

Năm 2024 đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ và quan trọng của AIG với tầm nhìn trở thành một đối tác sáng tạo, mang lại giải pháp toàn diện, bền vững, phù hợp với xu thế tiêu dùng toàn cầu. Chúng tôi đã tập trung đầu tư vào công nghệ cao, tối ưu hóa mô hình vận hành, mở rộng hệ sinh thái đối tác quốc tế và đặc biệt là đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu bền vững. Qua đó, nâng cao giá trị nguyên liệu từ Việt Nam vươn tầm thế giới, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành nguyên liệu Việt Nam trên toàn cầu.

Ban Lãnh đạo Tập đoàn Nguyên liệu Á Châu AIG luôn nhất quán giữ vững giá trị cốt lõi “Đạo đức – Chính trực – Tôn trọng – Sáng tạo – Hợp tác – Chia sẻ” trong mọi quyết sách. Chúng tôi thấu hiểu rằng, giá trị đích thực của một doanh nghiệp cùng những kết quả tài chính còn cần có trách nhiệm với xã hội, đạo đức trong kinh doanh và sự hài hòa giữa con người, thiên nhiên, công nghệ. Đây là những trụ cột vững chắc để AIG không ngừng lớn mạnh, tạo ra giá trị tích cực cho cộng đồng.

Năm 2025 sẽ tiếp tục là một năm nhiều cơ hội đan xen thách thức. Chúng tôi tin rằng, với nền tảng đã được tạo dựng trong năm 2024, tinh thần đoàn kết và bản lĩnh của đội ngũ, cùng sự tin tưởng, đồng hành hợp tác của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và mạng lưới Đối tác uy tín, AIG sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, khẳng định vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực cung ứng nguyên liệu và giải pháp toàn diện cho ngành thực phẩm và khoa học đời sống, đem lại sự giàu có và thịnh vượng cho tất cả chúng ta.

Một lần nữa, tôi trân trọng cảm ơn sự đồng hành và tin tưởng của tất cả Quý vị.

Trân trọng,

**NGUYỄN BẢO TÙNG**

**Tổng Giám Đốc Tập đoàn Nguyên liệu Á Châu AIG**





## I. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

## III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tập đoàn

## IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tập đoàn

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



01

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

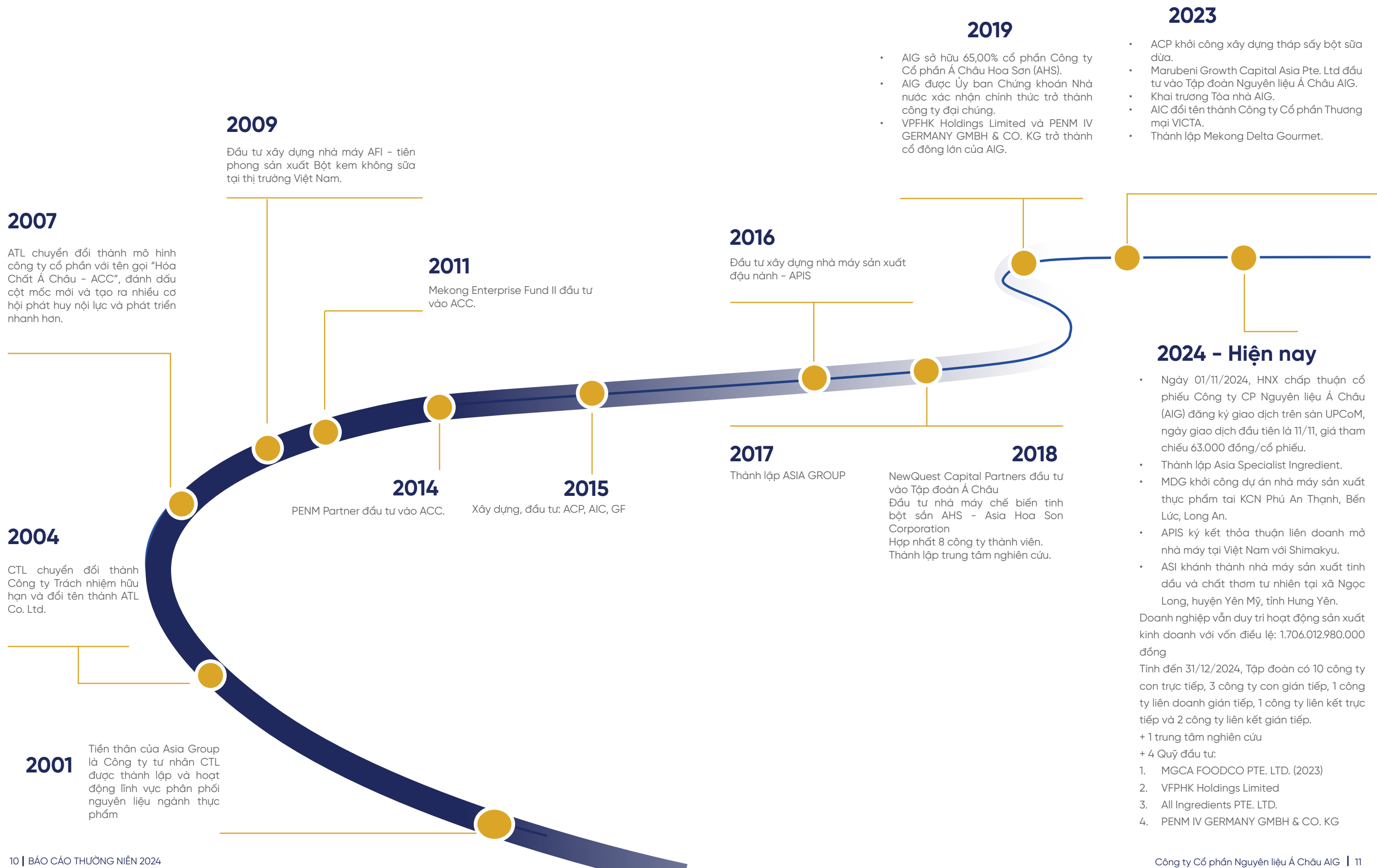


CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

|                      |                                                                                                                                        |              |                                                                                                                                  |
|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên giao dịch        | Công ty cổ phần Nguyên liệu Á châu AIG                                                                                                 | Trụ sở chính | Lô TH-1B, đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Mã cổ phiếu          | AIG                                                                                                                                    | Điện thoại   | (028) 5411 1557                                                                                                                  |
| Vốn điều lệ          | 1.706.012.980.000 đồng                                                                                                                 | Fax          | (028) 5411 1667                                                                                                                  |
| Giấy chứng nhận ĐKDN | Số 0314524981 đăng ký lần đầu ngày 19/07/2017, thay đổi lần thứ 12 ngày 10/10/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. | Email        | info@asiagroup-vn.com                                                                                                            |
|                      |                                                                                                                                        | Website      | www.asiagroup-vn.com                                                                                                             |



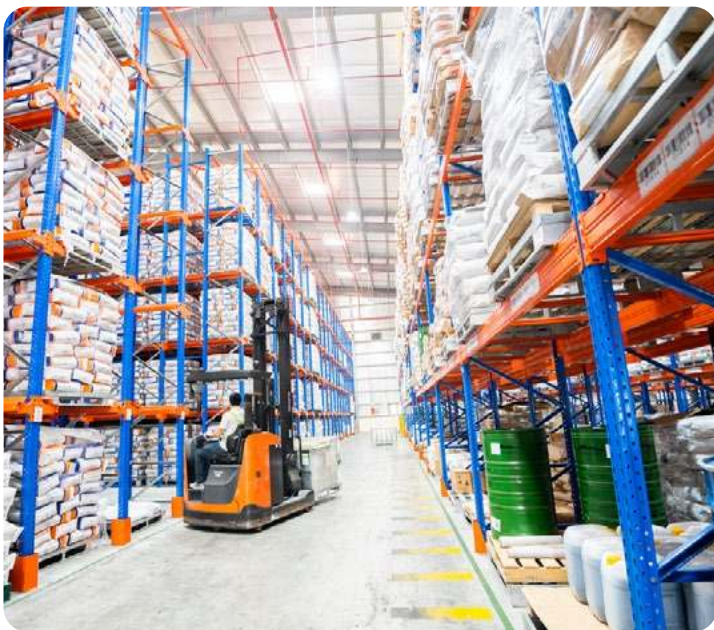
## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





Ngành nghề kinh doanh

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.<br>Chi tiết:<br>+ Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản) (không hoạt động tại trụ sở);<br>+ Cho thuê văn phòng với diện tích 4.000 m <sup>2</sup><br>(Trừ hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)<br>(Việc cho thuê văn phòng của doanh nghiệp phải tuân thủ các điều kiện theo quy định của Luật kinh doanh bất động sản, Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan; Bên cho thuê và bên thuê văn phòng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của hợp đồng thuê văn phòng được ký giữa các Bên. Doanh nghiệp có trách nhiệm đi dời địa điểm thực hiện dự án trong trường hợp các điều kiện liên quan đến hoạt động thuê lại văn phòng không được duy trì và đảm bảo trong suốt quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc hợp đồng thuê văn phòng không được gia hạn khi hết hạn hợp đồng. Việc cho thuê văn phòng phải được thực hiện theo đúng mục tiêu dự án đã được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo mã số dự án: 1543304074 chứng nhận lần đầu ngày 12/01/2023, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 24/11/2023 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp cấp). | 6810 (Chính) |
| 2   | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (CPC: 865)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7020         |
| 3   | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Dịch vụ kho bãi (không hoạt động tại trụ sở) (CPC 742)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5210         |
| 4   | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm công nghệ; Sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1079         |
| 5   | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường (trừ CPC 86402) (CPC 86401)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7320         |
| 6   | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn phần mềm và tư vấn hệ thống (CPC 8421). Dịch vụ phân tích hệ thống (CPC 8422). Dịch vụ thiết kế hệ thống (CPC 8423). Dịch vụ lập trình (CPC 8424). Dịch vụ bảo dưỡng hệ thống (CPC 8425)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6202         |
| 7   | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Các dịch vụ máy tính khác (CPC 849)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6209         |
| 8   | Bán buôn chuyển doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đa ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải) (không lập cơ sở bán buôn) (CPC 622)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4669         |



| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 9   | Bán buôn thực phẩm<br>(Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đa ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải) (không lập cơ sở bán buôn) (CPC 622)                                                     | 4632     |
| 10  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đa ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải) (không lập cơ sở bán buôn) (CPC 622) | 4620     |

Địa bàn kinh doanh

Thị trường chính của Tập đoàn trải dài lãnh thổ Việt Nam và các thị trường nước ngoài.



## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

#### Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### Hội đồng quản trị

Đây là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

#### Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có 3 thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát làm việc chuyên trách.

#### Ban Tổng Giám đốc

Đây là ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng quy luật pháp luật nhà nước, các quy định của ngành, Điều lệ, Quy chế, quy định của Công ty.

### CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Các công ty con, công ty liên kết tính đến ngày 31/12/2024

#### Các công ty con bao gồm

##### Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu (“ACC”)

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

##### Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (“AFI”)

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

##### Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu (“ACP”)

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long – Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

##### Công ty Cổ phần APIS (“APIS”)

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II – A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore II – A, Xã Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

##### Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn (“AHS”)

AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 66,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

##### Công ty TNHH Thực phẩm AFC (“AFC”)

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

##### Công ty Cổ phần Thương mại VICTA (“VICTA”)

VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu (“AIC”) được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 4 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).



## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 99,50% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

### Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại #08 – 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

### Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

### Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")

MDG là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1102039618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 9 năm 2023. MDG có trụ sở chính tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của MDG là chế biến và bảo quản rau quả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 99,2% tỷ lệ sở hữu (nắm giữ trực tiếp 98% và nắm giữ gián tiếp thông qua công ty con là 1,2%) và 99,87% quyền biểu quyết trong MDG.

### Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")

ASI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0901155640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29 tháng 2 năm 2024. ASI có trụ sở chính tại Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ASI là sản xuất hương liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 83,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI.



### Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")

AFS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3703261917 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 11 năm 2024. AFS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFS là sản xuất, phối trộn và đóng gói sản phẩm, nguyên liệu thực phẩm và phụ gia thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm 50,03% tỷ lệ sở hữu và 65,00% quyền biểu quyết trong AFS thông qua công ty con.

Công ty liên doanh

### Công ty Cổ phần Sinh Phẩm Nature ACH ("Nature ACH")

Nature ACH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316794581 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2021. Nature ACH có trụ sở chính tại Số 19, Đường 18, Khu phố 3, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của Nature ACH là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 30,00% phần vốn chủ sở hữu trong Nature ACH (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 30,00% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

### Các công ty liên kết

#### Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")

GCF là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. GCF có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của GCF là bán buôn thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 44,50% phần vốn chủ sở hữu trong GCF.

#### Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 49,00% phần vốn chủ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 49,00% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

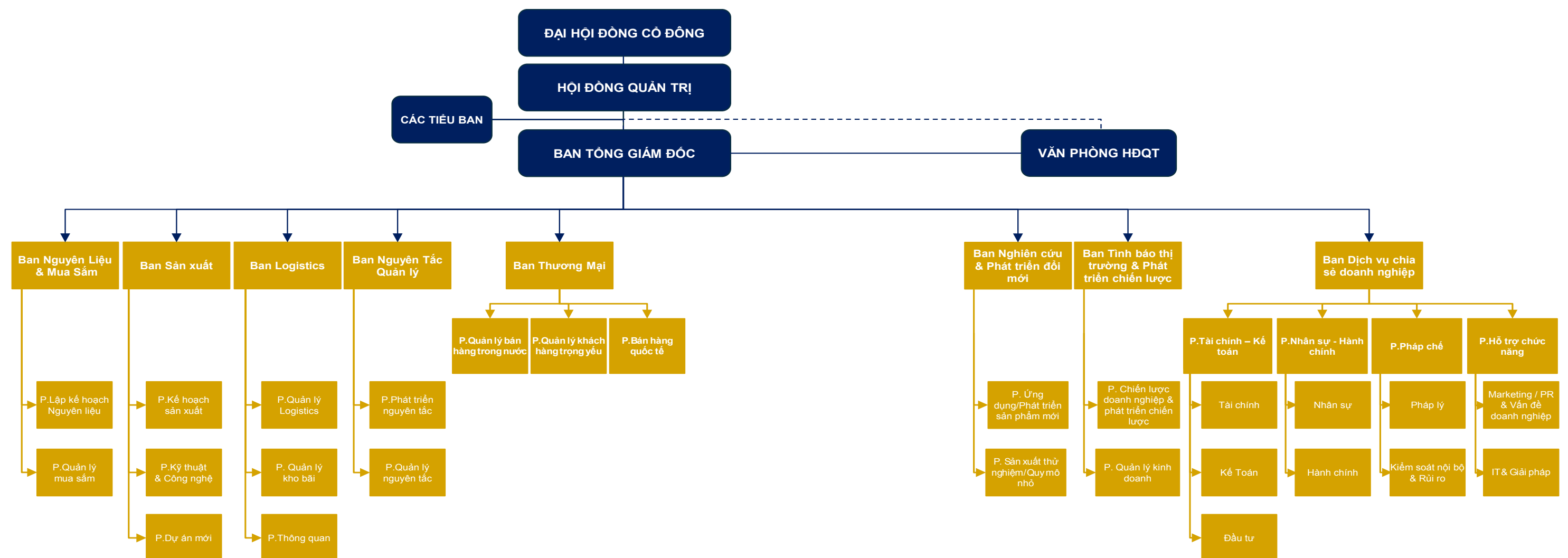
#### Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")

ACI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở KH&ĐT Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 40,00% phần vốn chủ sở hữu trong ACI ngày 31 tháng 12 năm 2023: 40,55% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.



## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



**Đại hội đồng cổ đông:** là một phần trong cơ cấu tổ chức của Tập đoàn, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tập đoàn.

**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tập đoàn trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Ban kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Tập đoàn.

**Ban Tổng Giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Tập đoàn và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.



## TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn hàng đầu Việt Nam và Châu Á chuyên cung cấp giải pháp kỹ thuật, nguyên liệu và các sản phẩm dinh dưỡng trong lĩnh vực thực phẩm.

## SỨ MỆNH

Cam kết mang đến cho đối tác những giải pháp kỹ thuật và nguyên liệu tối ưu, tiên tiến nhất nhằm cùng tạo ra những sản phẩm chất lượng góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Bao gồm 6 yếu tố chính:

- **ĐẠO ĐỨC:** tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức.
- **TÔN TRỌNG:** tôn trọng công ty và các quy định. Tôn trọng chính mình và tôn trọng lẫn nhau. Tôn trọng khi trao đổi, khi cùng làm việc và khi tranh luận.
- **CHÍNH TRỰC:** lời nói đi đôi với việc làm, lời nói của tôi là chính tôi.
- **SÁNG TẠO:** thế giới không ngừng thay đổi, chúng ta phải không ngừng sáng tạo để tạo ra những giá trị gia tăng.
- **HỢP TÁC:** là một ĐỘI, mỗi người cần hợp tác với các thành viên khác để giải quyết công việc và tạo ra kết quả cho cá nhân, bộ phận và công ty.
- **CHIA SẺ:** không chỉ chia sẻ thành tựu với cộng sự, đồng nghiệp mà còn chia sẻ khó khăn, chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và môi trường.

## CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA TẬP ĐOÀN :

Trong những năm qua, Tập đoàn luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, và điều này sẽ vẫn là mục tiêu hàng đầu của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

Để đạt mục tiêu phát triển bền vững, việc cải tiến và áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường là hướng đi ưu tiên với mọi hoạt động sản xuất, nghiên cứu của Tập đoàn. Các dự án mới phải được đánh giá và lựa chọn với tiêu chí đáp ứng hoàn toàn các tiêu chuẩn Bảo vệ Môi trường trong và ngoài nước.

Thiết lập mục tiêu hoạt động luôn hướng đến sức khỏe, lợi ích của mọi tầng lớp khách hàng, Tập đoàn cố gắng nghiên cứu và cho ra đời những sản phẩm tốt nhất cũng như an toàn nhất cho sức khỏe của mọi đối tượng người tiêu dùng từ đó từng bước khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường và niềm tin đối với khách hàng.

Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn hoạt động. Tập đoàn đã và đang nỗ lực thực hiện mọi hành động vì cộng đồng và lan tỏa ảnh hưởng, thúc đẩy các bên cùng tham gia vì một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Với mục tiêu duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh nguyên liệu ở Việt Nam trong những năm qua, Asia Group sẽ tập trung củng cố và phát triển nội lực kèm theo đẩy mạnh hợp tác với các đối tác tiềm năng, uy tín trên thị trường.

Đầu tư cơ sở vật chất với các thiết bị, máy móc hiện đại được chọn lọc từ các nước tiên tiến, phục vụ nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm với mục đích đa dạng hoá và nâng cao chất lượng danh mục sản phẩm đáp ứng được thị hiếu của khách hàng và các đối tác. Nâng cao năng lực quản trị toàn hệ thống bằng việc tối ưu hóa mô hình quản lý chuỗi cung ứng (kho bãi, quầy kệ, máy móc thiết bị vận hành kho, quy trình quản lý hàng hóa)... nhằm giảm thiểu chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

Tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai của Tập đoàn qua việc đào tạo, bồi dưỡng năng lực của đội ngũ quản lý và các nhân viên trong Tập đoàn, từ đó xây dựng một tập thể Tập đoàn có năng lực làm việc, thích ứng dễ dàng và đáp ứng mọi yêu cầu khắt khe nhất của thị trường.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng đặt mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh nguyên liệu ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu doanh số tăng gấp đôi trong 5 năm tới. Tập đoàn sẽ mở rộng và đa dạng hóa sang những lĩnh vực kinh doanh mang lại giá trị tích hợp cho cả tập đoàn trong chuỗi giá trị của mình, tăng cường hợp tác trong việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm, xu hướng mới nhằm đưa ra những giải pháp về sản phẩm phù hợp nhằm thu hút cả các khách hàng truyền thống và khách hàng mới, trở thành đối tác đáng tin cậy của

khách hàng thông qua sự tham gia tích cực trong quá trình phát triển sản phẩm ngay từ những bước đầu tiên. Hơn nữa, việc phát triển năng lực của đội ngũ quản lý nòng cốt sẽ được ưu tiên trong thời gian tới, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, tăng cường năng lực cạnh tranh của Tập đoàn, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn nhằm tối đa hóa giá trị Tập đoàn.

Bằng việc mang lại giá trị cho cộng đồng thông qua các sản phẩm. Tập đoàn cũng mong muốn tạo nguồn thu nhập tốt cho mọi cán bộ và nhân viên. Tạo ra nhiều hơn các chương trình hỗ trợ người lao động và gia đình người lao động của Tập đoàn, rộng hơn nữa là hướng đến trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.



» **Rủi ro kinh tế**

Năm 2024, kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là sự gia tăng căng thẳng địa chính trị và biến động thị trường tài chính. Các rủi ro như chính sách tài chính – tiền tệ thắt chặt, căng thẳng địa chính trị và sự phân mảnh kinh tế thế giới đã ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Điều này dẫn đến nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu trên thị trường quốc tế giảm, ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của AIG. Song đó, mặc dù đối mặt với nhiều thách thức, kinh tế Việt Nam trong năm 2024 đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Theo Báo điện tử Chính phủ, kinh tế Việt Nam đã tăng tốc thành công, tạo đà cho năm 2025 về đích. Sự ổn định và tăng trưởng của kinh tế trong nước có thể tạo điều kiện thuận lợi cho AIG trong việc mở rộng thị trường nội địa, giảm phụ thuộc vào xuất khẩu và tận dụng nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu trong nước



**Rủi ro tăng trưởng kinh tế**

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức phức tạp do tác động từ các yếu tố bất ổn kéo dài. Đáng chú ý, mâu thuẫn giữa Nga và Ukraine không chỉ chưa được giải quyết mà còn có nguy cơ leo thang, gây áp lực lớn hơn lên các chuỗi cung ứng toàn cầu. Cuộc khủng hoảng năng lượng vẫn là một vấn đề nghiêm trọng khi giá nhiên liệu dao động mạnh, làm tăng chi phí sản xuất và vận chuyển, ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều ngành công nghiệp. Song song đó, căng thẳng tại Trung Đông leo thang với các diễn biến mới trong xung đột Israel – Palestine, khiến nguồn cung dầu mỏ toàn cầu bị gián đoạn và đẩy giá dầu thô lên mức trung bình 90–100 USD/thùng, cao hơn đáng kể so với năm 2023.

Tại Việt Nam, nền kinh tế tiếp tục thể hiện khả năng chống chịu và tăng trưởng ổn định trong bối cảnh toàn cầu nhiều biến động. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam năm 2024 thì ngành thương mại và dịch vụ ghi nhận mức tăng trưởng 7,2%, được thúc đẩy bởi nhu cầu nội địa gia tăng và sự phục hồi của ngành du lịch. Tuy nhiên, với một ngành khác vẫn gặp khó khăn khi chỉ đạt mức tăng trưởng 4,0%, chủ yếu do sự suy giảm đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài.

AIG với địa bàn kinh doanh trải dài trên lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu sang các nước trên thế giới, do đó tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Do đó, Ban lãnh đạo của AIG luôn có những kế hoạch để ứng phó với các vấn đề trên, như thường xuyên quan tâm và nắm bắt kịp thời trước những biến động trong và ngoài nước nhằm đưa ra những chiến lược phù hợp với bối cảnh kinh tế và định hướng phát triển của Tập đoàn. Việc tăng cường năng lực cạnh tranh, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, và đầu tư vào các giải pháp xanh nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và đối tác quốc tế sẽ là những yếu tố then chốt cho thành công của Tập đoàn trong năm nay.

**Lạm phát**

Trong năm 2024, xu hướng cắt giảm lãi suất của một số ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới tiếp tục mở rộng do lạm phát đang tiến gần đến mục tiêu 2%. Cuối năm 2024, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) lần thứ tư trong năm giảm lãi suất thêm 0,25% xuống còn 3%/năm. Song đó, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cũng tiếp tục cắt giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm xuống còn 4,25% – 4,5%/năm. Trong nước, Chính phủ chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát như: Đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, dịch vụ; giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực;...

Trong đó, Chiến tranh thương mại Mỹ – Trung kéo dài đã và đang tác động đến nền kinh tế toàn cầu, bao gồm cả Việt Nam. Một trong những tác động đáng lo ngại là nguy cơ lạm phát gia tăng, ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, nhất là việc khó khăn, cản trở lưu thông hàng hoá từ Logistics và chi phí đầu vào tăng lên. Với vị thế là một tập đoàn cung ứng và sản xuất nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ lạm phát. Nhưng khi lạm phát được cải thiện trong năm vừa qua, sức mua của người tiêu dùng cũng tăng trưởng, kéo theo sự gia tăng chi tiêu cho các sản phẩm liên quan đến thực phẩm, nguyên liệu. Qua đó cũng phần nào làm giảm các rủi ro liên quan đến AIG trong năm vừa qua.

**Lãi suất**

Nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình, Tập đoàn đã có những khoản vay ngắn lẫn dài hạn để đáp ứng nhu cầu vốn. Do đó, khi lãi suất tăng cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính từ đó ảnh hưởng đến dòng tiền hoạt động của Tập đoàn. Tuy nhiên, trong năm 2024, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, với sự bất ổn trong các vấn đề địa chính trị và các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn. Mặc dù lạm phát có dấu hiệu giảm nhẹ, nhưng vẫn duy trì ở mức cao, khiến nhiều quốc gia phải tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, bao gồm việc tăng lãi suất.

Tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục điều chỉnh giảm 0.44% lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp và người dân để ứng phó với tình hình kinh tế vĩ mô và mục tiêu kiềm chế lạm phát, điều này đã tác động trực tiếp đến mặt bằng lãi suất trên thị trường. Nhằm hạn chế này, Ban lãnh đạo Tập đoàn luôn linh hoạt trong nhu cầu vốn vay ngắn hạn, đảm bảo duy trì mức cơ cấu vốn hợp lý. Hơn nữa, việc thực hiện đa dạng hoá các khoản vay từ nhiều Ngân hàng Thương mại cũng phần nào giúp Tập đoàn ổn định lại khả năng thanh toán và không phụ thuộc quá nhiều vào một ngân hàng nhất định.

**Tỷ giá**

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn AIG mang tính toàn cầu, điều này khiến tỷ giá hối đoái trở thành một trong những yếu tố tác động đáng kể đến hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2024, tỷ giá VND/USD đã có ít nhất hai lần tăng 4%, gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại quốc tế của AIG. Biến động tỷ giá không chỉ làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu mà còn ảnh hưởng đến doanh thu khi quy đổi ngoại tệ về VND.

Tuy nhiên, AIG vẫn đối mặt với những thách thức lớn từ môi trường kinh tế quốc tế, nơi tỷ giá hối đoái có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như lạm phát toàn cầu, lãi suất tại các nền kinh tế lớn, hay sự thay đổi trong chính sách tiền tệ của các quốc gia. Nhận thức rõ điều này, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã chủ động triển khai các biện pháp quản lý rủi ro tỷ giá, bao gồm việc thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường ngoại hối, xây dựng các dự báo về xu hướng tỷ giá, và tích hợp các yếu tố này vào chiến lược kinh doanh tổng thể.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng không ngừng cải thiện khả năng ứng phó thông qua việc tối ưu hóa cơ cấu vay nợ và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro tài chính, chẳng hạn như sử dụng các công cụ phái sinh để bảo vệ giá trị tài sản và giảm thiểu rủi ro tỷ giá.





### Rủi ro pháp luật

Tập đoàn với vai trò là một chủ thể hoạt động trong nền kinh tế thị trường, chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật toàn diện và phức tạp, bao gồm các quy định chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Đất đai và nhiều bộ luật chuyên ngành khác như Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Chứng khoán. Các văn bản pháp luật này không ngừng được điều chỉnh, đổi mới và hoàn thiện nhằm đảm bảo tính phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam. Theo đó, Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Tập đoàn không chỉ phải tuân thủ các quy định pháp luật trong nước mà còn đối mặt với những yêu cầu pháp lý khắt khe từ thị trường quốc tế. Các yếu tố liên quan đến truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm, sản xuất xanh và tuân thủ các hiệp định thương mại đang đặt ra nhiều thách thức đối với doanh nghiệp

Hiện nay, các thị trường xuất khẩu của AIG, đặc biệt là Mỹ, EU và Nhật Bản, ngày càng siết chặt quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm. Doanh nghiệp buộc phải xây dựng hệ thống theo dõi nguồn gốc nguyên liệu minh bạch, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như HACCP, ISO 22000, BRC. Hơn nữa, xu hướng toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ sang sản xuất xanh, giảm phát thải và sử dụng nguyên liệu bền vững. Các quy định như Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM) của EU, hay các tiêu chuẩn về môi trường của Mỹ, Nhật Bản có thể tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu của AIG.

Việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam cũng đặt ra yêu cầu Tập đoàn phải tuân thủ chặt chẽ các quy định, đặc biệt khi hệ thống công nghệ thông tin được triển khai nhằm xử lý các thông tin tiêu cực, độc hại có thể ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư trên thị trường. Bên cạnh đó, việc thông qua dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, đồng thời hạn chế những tiêu cực phát sinh trong thực tiễn, chẳng hạn như tình trạng "góp vốn khống", "tăng vốn ảo" hay việc thành lập doanh nghiệp không vì mục đích kinh doanh thực sự.

Để thích ứng với xu hướng này, AIG cần chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng bền vững, đầu tư vào công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường. Điều này không chỉ giúp Tập đoàn giảm rủi ro pháp lý mà còn tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, AIG cũng hướng đến việc tuân thủ các Hiệp định thương mại Quốc tế để phần nào đảm bảo về mặt pháp lý cho Tập đoàn và cũng như đáp ứng được nhu cầu về hưởng các ưu đãi về thuế quan.



### Rủi ro cạnh tranh

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) với các quốc gia và đối tác lớn trên toàn cầu. Những hiệp định này không chỉ mở ra cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong nước mà còn mang lại thách thức đáng kể khi sự gia nhập của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước khiến môi trường kinh doanh trở nên cạnh tranh khốc liệt hơn bao giờ hết.

Cùng với đó, khách hàng hiện nay có nhiều sự lựa chọn hơn nhờ vào sự đa dạng của hàng hóa và dịch vụ trên thị trường. Nhu cầu của người tiêu dùng ngày càng khắt khe, đòi hỏi doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn cao hơn về chất lượng sản phẩm, dịch vụ, cũng như tính minh bạch. Đồng thời, sự phát triển của mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến đã khiến thông tin trở nên phổ biến hơn, tạo điều kiện cho khách hàng so sánh, đánh giá và lựa chọn kỹ lưỡng hơn. Trước bối cảnh đó, Tập đoàn AIG luôn chủ động đổi mới để thích nghi và phát triển bền vững. Tập đoàn đã đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển (R&D), tập trung vào việc nâng cao năng lực sản xuất và áp dụng các công nghệ tiên tiến, giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí, và tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm. Những nỗ lực này không chỉ giúp AIG đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường mà còn củng cố vị thế của mình trong ngành công nghiệp thực phẩm.

Bên cạnh việc tự đổi mới, Tập đoàn còn chủ trương mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế uy tín, tạo điều kiện để học hỏi và tận dụng kinh nghiệm, công nghệ từ các tập đoàn hàng đầu thế giới. Một dấu ấn quan trọng trong chiến lược này là AIG đã thiết lập mối quan hệ hợp tác chiến lược với Marubeni Growth Capital Asia Pte. Ltd. (MGCA), công ty con của Tập đoàn Marubeni - một trong những tập đoàn thương mại và đầu tư đa ngành lớn nhất Nhật Bản, với hơn 160 năm lịch sử phát triển. Hợp tác này không chỉ mở ra cơ hội mở rộng thị trường, tiếp cận nguồn lực và công nghệ tiên tiến từ Marubeni mà còn góp phần nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của AIG trên thị trường quốc tế. Đây là một bước đi chiến lược quan trọng, khẳng định cam kết của AIG trong việc không ngừng đổi mới và phát triển bền vững, phù hợp với xu thế hội nhập và toàn cầu hóa.



### Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào

AIG hoạt động trong lĩnh vực cung ứng và sản xuất nguyên liệu thực phẩm, một ngành nghề phụ thuộc nhiều vào giá cả nguyên liệu đầu vào và hàng hóa. Chính vì vậy, bất kỳ sự biến động nào về giá nguyên liệu, như tăng giá đột ngột hoặc thiếu hụt nguồn cung, đều có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận của Tập đoàn. Đây là một thách thức lớn, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hiện nay với nhiều biến động khó lường như giá nguyên liệu tăng cao, sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng, và các yếu tố địa chính trị. Nhận thức rõ những rủi ro này, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã luôn chủ động xây dựng và thực hiện các chiến lược quản lý hiệu quả nhằm ứng phó với biến động giá cả. Một trong những giải pháp quan trọng là triển khai các chính sách mua hàng hợp lý và linh hoạt, đảm bảo tối ưu hóa chi phí và giảm thiểu tác động tiêu cực đến hiệu quả kinh doanh.

Các chính sách này được hỗ trợ bởi sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chuyên trách như Quản trị nhà cung, Quản trị mua hàng và các đơn vị liên quan khác. Nhờ việc đánh giá liên tục các nhà cung cấp, Tập đoàn không chỉ đảm bảo được nguồn nguyên liệu ổn định mà còn có thể đàm phán để đạt được mức giá cạnh tranh. Đồng thời, việc thiết lập các thỏa thuận dài hạn với các đối tác chiến lược cũng giúp AIG giảm thiểu rủi ro từ sự dao động của thị trường nguyên liệu. Bên cạnh đó, Tập đoàn còn ứng dụng các công cụ quản lý hiện đại, như phân tích dữ liệu thị trường, dự báo xu hướng giá cả, và quản trị chuỗi cung ứng một cách toàn diện. Những nỗ lực này không chỉ giúp AIG nâng cao khả năng ứng phó với các biến động về giá mà còn đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh đầy cạnh tranh.



### Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro chính trên, Tập đoàn còn đối mặt với các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, môi trường, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động, an toàn thực phẩm... Những rủi ro này tuy khả năng xảy ra là không cao nhưng nó có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Tập đoàn. Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, an toàn cho người tiêu dùng, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, Tập đoàn luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội, ... thực hiện mua đầy đủ các loại bảo hiểm và thường xuyên kiểm định các máy móc, sản phẩm, hàng hóa của Tập đoàn.

## 02

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tập đoàn





CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Triệu đồng

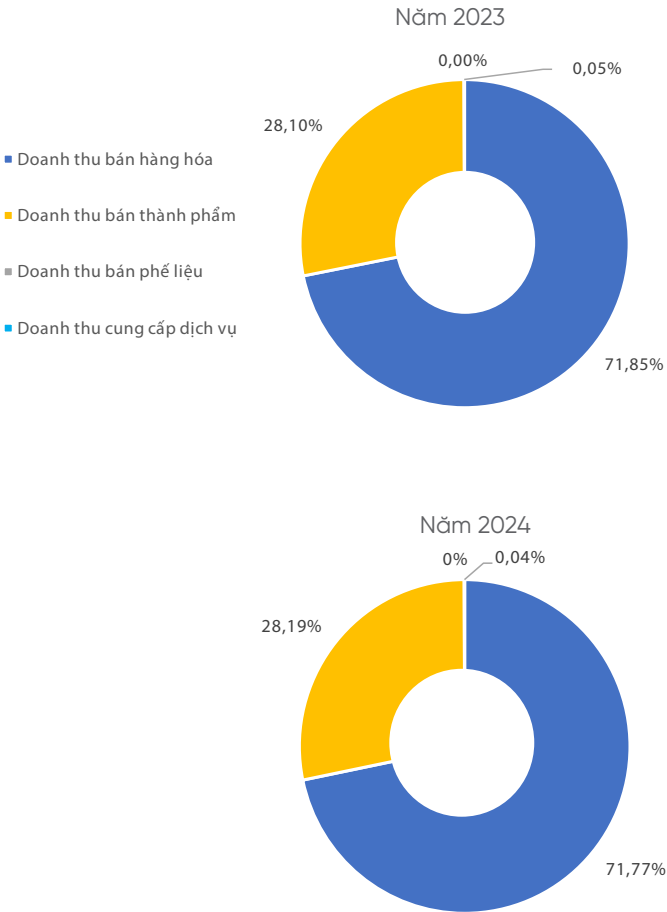
| STT       | Chỉ tiêu                   | Năm 2023   |          | Năm 2024   |          | % Thay đổi<br>2024/2023 |
|-----------|----------------------------|------------|----------|------------|----------|-------------------------|
|           |                            | Số tiền    | Tỷ trọng | Số tiền    | Tỷ trọng |                         |
| 1         | Doanh thu bán hàng hóa     | 8.604.214  | 71,85%   | 8.917.575  | 71,77%   | 3,64%                   |
| 2         | Doanh thu bán thành phẩm   | 3.365.345  | 28,10%   | 3.502.775  | 28,19%   | 4,08%                   |
| 3         | Doanh thu bán phế liệu     | -          | -        | 244        | -        | -                       |
| 4         | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 6.221      | 0,05%    | 4.880      | 0,04%    | 21,56%                  |
| Tổng cộng |                            | 11.975.780 | 100%     | 12.425.474 | 100%     | 3,76%                   |

Bước sang năm 2024, nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều thách thức khi thị trường chưa có dấu hiệu hồi phục mạnh mẽ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, trong đó có AIG. Tuy nhiên, với sự điều chỉnh linh hoạt trong chiến lược kinh doanh, Tập đoàn vẫn duy trì được đà tăng trưởng ổn định. Minh chứng cho điều này là tổng doanh thu gộp năm 2024 đạt 12.425.474 triệu đồng, tăng 3,76% so với năm 2023.

Trong đó, doanh thu bán hàng hóa tiếp tục giữ vai trò chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và đạt 8.917.575 triệu đồng, tăng 3,64% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu bán thành phẩm cũng ghi nhận mức tăng 4,08%, đạt 3.502.775 triệu đồng, cho thấy sự cải thiện trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Đáng chú ý, trong năm 2024, AIG đã bắt đầu ghi nhận doanh thu từ bán phế liệu, đóng góp 244 triệu đồng, thể hiện nỗ lực trong việc tối ưu hóa nguồn lực sản xuất. Tuy nhiên, doanh thu cung cấp dịch vụ giảm 21,56%, xuống còn 4.880 triệu đồng, phản ánh sự sụt giảm trong nhu cầu của phân khúc khách hàng này.

Việc duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu trong bối cảnh kinh tế vẫn còn nhiều biến động là kết quả của sự nỗ lực không ngừng từ Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn. AIG tiếp tục tập trung vào việc tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành và thích ứng nhanh với biến động thị trường. Đây chính là những tiền đề quan trọng để Tập đoàn tiếp tục phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.





TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                    | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | % TH/KH 2024 |
|-----|-----------------------------|---------------|----------------|--------------|
| 1   | Doanh thu thuần             | 12.949.531    | 12.386.543     | 95,65%       |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế          | 889.756       | 836.290        | 93,99%       |
| 3   | Tỷ lệ % lợi nhuận/doanh thu | 6,95%         | 6,75%          | 98,25%       |

Trong một năm tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, toàn thể nhân sự AIG đã thể hiện tinh thần quyết tâm và nỗ lực bền bỉ để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Minh chứng là doanh thu thuần của Tập đoàn trong năm 2024 đạt 12.386.543 triệu đồng, bằng 95,65% so với kế hoạch đề ra. Mặc dù chưa hoàn thành hoàn toàn mục tiêu kế hoạch, nhưng kết quả này vẫn phản ánh được sự thích ứng linh hoạt và khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng của AIG trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức. Lợi nhuận sau thuế đạt 836.290 triệu đồng, bằng 93,99% so với kế hoạch, cho thấy những nỗ lực kiểm soát chi phí và tối ưu hóa vận hành đã mang lại hiệu quả nhất định. Đặc biệt, tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu đạt 6,75%, tương đương 98,25% so với kế hoạch, tiếp tục khẳng định sự bền vững trong chiến lược kinh doanh của Tập đoàn.

Những kết quả này chứng minh rằng các chính sách và định hướng của Ban lãnh đạo AIG vẫn đang phát huy hiệu quả, giúp Tập đoàn vượt qua những khó khăn và giữ vững vị thế trên thị trường. Trong thời gian tới, AIG sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải thiện hiệu suất hoạt động, gia tăng lợi nhuận, và tối ưu hóa các nguồn lực để đảm bảo tăng trưởng bền vững.





DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH (TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2024)

| STT | Họ và tên           | Chức vụ                                              | Số CP sở hữu cá nhân và đại diện | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------|
| 1   | Ông Phạm Trung Lâm  | Tổng Giám đốc<br>(Đã miễn nhiệm vào ngày 08/10/2024) | 0                                | 0,00%        |
| 2   | Ông Nguyễn Bảo Tùng | Tổng Giám đốc<br>(bổ nhiệm ngày 08/10/2024)          | 14.471.211                       | 8,482%       |
| 3   | Ông Trần Việt Hùng  | Phó Tổng Giám đốc<br>(bổ nhiệm ngày 20/03/2024)      | 227.737                          | 0,13%        |
| 4   | Ông Phạm Đăng Long  | Thành viên HĐQT<br>kiêm Phó Tổng Giám đốc            | 623.400                          | 0,37%        |
| 5   | Ông Nguyễn Bá Lương | Thành viên HĐQT<br>kiêm Phó Tổng Giám đốc            | 1.825.663                        | 1,07%        |
| 6   | Ông Phan Duy Hiếu   | Phó Tổng Giám đốc<br>(bổ nhiệm ngày 14/11/2024)      | 2.855.107                        | 1,67%        |
| 7   | Ông Huỳnh Thanh Lâm | Phó Tổng Giám đốc<br>(bổ nhiệm ngày 14/11/2024)      | 4.321.076                        | 2,53%        |
| 8   | Ông Nguyễn Thảo     | Giám đốc tài chính<br>kiêm Kế toán trưởng            | 121.350                          | 0,07%        |



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Nguyễn Bảo Tùng - Tổng Giám đốc

Ngày sinh:

19/09/1979

Quốc tịch:

Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Anh Văn

Quá trình công tác:

- Từ 02/2004 – 06/2005 Nhân viên xuất nhập khẩu Công Ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại – Dịch Vụ A.T.L
- Từ 07/2005 – 06/2007 Nhân viên xuất nhập khẩu Công ty TNHH CTL
- Từ 07/2007 – 06/2014 Nhân viên xuất nhập khẩu CTCP Hóa chất Á Châu
- Từ 07/2014 – 09/2017 Trưởng phòng xuất nhập khẩu Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu
- Từ 10/2017 Giám đốc chuỗi cung ứng CTCP Hóa chất Á Châu
- Từ 2015 –2018 Thành viên HĐQT CTCP Thương mại VICTA
- Từ 2018–2024 Tổng Giám đốc CTCP Thương mại VICTA
- Từ 2016–2018 Thành viên HĐQT CTCP APIS
- Từ 2019– 10/2024 Chủ tịch HĐQT CTCP APIS
- Từ 2020 – 6/2022 Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Á Châu Healthcare
- Từ 6/2022 – 2024 Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Á Châu Healthcare
- Từ 2018 – nay Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại VICTA
- Từ 2012 – nay Thành viên HĐQT CTCP Hóa chất Á Châu
- Từ 2017 – nay Thành viên HĐQT CTCP Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn
- Từ 2017 – nay Giám đốc Asia Chemical Corporation (ACC) Ptc. Ltd
- Từ 2019 – nay Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP ARC Bình Dương
- Từ 2022 – nay Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Công nghiệp lạnh Á Châu

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại VICTA
- Thành viên HĐQT CTCP Hóa chất Á Châu
- Thành viên HĐQT CTCP Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn
- Giám đốc Asia Chemical Corporation (ACC) Ptc. Ltd
- Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP ARC Bình Dương
- Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Công nghiệp lạnh Á Châu

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

14.471.211 cổ phần, tương đương với 8,482% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

0 cổ phần



## LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

### Ông Trần Việt Hùng - Phó Tổng Giám đốc

|                                            |                                                                                     |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh:                                 | 18/12/1970                                                                          |
| Quốc tịch:                                 | Việt Nam                                                                            |
| Trình độ chuyên môn:                       | Cử nhân kinh tế                                                                     |
| Quá trình công tác:                        |                                                                                     |
| - 2006 – 2010                              | Trưởng phòng kế hoạch cung ứng – Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Việt Nam (Vifon) |
| - 2020 – 3/2024                            | Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Á Châu AIG                              |
| - 2010 – Nay                               | Giám đốc chuỗi cung ứng – Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn      |
| - 2019 – Nay                               | Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ Phần Á Châu Hoa Sơn                                      |
| - 3/2024 – Nay                             | Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Á Châu AIG                          |
| Chức vụ tại các tổ chức khác:              | Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn                       |
|                                            | Giám đốc Chuỗi cung ứng tại Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn    |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: | 227.737 cổ phần, chiếm 0,13% tổng số cổ phiếu đang lưu hành                         |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay  |                                                                                     |
| của những người có liên quan:              | 0 cổ phần                                                                           |

### Ông Phan Duy Hiếu - Phó Tổng Giám Đốc

|                                            |                                                                       |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh:                                 | 13/07/1969                                                            |
| Quốc tịch:                                 | Việt Nam                                                              |
| Trình độ chuyên môn:                       | Kỹ sư Hóa Công nghệ thực phẩm                                         |
| Quá trình công tác:                        |                                                                       |
| - 2000 – 2001                              | Nhân viên Công ty Dầu Thực Vật Cái Lân                                |
| - 2002 – 2005                              | Phó Giám đốc Công ty TNHH CTL                                         |
| - 2005 – 2008                              | Giám đốc Công ty TNHH SX TM DV ATL                                    |
| - 2009 đến tháng 3/2022                    | Giám Đốc Thương Mại/ Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Hóa Chất Á Châu     |
| - 11/2018 đến nay                          | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Hóa Chất Á Châu.                |
| - 12/2021 – nay                            | Tổng Giám Đốc Công ty CP Hóa Chất Á Châu.                             |
| - 11/2024 – Nay                            | Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG              |
| Chức vụ tại các tổ chức khác:              | Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc Công ty CP Hóa Chất Á Châu. |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: | 2.855.107 cổ phần, tương đương với 1,67% vốn điều lệ Công ty          |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay  |                                                                       |
| của những người có liên quan:              | 329.343 cổ phần, tương đương với 0,19% vốn điều lệ Công ty            |

### Ông Phạm Đăng Long - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

|                               |                                                                                    |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh:                    | 01/01/1971                                                                         |
| Quốc tịch:                    | Việt Nam                                                                           |
| Trình độ chuyên môn:          | Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế                                                      |
| Quá trình công tác:           |                                                                                    |
| - Từ 1993– 1997               | Trưởng Ca sản xuất Công ty Dệt Long An                                             |
| - Từ 1997–2008                | Phó Giám đốc Kỹ thuật CTCP Dệt Thái Tuấn                                           |
| - Từ 2008–2012                | Giám đốc Điều hành CTCP Nguyên liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn                       |
| - Từ 2018–08/2019             | Tổng Giám đốc CTCP Sản Xuất Hương Liệu Ếch Vàng                                    |
| - Từ 2021 –02/2024            | Chủ tịch HĐQT CTCP Chế Biến Dừa Á Châu                                             |
| - Từ 2012 – nay               | Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Nguyên liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn           |
| - Từ 2019 – nay               | Thành viên HĐQT CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG                                        |
| - Từ 2022 – nay               | Phó Tổng Giám đốc CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG                                      |
| - Từ 2023 – nay               | Chủ tịch HĐQT CTCP Mekong Delta Gourmet                                            |
| Chức vụ tại các tổ chức khác: | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công Ty CP Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn |
|                               | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Mekong Delta Gourmet                                 |

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 623.400 cổ phần, tương đương với 0,37% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

của những người có liên quan: 0 cổ phần

### Ông Nguyễn Bá Lương - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

|                               |                                                            |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh:                    | 19/08/1969                                                 |
| Quốc tịch:                    | Việt Nam                                                   |
| Trình độ chuyên môn:          | Kỹ thuật viên Điện công nghiệp                             |
| Quá trình công tác:           |                                                            |
| - 1996 – 2005                 | Nhân viên phòng mua – Công ty TNHH Dutch Lady Việt Nam     |
| - 2006 – 2007                 | Giám đốc phát triển kinh doanh – Công ty TNHH C.T.L        |
| - 2007 – Nay                  | Phó Tổng giám đốc – Công ty CP Hóa Chất Á Châu             |
| - 2019 – Nay                  | Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG   |
| - 2020 – Nay                  | Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần ARC Bình Dương           |
| - 08/2024 – Nay               | Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG |
| - 12/2024 – Nay               | Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Asia Shimakyu               |
| Chức vụ tại các tổ chức khác: | Thành viên HĐQT CTCP ARC Bình Dương                        |
|                               | Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Asia Shimakyu               |
|                               | Phó Tổng Giám đốc CTCP Hóa Chất Á Châu                     |

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.825.663 cổ phần, tương đương với 1,07% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

của những người có liên quan: 0 cổ phần



## LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

### Ông Huỳnh Thanh Lâm - Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 13/08/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa

Quá trình công tác:

- 1997 - 1998 Kỹ sư tại Công ty Sơn Bauhina
- 1998 - 2001 Kỹ sư tại Công ty TNHH Dutch Lady Việt Nam
- 2001 - 2007 Phó Giám đốc tại Công ty TNHH CTL
- 2019 - 2024 Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Apis
- 2007 - nay Giám Đốc Thương Mại/ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hóa Chất Á Châu
- 2020 - nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Hóa Chất Á Châu
- 10/2024 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Apis
- 10/2024 - nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thực phẩm G.C
- 11/2024 - nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Công ty Cổ phần APIS: Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu: Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị;
- Công ty Cổ phần thực phẩm G.C: Thành viên Hội đồng quản trị.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.321.076 cổ phần, tương đương với 2,53% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

của những người có liên quan: 0 cổ phần

### Ông Nguyễn Thảo - Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ngày sinh: 24/08/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính

Quá trình công tác:

- Từ 11/1998- 10/2003 Kế toán Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Protrade
- Từ 11/2003 - 05/2005 Kế toán trưởng Công ty Gpro Technologies Việt Nam
- Từ 06/2005-09/2010 Kế toán trưởng Công ty AsiaPaisnt Việt Nam
- Từ 10/2010 - nay Giám đốc tài chính CTCP Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn.
- Từ 2017 - nay Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng Công ty CP Nguyên liệu Á Châu AIG
- Từ 2021 - nay Thành viên HĐQT CTCP Chế Biến Dừa Á Châu

Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu

Giám đốc tài chính CTCP Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 121.350 cổ phần, tương đương với 0,07% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

của những người có liên quan: 0 cổ phần

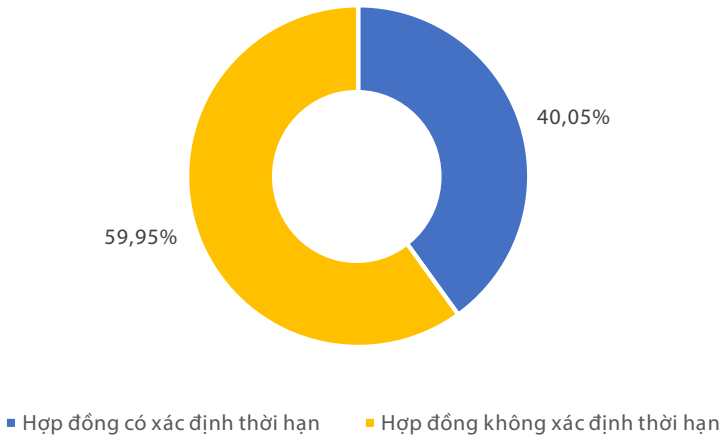
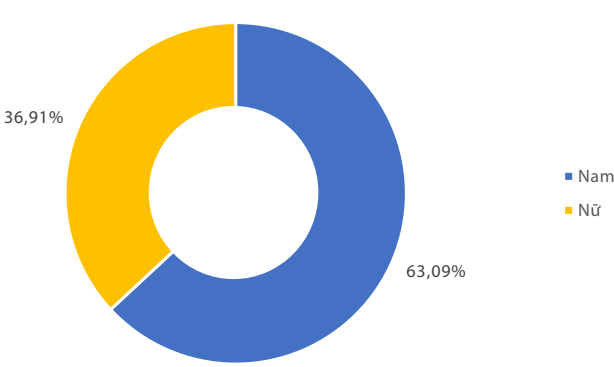
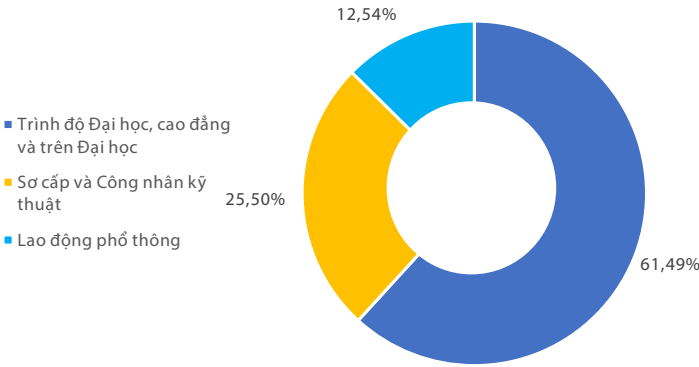


DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BĐH TRONG NĂM 2024

| STT | Họ và tên           | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | Nghị quyết                                          |
|-----|---------------------|-------------------|---------------|-----------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | Ông Trần Việt Hùng  | Tổng Giám đốc     | -             | 24/02/2024      | Theo Nghị quyết/ Quyết định số 03/2024/QĐ-HĐQT/AIG  |
|     | Ông Phạm Trung Lâm  | Tổng Giám đốc     | 24/02/2024    | -               |                                                     |
| 2   | Ông Trần Việt Hùng  | Phó Tổng Giám đốc | 20/03/2024    | -               | Theo Nghị quyết/ Quyết định số 05/ 2024/QĐ-HĐQT/AIG |
| 3   | Ông Nguyễn Bá Lương | Phó Tổng Giám đốc | 31/07/2024    | -               | Theo Nghị quyết định số 11A & 11B/ 2024/QĐ-HĐQT/AIG |
| 4   | Ông Nguyễn Bảo Tùng | Tổng Giám đốc     | 08/10/2024    | -               | Theo Nghị quyết định số 12/ 2024/QĐ-HĐQT/AIG        |
|     | Ông Phạm Trung Lâm  | Tổng Giám đốc     | -             | 08/10/2024      |                                                     |
| 5   | Ông Phan Duy Hiếu   | Phó Tổng Giám đốc | 14/11/2024    | -               | Theo Nghị quyết định số 14/ 2024/QĐ-HĐQT/AIG        |
|     | Ông Huỳnh Thanh Lâm | Phó Tổng Giám đốc | 14/11/2024    | -               |                                                     |

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

| STT                                  | Tính chất phân loại                        | Số lượng | Tỷ lệ  |
|--------------------------------------|--------------------------------------------|----------|--------|
| I Theo trình độ                      |                                            | 1.306    | 100%   |
| 1                                    | Trình độ Đại học, cao đẳng và trên Đại học | 803      | 61,49% |
| 2                                    | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật               | 333      | 25,50% |
| 3                                    | Lao động phổ thông                         | 170      | 12,54% |
| II Theo giới tính                    |                                            | 1.306    | 100%   |
| 1                                    | Nam                                        | 824      | 63,09% |
| 2                                    | Nữ                                         | 482      | 36,91% |
| III Theo tính chất hợp đồng lao động |                                            | 1.306    | 100%   |
| 1                                    | Hợp đồng có xác định thời hạn              | 523      | 40,05% |
| 2                                    | Hợp đồng không xác định thời hạn           | 783      | 59,95% |





THU NHẬP BÌNH QUÂN

| Chỉ tiêu                              | 2021            | 2022            | 2023            | 2024            |
|---------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Tổng số lượng người lao động (người)  | 1.053           | 1.160           | 1.184           | 1.306           |
| Chi phí lao động theo BCTC (đồng)     | 456.670.889.665 | 436.892.754.044 | 485.197.280.341 | 537.524.983.790 |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 26.332.280      | 26.332.280      | 34.149.583      | 34.298.429      |

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

AIG luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi cho sự phát triển bền vững. Do đó, trong năm 2024, Tập đoàn tiếp tục chú trọng đầu tư vào đào tạo, phát triển và gắn kết nhân viên, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cũng như tạo động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên. Các chính sách nhân sự được xây dựng không chỉ để đáp ứng nhu cầu phát triển trước mắt mà còn đảm bảo nguồn nhân lực ổn định và chất lượng cao trong dài hạn.

Nhằm thúc đẩy tinh thần làm việc và tạo sự gắn kết, AIG tổ chức nhiều hoạt động nội bộ như Team Building, Ngày hội kết nối (Family Day), các buổi hội thảo chuyên đề, giúp nhân viên có cơ hội giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm và mở rộng quan hệ. Ngoài ra, Tập đoàn cũng xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, giúp đội ngũ nhân viên không ngừng phát triển kỹ năng chuyên môn, nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý. Bên cạnh đó, AIG tiếp tục triển khai chính sách thu hút và giữ chân

nhân tài, đảm bảo môi trường làm việc ổn định và tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên phát huy khả năng. Các chế độ đãi ngộ không ngừng được cải thiện, bao gồm chăm sóc sức khỏe toàn diện, hỗ trợ vay mua nhà, chính sách lương thưởng cạnh tranh và các hoạt động giúp cân bằng công việc - cuộc sống.

Ngoài ra, trong năm 2024, Tập đoàn đặc biệt quan tâm đến chương trình phát triển nhân sự kế cận, hướng đến việc đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý tiềm năng. Các sáng kiến đổi mới cũng được khuyến khích, tạo động lực để nhân viên chủ động đóng góp vào sự phát triển chung của Tập đoàn. AIG cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và giàu tinh thần văn, nơi mà mỗi cá nhân đều có cơ hội phát triển và đồng hành cùng sự lớn mạnh của Tập đoàn.





### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

#### Về tuyển dụng

AIG luôn xác định tuyển dụng nhân tài là một trong những yếu tố quan trọng giúp Tập đoàn phát triển bền vững. Do đó, trong năm 2024, Tập đoàn tiếp tục duy trì chủ trương tuyển chọn những cá nhân có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt và tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất – kinh doanh cũng như phù hợp với văn hóa doanh nghiệp. Với tiêu chí chỉ tìm kiếm những ứng viên có tài năng chuyên môn mà còn chú trọng đến sự phù hợp với định hướng phát triển của Tập đoàn. Quy trình tuyển dụng được xây dựng bài bản, đảm bảo chọn đúng người, đúng vị trí. Đặc biệt, Tập đoàn luôn đề cao tư duy sáng tạo, tinh thần đổi mới và khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh năng động, từ đó tạo điều kiện để nhân sự phát huy tối đa năng lực.

Đối với các vị trí quản lý và điều hành, Tập đoàn áp dụng quy trình tuyển dụng nghiêm ngặt với các yêu cầu khắt khe về năng lực lãnh đạo, chuyên môn sâu, kinh nghiệm thực tiễn, khả năng phân tích – dự báo thị trường, tư duy chiến lược, cũng như trình độ ngoại ngữ và tin học. Các cán bộ quản lý không chỉ là người dẫn dắt đội ngũ mà còn phải có tầm nhìn xa, kỹ năng thuyết trình và khả năng xây dựng chiến lược hiệu quả. Bên cạnh việc tuyển dụng từ bên ngoài, AIG cũng đặc biệt quan tâm đến việc phát triển nhân sự nội bộ thông qua các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng và bồi dưỡng nhân sự kế cận. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực mà còn tạo động lực để nhân viên gắn bó lâu dài với Tập đoàn.

Với định hướng tuyển dụng chiến lược, minh bạch và chuyên nghiệp, AIG tin rằng việc sở hữu đội ngũ nhân sự chất lượng cao sẽ là nền tảng vững chắc giúp Tập đoàn đáp ứng tốt các mục tiêu kinh doanh và tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong những năm tới.

#### Về lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

AIG luôn xem chính sách lương, thưởng và phúc lợi là một trong những yếu tố quan trọng giúp tạo động lực và giữ chân nhân tài. Trong năm 2024, Tập đoàn tiếp tục đảm bảo mức lương cạnh tranh, điều chỉnh theo mức lương tối thiểu vùng và cam kết chi trả đúng hạn theo quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, AIG không ngừng hoàn thiện các chính sách khen thưởng công bằng, minh bạch, ghi nhận và tôn vinh những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc.

Ngoài mức lương cơ bản, Tập đoàn áp dụng chính sách thưởng dựa trên hiệu suất công việc (KPI), đảm bảo mọi đóng góp của nhân viên đều được đánh giá khách quan và tương xứng xứng đáng. Các hoạt động vinh danh cá nhân và tập thể xuất sắc được tổ chức thường xuyên, góp phần tạo động lực làm việc và thúc đẩy tinh thần cống hiến của đội ngũ.

AIG luôn coi con người là tài sản quý giá nhất và không ngừng nỗ lực mang đến môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhân văn và giàu tính gắn kết. Do đó, ngoài chính sách lương



thưởng, Tập đoàn còn chú trọng đến các phúc lợi khác nhằm nâng cao đời sống nhân viên. Hằng năm, Tập đoàn tổ chức chương trình du lịch, nghỉ mát cho người lao động, với chi phí linh hoạt theo tình hình kinh doanh. Đồng thời, nhân viên được tham gia chương trình khám sức khỏe định kỳ, được hỗ trợ mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho mỗi cá nhân.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ghi nhận bất động sản đầu tư với giá trị tiền thuê đất trả trước là 110.034.690.092 đồng. Bất động sản này bao gồm quyền sử dụng đất thuê với diện tích 33.729 m<sup>2</sup>, nằm tại Lô C7e, đường Dọc 1, Khu Công nghiệp Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, bất động sản này được giữ nhằm mục đích chờ tăng giá bán trong tương lai. Dù giá trị hợp lý của bất động sản chưa được xác định chính thức, Ban Tổng Giám đốc tự tin rằng giá trị thực tế của tài sản lớn hơn giá trị ghi sổ hiện tại, dựa trên tình hình thị trường tại thời điểm đó.

Đặc biệt, AIG chú trọng đầu tư vào mua sắm tài sản, máy móc để phục vụ mục tiêu duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Một trong những dự án trọng điểm trong năm qua là xây dựng Nhà máy chế biến và bảo quản rau quả tại Lô C2, Đường Dọc 2, Khu Công nghiệp Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam; và Nhà máy Chế biến Dừa Á Châu, tại Lô El-2, El-3 và El-4, Khu Công nghiệp Giao Long Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre. Dự án này không chỉ giúp mở rộng quy mô sản xuất mà còn góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động trong dài hạn.



### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Trong năm 2024, AIG tiếp tục đẩy mạnh chiến lược đầu tư tài chính dài hạn, thể hiện rõ định hướng mở rộng và củng cố vị thế trong các lĩnh vực tiềm năng. Tập đoàn đã duy trì và gia tăng giá trị đầu tư vào một số công ty liên kết và công ty con, phản ánh niềm tin vào triển vọng tăng trưởng của các doanh nghiệp này.

Cụ thể, AIG tiếp tục hơn 420 tỷ đồng tại Nhà máy chế biến và bảo quản rau quả và 200 tỷ đồng tại Nhà máy Chế biến Dừa Á Châu, cho thấy sự quan tâm đặc biệt đến lĩnh vực chế biến & bảo quản rau quả. Đây là các ngành có tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến sức khỏe và các sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên.

Bên cạnh đó, tại Tập đoàn cũng thực hiện đầu tư mới vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu (“AFS”), với tổng

mức đầu tư lên đến 40 tỷ đồng, tiếp tục khẳng định vai trò trong ngành công nghiệp chế biến và bảo quản thực phẩm. Tổng giá trị đầu tư tài chính dài hạn của AIG trong năm 2024 đã tăng đáng kể so với năm trước, thể hiện chiến lược mở rộng và tối ưu hóa danh mục đầu tư. Cụ thể hơn, AIG đã thực hiện đầu tư gần gấp đôi so với năm 2023, với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh từ 237 tỷ đồng lên đến 553 tỷ đồng trong năm 2024. Việc duy trì và gia tăng các khoản đầu tư này không chỉ giúp Tập đoàn củng cố năng lực tài chính, mà còn mở ra cơ hội tăng trưởng dài hạn thông qua sự hợp tác và khai thác tiềm năng từ các doanh nghiệp liên kết. Đây là bước đi quan trọng giúp AIG tiếp tục phát triển bền vững, đảm bảo hiệu quả đầu tư và tạo giá trị lâu dài cho cổ đông.





# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN (TIẾP THEO)

## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### 1. Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu

| Chỉ tiêu                                        | Năm 2023            | Năm 2024            | ĐVT: đồng            |
|-------------------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------|
|                                                 |                     |                     | % thay đổi 2024/2023 |
| Tổng tài sản                                    | 5.083.381.973.590   | 5.293.634.647.279   | 104%                 |
| Doanh thu thuần                                 | 7.254.883.453.766   | 7.555.958.258.461   | 104%                 |
| Giá vốn hàng bán                                | - 6.319.215.360.154 | - 6.551.270.675.291 | -                    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                   | 120.549.857.018     | 141.850.146.862     | 118%                 |
| Chi phí bán hàng quản lý doanh nghiệp tài chính | - 535.971.966.827   | - 568.302.970.778   | -                    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh               | 520.245.983.803     | 578.234.759.254     | 111%                 |
| Lợi nhuận khác                                  | 8.138.145.618       | 23.903.445.891      | 294%                 |
| Lợi nhuận trước thuế                            | 528.384.129.421     | 602.138.205.145     | 114%                 |
| Lợi nhuận sau thuế                              | 425.684.035.145     | 481.281.769.585     | 113%                 |

### 2. Công ty Cổ Phần Thương Mại VICTA

| Chỉ tiêu                                            | Năm 2023            | Năm 2024            | ĐVT: đồng            |
|-----------------------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------|
|                                                     |                     |                     | % thay đổi 2024/2023 |
| Tổng tài sản                                        | 815.834.504.988     | 1.004.414.553.019   | 123%                 |
| Doanh thu thuần                                     | 1.991.377.027.719   | 2.162.388.549.791   | 109%                 |
| Giá vốn hàng bán                                    | - 1.870.898.880.679 | - 2.039.167.674.600 | -                    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                       | 9941.760.086        | 11.822.280.020      | 119%                 |
| Chi phí bán hàng; quản lý doanh nghiệp và tài chính | - 101.841.652.039   | - 96.940.440.533    | -                    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                   | 28.578.255.087      | 38.102.714.678      | 133%                 |
| Lợi nhuận khác                                      | 6.408.431.401       | 4.947.373.349       | 77%                  |
| Lợi nhuận trước thuế                                | 34.986.686.488      | 43.050.088.027      | 123%                 |
| Lợi nhuận sau thuế                                  | 27.194.188.466      | 34.092.600.813      | 125%                 |

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG sở hữu và hợp tác với một mạng lưới các công ty thành viên đa dạng, hoạt động trong nhiều lĩnh vực như chế biến thực phẩm, dược phẩm, phụ gia thực phẩm, và công nghệ nông sản. Các công ty thành viên đều đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chuỗi cung ứng và gia tăng giá trị sản phẩm của AIG, góp phần vào sự phát triển bền vững và hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn.

Trong mạng lưới các công ty thành viên của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG, một số đơn vị nổi bật đã đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra doanh thu và duy trì sự tăng trưởng bền vững cho tập đoàn. Những đơn vị này không chỉ dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh của mình mà còn góp phần củng cố vị thế của AIG trên thị trường, cụ thể như:

### 3. Công ty Cổ Phần Á Châu Hoa Sơn

| Chỉ tiêu                                            | Năm 2023          | Năm 2024          | ĐVT: đồng            |
|-----------------------------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
|                                                     |                   |                   | % thay đổi 2024/2023 |
| Tổng tài sản                                        | 611.221.526.372   | 705.213.699.940   | 115%                 |
| Doanh thu thuần                                     | 874.199.951.053   | 813.320.385.266   | 93%                  |
| Giá vốn hàng bán                                    | - 765.731.664.623 | - 697.223.313.405 | -                    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                       | 3.477.290.683     | 4.428.092.277     | 127%                 |
| Chi phí bán hàng; quản lý doanh nghiệp và tài chính | - 85.175.674.691  | - 86.735.938.547  | -                    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                   | 26.769.902.422    | 33.789.225.591    | 126%                 |
| Lợi nhuận khác                                      | 47.084.366        | 202.235.008       | 430%                 |
| Lợi nhuận trước thuế                                | 26.816.986.758    | 33.991.460.599    | 127%                 |
| Lợi nhuận sau thuế                                  | 26.791.598.115    | 33.831.470.011    | 126%                 |

### 4. Công ty Cổ phần APIS

| Chỉ tiêu                                            | Năm 2023          | Năm 2024          | ĐVT: đồng            |
|-----------------------------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
|                                                     |                   |                   | % thay đổi 2024/2023 |
| Tổng tài sản                                        | 300.461.649.711   | 468.650.903.888   | 156%                 |
| Doanh thu thuần                                     | 547.246.316.858   | 899.722.982.211   | 164%                 |
| Giá vốn hàng bán                                    | - 450.522.325.489 | - 765.410.216.631 | -                    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                       | 1.698.481.157     | 3.559.846.646     | 210%                 |
| Chi phí bán hàng; quản lý doanh nghiệp và tài chính | - 47.960.521.235  | - 72.429.538.030  | -                    |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                   | 50.461.951.291    | 65.443.074.196    | 130%                 |
| Lợi nhuận khác                                      | 1.584.903.658     | 2.288.459.189     | 144%                 |
| Lợi nhuận trước thuế                                | 52.046.854.949    | 67.731.533.385    | 130%                 |
| Lợi nhuận sau thuế                                  | 41.624.345.720    | 53.867.298.099    | 129%                 |



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

5. Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu

| Chỉ tiêu                                               | Năm 2023          | Năm 2024          | % thay đổi<br>2024/2023 |
|--------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------------|
| Tổng tài sản                                           | 762.703.814.496   | 1.049.146.413.400 | 138%                    |
| Doanh thu thuần                                        | 665.012.384.116   | 908.943.496.608   | 137%                    |
| Giá vốn hàng bán                                       | - 489.235.920.209 | - 725.371.964.650 | -                       |
| Doanh thu hoạt động tài chính                          | 7.164.947.436     | 11.200.809.516    | 156%                    |
| Chi phí bán hàng; quản lý doanh nghiệp<br>và tài chính | - 90.895.494.633  | - 118.118.813.837 | -                       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                      | 92.045.916.710    | 76.653.527.637    | 83%                     |
| Lợi nhuận khác                                         | 22.638.980        | 1.545.494.654     | 6827%                   |
| Lợi nhuận trước thuế                                   | 92.068.555.690    | 78.199.022.291    | 85%                     |
| Lợi nhuận sau thuế                                     | 84.544.943.526    | 64.859.003.836    | 77%                     |

6. Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn

| Chỉ tiêu                                               | Năm 2023            | Năm 2024            | % thay đổi<br>2024/2023 |
|--------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-------------------------|
| Tổng tài sản                                           | 1.841.860.057.622   | 1.948.264.995.291   | 106%                    |
| Doanh thu thuần                                        | 2.130.199.598.960   | 2.072.452.635.943   | 97%                     |
| Giá vốn hàng bán                                       | - 1.755.863.102.442 | - 1.687.900.466.552 | -                       |
| Doanh thu hoạt động tài chính                          | 45.515.243.264      | 44.822.431.287      | 98%                     |
| Chi phí bán hàng; quản lý doanh nghiệp<br>và tài chính | - 150.031.631.082   | - 141.103.643.613   | -                       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                      | 269.820.108.700     | 288.270.957.065     | 107%                    |
| Lợi nhuận khác                                         | - 1.342.516.492     | - 4.280.539.171     | -                       |
| Lợi nhuận trước thuế                                   | 268.477.592.208     | 283.990.417.894     | 106%                    |
| Lợi nhuận sau thuế                                     | 226.115.911.746     | 233.014.219.589     | 103%                    |

7. Công ty Asia Chemical Corporation Pte.Ltd

ĐVT: đồng

| Chỉ tiêu                                               | Năm 2023          | Năm 2024          | % thay đổi<br>2024/2023 |
|--------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------------|
| Tổng tài sản                                           | 177.703.123.120   | 143.944.608.118   | 81%                     |
| Doanh thu thuần                                        | 603.142.430.022   | 160.694.885.549   | 27%                     |
| Giá vốn hàng bán                                       | - 579.211.454.227 | - 147.862.693.097 | -                       |
| Doanh thu hoạt động tài chính                          | -                 | -                 | -                       |
| Chi phí bán hàng; quản lý doanh nghiệp<br>và tài chính | - 4.242.615.051   | - 1.597.200.312   | -                       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                      | 19.688.360.744    | 11.234.992.140    | 57%                     |
| Lợi nhuận khác                                         | -                 | -                 | -                       |
| Lợi nhuận trước thuế                                   | 19.688.360.744    | 11.234.992.140    | 57%                     |
| Lợi nhuận sau thuế                                     | 16.603.389.339    | 10.387.211.636    | 63%                     |

8. Công ty cổ phần Thực phẩm G.C

| Chỉ tiêu                                               | Năm 2023        | Năm 2024        | % thay đổi<br>2024/2023 |
|--------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------------|
| Tổng tài sản                                           | 672.094.945.750 | 665.033.100.277 | 98,95%                  |
| Doanh thu thuần                                        | 474.680.847.093 | 578.684.755.207 | 121,91%                 |
| Giá vốn hàng bán                                       | 337.849.311.364 | 374.366.200.976 | 110,81%                 |
| Doanh thu hoạt động tài chính                          | 1.867.844.377   | 2.849.193.230   | 152,54%                 |
| Chi phí bán hàng; quản lý doanh nghiệp<br>và tài chính | 97.373.188.534  | 121.553.827.056 | 124,83%                 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                      | 41.433.236.825  | 85.688.552.881  | 206,81%                 |
| Lợi nhuận khác                                         | 50.742.511      | 143.240.446     | 282,29%                 |
| Lợi nhuận trước thuế                                   | 41.483.979.336  | 85.831.793.327  | 206,90%                 |
| Lợi nhuận sau thuế                                     | 26.303.748.339  | 63.766.303.372  | 242,42%                 |



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| STT | Chỉ tiêu                               | Năm 2023<br>(triệu đồng) | Năm 2024<br>(triệu đồng) | % 2024/2023 |
|-----|----------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản                   | 9.506.981                | 10.542.804               | 10,90%      |
| 2   | Vốn chủ sở hữu                         | 5.471.259                | 6.012.527                | 9,89%       |
| 3   | Doanh thu thuần                        | 11.915.373               | 12.386.543               | 3,95%       |
| 4   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh      | 950.936                  | 1.034.691                | 8,81%       |
| 5   | Lợi nhuận khác                         | 8.559                    | 7.161                    | -16,33%     |
| 6   | Lợi nhuận trước thuế                   | 959.495                  | 1.041.851                | 8,58%       |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế                     | 786.958                  | 836.290                  | 6,27%       |
| 8   | Thu nhập trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) | 3.661                    | 3.970                    | 8,44%       |

Bước vào năm 2024, AIG tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định mặc dù bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều biến động. Với tổng doanh thu thuần đạt 12.386.543 triệu đồng, tăng 3,95% so với năm 2023, Tập đoàn đã cho thấy sự linh hoạt trong chiến lược kinh doanh, thích ứng tốt với những thách thức trên thị trường. Mặc dù tốc độ tăng trưởng doanh thu có phần chậm lại so với những năm trước, nhưng đây vẫn là một dấu hiệu tích cực trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của AIG cũng ghi nhận mức tăng lần lượt là 8,58% và 6,27%, đạt 1.041.851 triệu đồng và 836.290 triệu đồng. Điều này cho thấy Tập đoàn đã tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, kiểm soát chi phí hợp lý, giúp cải thiện biên lợi nhuận ngay cả khi tốc độ tăng trưởng doanh thu không quá cao. Tuy nhiên, lợi nhuận khác sụt giảm mạnh 16,34%, xuống còn 7.161 triệu đồng, phản ánh sự biến động của các khoản thu nhập không thường xuyên, nhưng nhìn chung không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh chung của Tập đoàn.

Về tổng giá trị tài sản, AIG ghi nhận 10.542.804 triệu đồng, tăng 10,90% so với năm trước. Điều này đến từ sự gia tăng

trong các khoản đầu tư tài chính và tối ưu hóa tài sản, giúp Tập đoàn tiếp tục củng cố nền tảng tài chính vững chắc. Vốn chủ sở hữu cũng tăng mạnh 9,89% so với năm trước, đạt 6.012.527 triệu đồng, cho thấy sự cải thiện trong tình hình tài chính, đặc biệt là từ việc gia tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Nhìn chung, năm 2024 tiếp tục là một năm tăng trưởng ổn định đối với AIG, nhờ chiến lược kinh doanh linh hoạt, tối ưu chi phí và duy trì lợi nhuận bền vững. Tập đoàn đã thành công trong việc điều chỉnh hoạt động để thích ứng với điều kiện thị trường, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và duy trì vị thế cạnh tranh trong ngành.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2023 | Năm 2024 |
|----------|-----|----------|----------|
|----------|-----|----------|----------|

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

|                           |     |      |      |
|---------------------------|-----|------|------|
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,77 | 1,68 |
| Hệ số thanh toán nhanh    | Lần | 1,22 | 1,08 |

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

|                         |   |       |       |
|-------------------------|---|-------|-------|
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản   | % | 42,45 | 42,97 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 73,76 | 75,35 |

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

|                        |      |      |      |
|------------------------|------|------|------|
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 4,15 | 4,29 |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 1,37 | 1,24 |

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

|                                                                   |   |       |       |
|-------------------------------------------------------------------|---|-------|-------|
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                          | % | 6,60  | 6,75  |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                 | % | 15,40 | 14,56 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quâ                    | % | 9,02  | 8,34  |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 7,98  | 8,35  |



## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2024, AIG đã có sự cải thiện đáng kể về khả năng thanh toán. Cụ thể, với Hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm 2023 là 1,77, giảm xuống còn 1,68 trong năm 2024. Mặc dù có sự giảm nhẹ, nhưng hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn ở mức trên 1, cho thấy AIG vẫn có khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn đã tắt toán và thu lại các khoản tiền nhằm phục vụ cho vốn lưu động trong nền kinh tế biến động hiện nay.

Ngoài ra, Hệ số thanh toán nhanh trong năm 2023 là 1,22; giảm mạnh xuống 1,08 trong năm 2024. Phần lớn các khoản này chịu ảnh hưởng từ việc các khoản tồn kho được Công ty làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn nhằm phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh của các Công ty con. Nhìn chung thì hệ số thanh toán nhanh vẫn nằm trên mức 1, cho thấy AIG vẫn có khả năng thanh toán các khoản nợ nhanh chóng nếu cần thiết, mặc dù sự giảm sút cho thấy Tập đoàn cần cải thiện khả năng quản lý tài chính và nguồn lực trong tương lai.

## CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Đến cuối năm 2024, hệ số nợ trên tổng tài sản của AIG tăng từ 42,45% trong năm 2023 lên 42,97%. Mức tăng này, dù không quá lớn, nhưng khá đáng chú ý, cho thấy tỷ trọng nợ phải trả trong cơ cấu tài sản của Tập đoàn đã gia tăng. Điều này phản ánh chiến lược của AIG trong việc đẩy mạnh sử dụng nợ để tài trợ cho các hoạt động đầu tư và phát triển dài hạn, nổi bật là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm G.S Food.

Về Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu, chỉ số này cũng ghi nhận tăng lên 75,35% trong năm 2024, so với 73,76% trong năm 2023. Sự gia tăng này cho thấy nợ phải trả đã tăng nhanh hơn vốn chủ sở hữu, phần lớn xuất phát từ việc Tập đoàn đã thực hiện đi chiếm dụng vốn nhiều hơn để phục vụ cho hoạt động mở rộng và đầu tư phát triển. Mặc dù tỷ lệ này vẫn nằm trong giới hạn an toàn, việc gia tăng nợ cần được kiểm soát kỹ lưỡng để đảm bảo bền vững tài chính cho Tập đoàn trong dài hạn.

Nhìn chung, AIG vẫn đang tiếp tục theo dõi chặt chẽ sự gia tăng nợ trong tương lai, đồng thời sẽ chú trọng tăng trưởng vốn chủ sở hữu để duy trì sự ổn định tài chính và giảm thiểu rủi ro tài chính liên quan đến nợ vay.

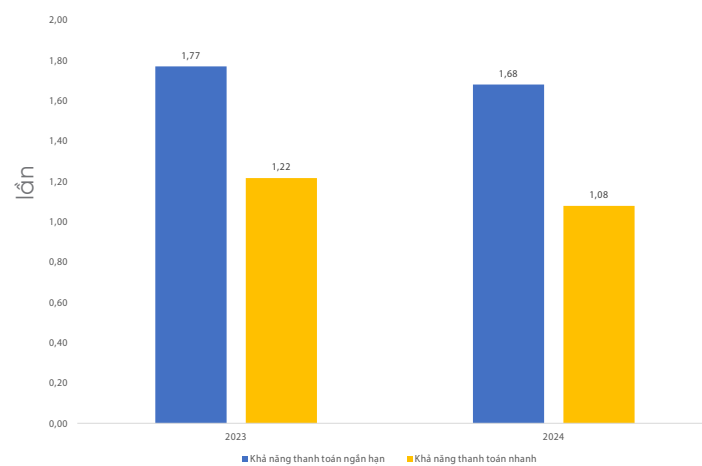
## CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Đến cuối năm 2024, chỉ số vòng quay hàng tồn kho của AIG tăng nhẹ từ 4,15 vòng trong năm 2023 lên 4,29 vòng. Điều này phản ánh Tập đoàn đã nâng cao hiệu quả quản lý và luân chuyển hàng tồn kho, góp phần đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ sản phẩm và giảm bớt chi phí lưu trữ. Tuy nhiên, phần lớn hàng tồn kho đã được sử dụng làm tài sản thế chấp, tạo ra đòn bẩy tài chính nhằm gia tăng khả năng sinh lời cho Tập đoàn.

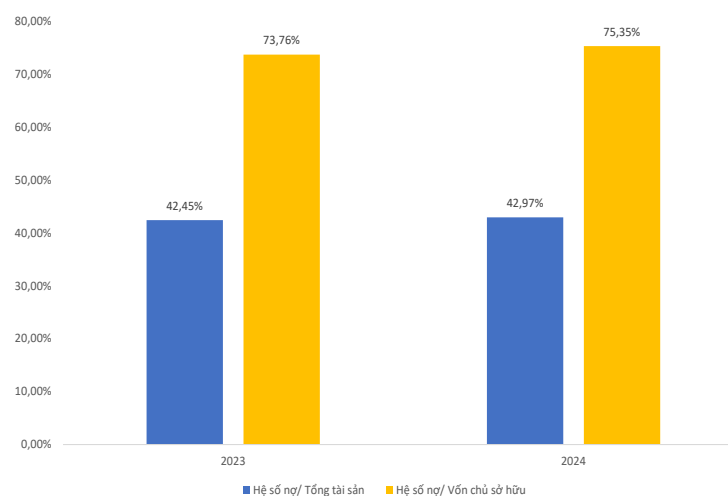
Về chỉ số vòng quay tổng tài sản, AIG ghi nhận mức giảm nhẹ từ 1,37 vòng trong năm 2023 xuống còn 1,24 vòng trong năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc Tập đoàn tập trung mua sắm thêm tài sản mới để phục vụ hoạt động kinh doanh, đồng thời ưu tiên các khoản đầu tư dài hạn nhằm hỗ trợ sự phát triển bền vững trong tương lai. Dù vậy, chỉ số vòng quay tổng tài sản vẫn giữ ở mức ổn định, cho thấy AIG tiếp tục quản lý tài sản hiệu quả và duy trì khả năng tạo lợi nhuận từ các nguồn lực đã đầu tư.

Nhìn chung, AIG đang duy trì cả hai chỉ số vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản ở mức ổn định, tạo nền tảng vững chắc để tối ưu hóa hoạt động sản xuất và quản lý tài chính trong năm 2024, bất chấp những biến động nhẹ trong các chỉ tiêu này.

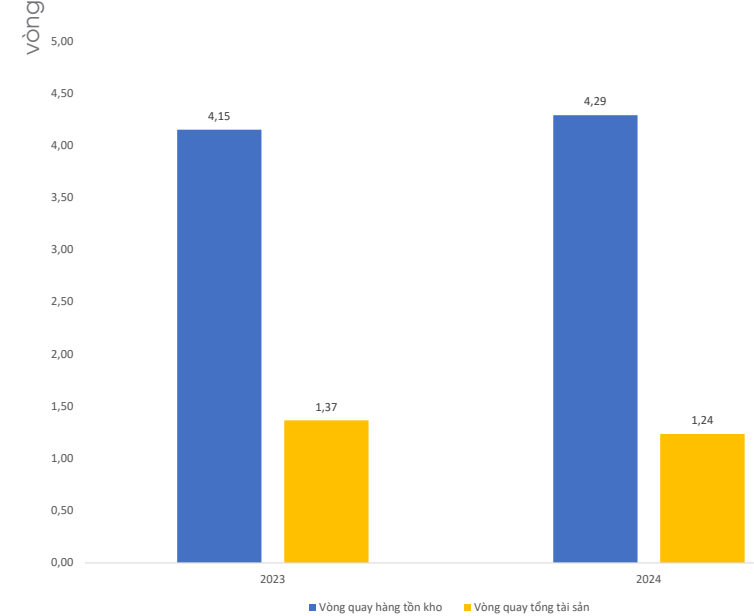
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG





### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

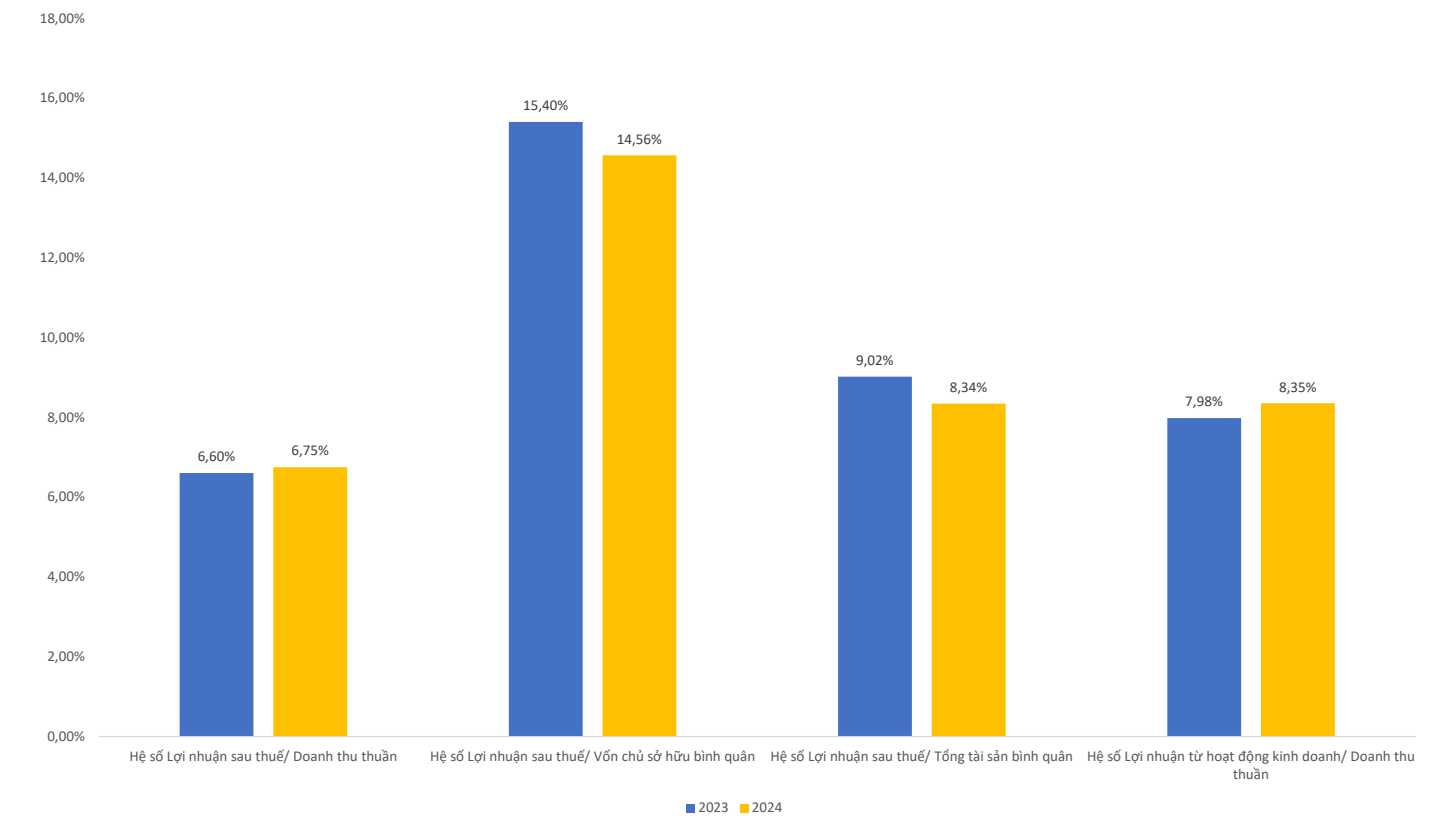
Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần, AIG ghi nhận sự tăng trưởng từ 6,60% trong năm 2023 lên 6,75% trong năm 2024. Mặc dù mức tăng không quá lớn, nhưng đây là dấu hiệu cho thấy Tập đoàn đang duy trì ổn định khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh, qua đó tăng trưởng bền vững trong dài hạn. Tuy nhiên, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân của AIG lại ghi nhận sự suy giảm từ 15,40% xuống 14,56%. Mặc dù có sự sụt giảm nhẹ trong tỷ lệ này, AIG vẫn duy trì một lợi nhuận hấp dẫn so với vốn chủ sở hữu, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn và khả năng tạo ra lợi nhuận từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Về hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân, AIG tiếp tục tăng trưởng từ 9,02% trong năm 2023 lên 8,34% trong năm 2024. Mặc dù có sự giảm nhẹ, tỷ lệ này vẫn cho thấy Tập đoàn quản lý tài sản tốt, từ đó đạt được lợi nhuận hợp lý từ việc sử dụng tài sản trong kinh doanh.

Cuối cùng, về hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/doanh thu thuần, AIG có sự tăng nhẹ từ 7,98% trong năm 2023 lên 8,35% trong năm 2024, phản ánh khả năng tối ưu hóa lợi nhuận từ hoạt động sản xuất và giảm chi phí sản xuất hiệu quả, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Nhìn chung, trong năm qua AIG có sự biến động không quá nhiều, nhưng với các dự án, đầu tư dài hạn vào các công ty con, công ty liên kết khác cũng đưa ra được hướng đi dài hạn phát triển cho AIG. Ngoài ra, các khoản chi phí như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp,... cũng ghi nhận tăng lên đáng kể trong năm qua nhưng Tập đoàn vẫn có thể kiểm soát được khoản sinh lợi và duy trì triển vọng phát triển bền vững trong các năm tới.

### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI





CỔ PHẦN



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

**TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA:** Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Ngày 13/6/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 3737/UBCK-PTTT về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(tính đến ngày 02/12/2024)

| STT                | Loại cổ đông       | Số cổ phần  | Giá trị (đồng)    | Tỷ lệ sở hữu |
|--------------------|--------------------|-------------|-------------------|--------------|
| I                  | Cổ đông Nhà nước   | -           | -                 | -            |
| II                 | Cổ phiếu quỹ       | -           | -                 | -            |
| III                | Cổ đông trong nước | 94.587.737  | 945.877.370.000   | 55,44%       |
| 1                  | Cá nhân            | 94.587.737  | 945.877.370.000   | 55,44%       |
| 2                  | Tổ chức            | -           | -                 | -            |
| IV                 | Cổ đông nước ngoài | 76.013.561  | 760.135.610.000   | 44,56%       |
| 1                  | Cá nhân            | 900         | 9.000.000         | 0,00%        |
| 2                  | Tổ chức            | 76.012.661  | 760.126.610.000   | 44,56%       |
| Tổng cộng (III+IV) |                    | 170.601.298 | 1.706.012.980.000 | 100%         |

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

| STT | Họ và tên                | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu/VDL (%) |
|-----|--------------------------|-------------------|----------------------|
| 1   | Nguyễn Thiên Trúc        | 51.720.344        | 30,32%               |
| 2   | Nguyễn Bảo Tùng          | 14.471.211        | 8,48%                |
| 3   | MGCA FOODCO PTE. LTD.    | 49.472.156        | 28,99%               |
| 4   | ALL INGREDIENTS PTE. LTD | 13.803.957        | 8,09%                |



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

| Thời điểm             | Vốn điều lệ trước khi<br>tăng vốn<br>(đồng) | Vốn điều lệ<br>thay đổi<br>(đồng) | Vốn điều lệ sau<br>khi tăng vốn<br>(đồng) | Phương thức                                                                                                                                 | Tài liệu pháp lý                                                                                      |
|-----------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19/07/2017            | 18.000.000.000                              | 18.000.000.000                    | 18.000.000.000                            | Các cổ đông sáng<br>lập góp vốn                                                                                                             | GCN ĐKDN đăng ký lần<br>đầu ngày 19/07/2017<br>do Phòng ĐKKD - Sở<br>KH-ĐT Tp.HCM cấp                 |
| 13/02/2018<br>(Đợt 1) | 18.000.000.000                              | 1.376.951.760.000                 | 1.394.951.760.000                         | Tăng vốn điều lệ<br>theo hình thức chào<br>bán cổ phần cho<br>cổ đông hiện hữu<br>và riêng lẻ cho nhà<br>đầu tư trong nước<br>và nước ngoài | GCN ĐKDN thay<br>đổi lần thứ 02 ngày<br>13/02/2018 do Phòng<br>ĐKKD - Sở KH-ĐT<br>Tp.HCM cấp          |
| 08/05/2018<br>(Đợt 2) | 1.394.951.760.000                           | 92.616.210.000                    | 1.487.567.970.000                         | Tăng vốn điều lệ<br>theo hình thức chào<br>bán cổ phần cho cổ<br>đông hiện hữu                                                              | GCN ĐKDN đăng ký<br>thay đổi lần thứ 04<br>ngày 08/05/2018 do<br>Phòng ĐKKD - Sở KH-<br>ĐT Tp.HCM cấp |
| 02/08/2018<br>(Đợt 3) | 1.487.567.970.000                           | 60.000.000.000                    | 1.547.567.970.000                         | Tăng vốn điều lệ<br>theo hình thức riêng<br>lẻ cho nhà đầu tư<br>nước ngoài                                                                 | GCN ĐKDN đăng ký<br>thay đổi lần thứ 05<br>ngày 02/08/2018 do<br>Phòng ĐKKD - Sở KH-<br>ĐT Tp.HCM cấp |
| 22/11/2018<br>(Đợt 4) | 1.547.567.970.000                           | 158.445.010.000                   | 1.706.012.980.000                         | Tăng vốn điều lệ<br>theo hình thức chào<br>bán cổ phần cho<br>cổ đông hiện hữu<br>và riêng lẻ cho nhà<br>đầu tư trong nước                  | GCN ĐKDN đăng ký<br>thay đổi lần thứ 06<br>ngày 22/11/2018 do<br>Phòng ĐKKD - Sở KH-<br>ĐT Tp.HCM cấp |





**T**ập đoàn Nguyên liệu Á Châu AIG hướng tới một doanh nghiệp phát triển hiệu quả, bền vững; luôn bảo đảm mục tiêu an toàn trong kinh doanh ở mức cao nhất, tăng trưởng tốt nhưng bảo đảm hài hòa các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.

Cung ứng sản phẩm cho sản xuất và đời sống nhân dân, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế nhà nước để phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Các chiến lược và hành động của AIG hướng đến một tương lai chung bền vững và tốt đẹp hơn, góp phần thay đổi cuộc sống bằng việc kinh doanh có trách nhiệm"





### TỔNG PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Biến đổi khí hậu tiếp tục là một thách thức toàn cầu cấp bách, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế và môi trường, trong đó Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động nặng nề. Hưởng ứng cam kết giảm phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 theo Hội nghị Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu (COP26), AIG luôn chú trọng thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Qua đó, Tập đoàn cũng đã và đang đầu tư cải tiến máy móc, nâng cấp thiết bị và tối ưu hóa quy trình sản xuất, nhằm giảm thiểu tối đa việc sử dụng các nguồn nhiên liệu hóa thạch như điện, xăng và dầu. Đồng thời, AIG nghiên cứu và áp dụng các quy trình vận hành linh hoạt, giúp tiết kiệm năng lượng và giảm lượng khí thải từ hoạt động sản xuất và vận chuyển.

Bên cạnh đó, AIG luôn theo dõi và cập nhật kịp thời các quy định mới nhất về môi trường, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn phát thải và quy định pháp luật. Những nỗ lực này không chỉ giúp Tập đoàn nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với cộng đồng.

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối nguyên liệu, AIG nhận thức rõ tầm quan trọng của việc sử dụng và quản lý nguyên vật liệu một cách hợp lý. Điều này không chỉ giúp tối ưu chi phí sản xuất, nâng cao biên lợi nhuận, mà còn góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Trong năm 2024, AIG tiếp tục triển khai các chiến lược kiểm soát chặt chẽ nguồn cung nguyên liệu, đảm bảo quá trình dự trữ và bổ sung nguyên liệu luôn phù hợp với nhu cầu sản xuất. Ban lãnh đạo thường xuyên theo dõi biến động giá cả, nguồn cung, nhằm đảm bảo nguyên liệu đầu vào ổn định, chất lượng cao và hạn chế rủi ro do thị trường biến động.

Bên cạnh đó, AIG đặc biệt chú trọng đến việc cung cấp nguồn nguyên liệu sạch, an toàn, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Tập đoàn tiếp tục ứng dụng dây chuyền sản xuất tinh gọn, tối ưu hệ thống kho bãi và bảo quản nguyên vật liệu theo tiêu chuẩn khắt khe, giúp giảm hao hụt, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu.

Với định hướng phát triển bền vững, AIG không ngừng cải tiến trong quản lý chuỗi cung ứng, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm trong việc sử dụng tài nguyên, từ đó góp phần xây dựng một môi trường kinh doanh hiệu quả, an toàn và thân thiện với môi trường.





## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Trong bối cảnh chi phí năng lượng ngày càng gia tăng và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trở nên khắt khe hơn, AIG luôn chú trọng đến việc tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng, đảm bảo vận hành hiệu quả mà vẫn giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Tập đoàn đã triển khai hàng loạt biện pháp tiết kiệm điện năng, từ bảo trì định kỳ hệ thống thiết bị, thay thế các thiết bị tiêu thụ nhiều điện, đến ứng dụng công nghệ tự động ngắt khi không sử dụng. Đồng thời, việc tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, tối ưu hóa quy trình sản xuất và điều chỉnh vận hành kho bãi cũng góp phần giúp giảm lượng điện năng tiêu thụ đáng kể.

Không chỉ tập trung vào cải tiến kỹ thuật, AIG còn xây dựng văn hóa tiết kiệm điện trong nội bộ doanh nghiệp. Nhân viên được khuyến khích sử dụng năng lượng hợp lý, từ những hành động nhỏ như tắt đèn, tắt

thiết bị khi không sử dụng, đến việc tham gia sáng kiến tiết kiệm năng lượng do Tập đoàn phát động.

Những thay đổi này không chỉ giúp AIG cắt giảm chi phí vận hành, mà còn thể hiện trách nhiệm của Tập đoàn trong việc bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững. Với định hướng lâu dài, AIG sẽ tiếp tục đầu tư vào các giải pháp tiết kiệm năng lượng, từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, đồng thời đóng góp tích cực vào nỗ lực chung trong việc giảm phát thải và ứng phó với biến đổi khí hậu.



## TIÊU THỤ NƯỚC

Trong quá trình sản xuất và cung ứng nguyên liệu, việc quản lý và sử dụng tài nguyên nước hiệu quả không chỉ là một yếu tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh mà còn thể hiện trách nhiệm của AIG đối với môi trường và cộng đồng. AIG nhận thức rõ rằng nguồn nước là tài nguyên quý giá nhưng không vô hạn, do đó, Tập đoàn luôn chú trọng đến các giải pháp tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước nhằm hướng tới phát triển bền vững.

Hàng năm, AIG tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức cho nhân viên, khuyến khích tinh thần sử dụng nước tiết kiệm, tránh lãng phí trong sản xuất và vận hành. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng thực hiện kiểm tra chặt chẽ hệ thống xử lý nước, đảm bảo nước thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn quy định. Đến nay, AIG chưa ghi nhận bất kỳ vi phạm hay xử phạt nào liên

quan đến vấn đề này, cho thấy sự tuân thủ nghiêm ngặt trong quản lý tài nguyên nước.

Trong thời gian tới, AIG sẽ tiếp tục áp dụng công nghệ tiên tiến vào quy trình sản xuất, ưu tiên các giải pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước, giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường. Chính sách này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh, tối ưu chi phí mà còn thể hiện cam kết của Tập đoàn trong việc bảo vệ tài nguyên nước và phát triển bền vững, góp phần xây dựng một tương lai xanh hơn cho cộng đồng.



## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2024, AIG tiếp tục duy trì sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về môi trường, không ghi nhận bất kỳ trường hợp vi phạm hay xử phạt nào liên quan đến công tác bảo vệ môi trường. Điều này phản ánh cam kết mạnh mẽ của Tập đoàn trong việc đảm bảo các hoạt động sản xuất - kinh doanh không gây tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo AIG cũng nhận thức rõ rằng ô nhiễm môi trường đang trở thành một vấn đề nghiêm trọng, ảnh hưởng không chỉ đến cuộc sống mà còn đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Để chủ động ứng phó với thách thức này, Tập đoàn đã và đang tăng cường kiểm soát nội bộ, thực hiện các biện pháp nhắc nhở, tuyên truyền và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về môi trường, nhằm ngăn chặn kịp thời những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực.

Bên cạnh đó, AIG đẩy mạnh các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn thể nhân viên, khuyến khích sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường và áp dụng nguyên tắc tái sử dụng trong sản xuất. Những sáng kiến này không chỉ giúp Tập đoàn đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe, mà còn góp phần xây dựng một môi trường làm việc xanh, bền vững và trách nhiệm hơn đối với cộng đồng.





## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong bối cảnh kinh tế vẫn còn nhiều biến động của năm vừa qua, AIG tiếp tục ưu tiên đảm bảo môi trường làm việc ổn định, thu nhập bền vững và chế độ đãi ngộ hợp lý cho người lao động. Tập đoàn không chỉ duy trì mức thu nhập cạnh tranh, mà còn tăng cường các chính sách phúc lợi, lương thưởng và trợ cấp, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho nhân viên.

AIG luôn quan tâm đến những trường hợp người lao động gặp khó khăn, từ đó triển khai các chính sách hỗ trợ cụ thể, giúp nhân viên yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Tập đoàn. Bên cạnh thu nhập ổn định, Tập đoàn còn đẩy mạnh các chương trình phát triển kỹ năng, đào tạo chuyên môn nhằm nâng cao năng lực làm việc và tạo điều kiện cho nhân viên phát triển sự nghiệp.

Mục tiêu của AIG không chỉ dừng lại ở việc đảm bảo thu nhập, mà còn hướng đến tăng trưởng bền vững cho người lao động, gắn mức lương thưởng với hiệu suất làm việc, năng suất lao động và sự phát triển chung của Tập đoàn. Những chính sách này không chỉ tạo động lực làm việc mà còn góp phần xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và đầy cơ hội phát triển cho toàn thể nhân viên.



## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

AIG luôn coi trách nhiệm đối với cộng đồng là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Trong năm 2024, Tập đoàn tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội thiết thực, hướng đến việc hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng địa phương. Một trong những hoạt động trọng tâm của AIG là phối hợp với chính quyền địa phương để thăm hỏi, hỗ trợ những hoàn cảnh kém may mắn, đặc biệt là những người mất khả năng lao động và các gia đình chịu ảnh hưởng bởi thiên tai. Tập đoàn đã dành một phần lợi nhuận để đóng góp vào các hoạt động cứu trợ, giúp đỡ những cá nhân bị ảnh hưởng bởi bão lũ và các tình huống khẩn cấp khác. Sự hỗ trợ này không chỉ giúp họ vượt qua khó khăn trước mắt mà còn tạo động lực để họ tiếp tục xây dựng lại cuộc sống.

Ngoài việc hỗ trợ tài chính, AIG còn tập trung vào tạo việc làm cho lao động địa phương, giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp và cải thiện đời sống kinh tế tại các khu vực Tập đoàn hoạt động. Thông qua các chương trình đào tạo nghề, nâng cao kỹ năng lao động, AIG không chỉ giúp người lao động có cơ hội phát triển bản thân mà còn tạo ra những đóng góp tích cực cho nền kinh tế xã hội. Bên cạnh các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, Tập đoàn cũng khuyến khích lối sống lành mạnh thông qua việc tham gia các sự kiện thể thao, các hoạt động thiện nguyện, góp phần nâng cao ý thức về sức khỏe và gắn kết tinh thần cộng đồng.





## 03

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu sản xuất, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

### THUẬN LỢI

Một trong những yếu tố quan trọng giúp AIG tiếp tục phát triển ổn định trong năm 2024 là việc tăng cường và cải thiện các tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn thực phẩm. Công ty luôn chú trọng vào việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và sức khỏe người tiêu dùng. Nhờ vậy, AIG không chỉ duy trì niềm tin của khách hàng mà còn nâng cao uy tín và chất lượng sản phẩm trong ngành thực phẩm, tạo đà thuận lợi cho việc mở rộng thị trường và tăng trưởng doanh thu.

Mặc dù năm 2024 gặp nhiều khó khăn và biến động kinh tế, AIG vẫn duy trì được lợi nhuận ổn định, đạt kết quả tương đương với kế hoạch và so với năm trước, điều này khẳng định sức mạnh của chiến lược quản lý linh hoạt và nỗ lực không ngừng trong điều kiện kinh tế khó khăn. Thành công này cũng chứng tỏ AIG đã vượt qua được những thử thách mà nhiều doanh nghiệp khác gặp phải, thậm chí phải chịu lỗ hoặc phá sản.

AIG sở hữu các nhà máy sản xuất thực phẩm hiện đại với công nghệ chế biến tiên tiến, giúp sản phẩm không chỉ đáp ứng tiêu chuẩn trong nước mà còn đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế. Đây chính là lợi thế lớn giúp Công ty mở rộng thị trường xuất khẩu, mang lại nguồn doanh thu ổn định.

Bên cạnh đó, AIG còn có đội ngũ lao động chuyên môn cao với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực cung ứng và sản xuất nguyên liệu thực phẩm, điều này giúp nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn đạt chuẩn.

Cuối cùng, việc tỷ giá USD/VND có xu hướng tăng trong thời gian gần đây cũng tạo điều kiện thuận lợi cho AIG, khi công ty là doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu. Điều này giúp AIG tận dụng cơ hội từ sự chênh lệch tỷ giá để tăng trưởng lợi nhuận từ các thị trường quốc tế.



## NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm vừa qua, Tập đoàn vẫn đạt được những thành tựu đáng kể, thể hiện sự nỗ lực không ngừng và chiến lược phát triển bền vững:

- Tăng trưởng ổn định về Tổng Tài Sản, Doanh Thu và Lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước, đạt gần với các mục tiêu đã đề ra. Kết quả này khẳng định hiệu quả của các kế hoạch kinh doanh linh hoạt và sự thích ứng nhạy bén trước biến động của thị trường.
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến và máy móc hiện đại vào quy trình sản xuất nguyên liệu thực phẩm, giúp nâng cao hiệu suất sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm ngày càng cải tiến.
- Mở rộng mạng lưới đối tác cung ứng và thiết lập các mối quan hệ đối tác chiến lược, đảm bảo nguồn cung cấp ổn định và đa dạng. Đồng thời, việc tối ưu hóa quy trình vận chuyển đã giúp giảm thiểu rủi ro và tăng cường tính cạnh tranh trên thị trường.
- Đầu tư mạnh mẽ vào cải tiến quy trình sản xuất và tối ưu hóa dây chuyền sản xuất, giúp gia tăng hiệu suất, rút ngắn thời gian chờ đợi và nâng cao khả năng đáp ứng linh hoạt trước nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Chú trọng đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên, áp dụng các biện pháp an toàn lao động, kết hợp với việc sử dụng công nghệ xanh và quy trình sản xuất bền vững. Nhờ đó, AIG không chỉ nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn đóng góp tích cực vào việc bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng.

### KHÓ KHĂN

Mặc dù AIG đã có những bước tiến vững chắc trong ngành nguyên liệu thực phẩm, nhưng công ty cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn trong môi trường kinh doanh hiện nay. Một trong những vấn đề chính là sự tràn lan của hàng nhái và hàng kém chất lượng, gây ảnh hưởng trực tiếp đến ngành nguyên liệu thực phẩm cũng như đến sức khỏe của người tiêu dùng. Điều này không chỉ làm giảm uy tín của các sản phẩm chất lượng mà còn đặt ra áp lực lớn về việc duy trì chất lượng và đáp ứng những yêu cầu khắt khe từ người tiêu dùng, khi mà họ ngày càng yêu cầu sản phẩm phải vừa an toàn vừa chất lượng cao.

Ngoài vấn đề chất lượng, AIG và toàn ngành cũng phải đối mặt với rủi ro về an toàn thực phẩm. Các sản phẩm thực phẩm có thể chứa vi khuẩn, nấm mốc, hóa chất và kim loại nặng, đe dọa sức khỏe cộng đồng. Mặc dù AIG cam kết cung cấp sản phẩm an toàn và đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, nhưng điều này đòi hỏi chi phí kiểm soát cao và một hệ thống quản lý chặt chẽ trong suốt quy trình sản xuất. Đây là một trong những yếu tố gây áp lực lớn, đặc biệt khi chi phí đầu vào không ngừng gia tăng.

Một thách thức nữa là vấn đề bất ổn trong nguồn cung cấp nguyên liệu thô. AIG và các doanh nghiệp trong ngành nguyên liệu thực phẩm phải đối mặt với tình trạng không ổn định về nguồn cung cấp nguyên liệu, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu và các yếu tố tự nhiên có thể làm giảm sản lượng và chất lượng của nguyên liệu. Việc này ảnh hưởng trực tiếp đến

chuỗi cung ứng, khiến việc duy trì sản xuất ổn định trở nên khó khăn và có thể dẫn đến tăng chi phí đầu vào hoặc gián đoạn sản xuất.

Tuy nhiên, dù gặp nhiều thách thức, AIG vẫn nỗ lực không ngừng để cải thiện quy trình sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các đối tác cung cấp, nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định và giảm thiểu rủi ro từ các yếu tố khách quan.





TÌNH HÌNH TÀI SẢN

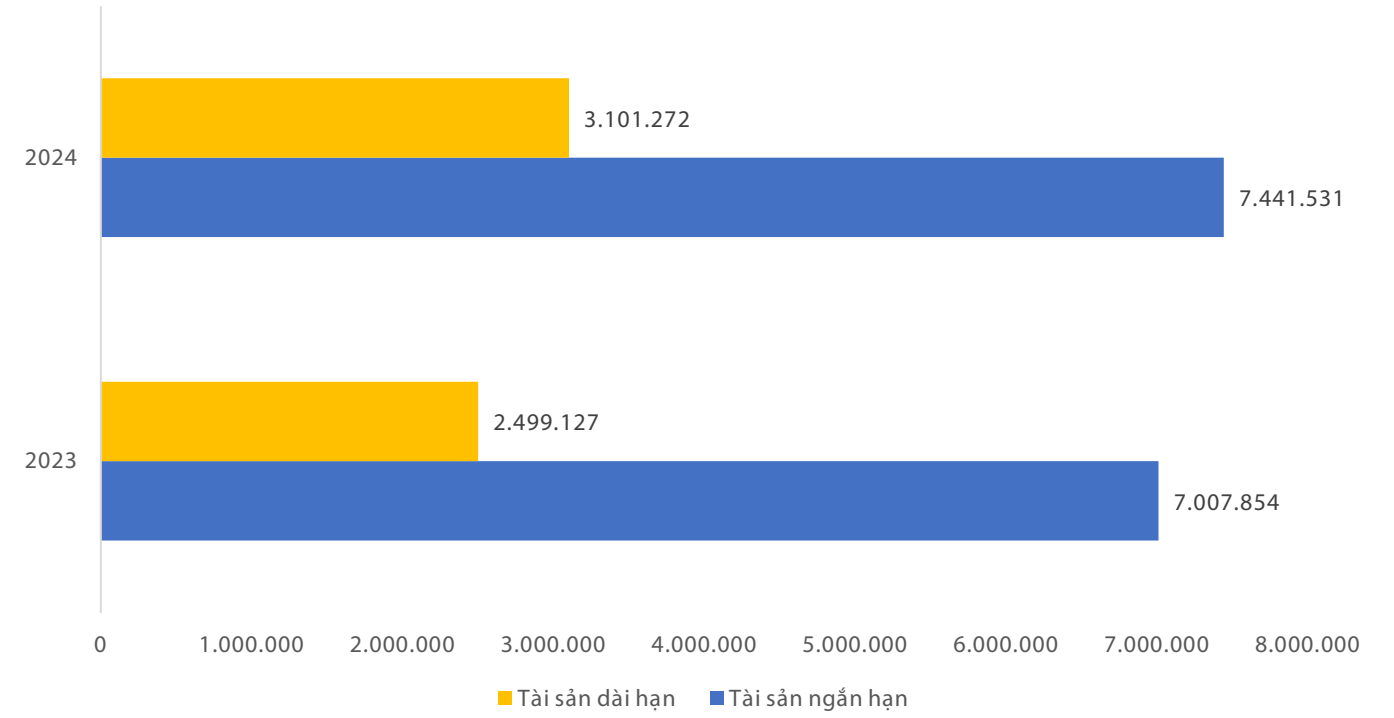
Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu         | 31/12/2023 | Tỷ trọng năm 2023 | 31/12/2024 | Tỷ trọng năm 2024 | % thay đổi |
|------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|
| Tài sản ngắn hạn | 7.007.854  | 73,71%            | 7.441.531  | 70,58%            | 6,19%      |
| Tài sản dài hạn  | 2.499.127  | 26,29%            | 3.101.272  | 29,42%            | 24,09%     |
| Tổng tài sản     | 9.506.981  | 100,0%            | 10.542.804 | 100,0%            | 10,90%     |

Tại ngày 31/12/2024, có thể thấy Tập đoàn đã có sự tăng trưởng ổn định trong tổng tài sản. Cụ thể, tổng tài sản của AIG tăng 10,90%, đạt 10.542.804 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ tài sản dài hạn, với mức tăng 24,09%, chiếm 29,42% tổng tài sản, cho thấy AIG đã đầu tư mạnh mẽ vào tài sản lâu dài, qua đó củng cố nền tảng phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn mặc dù vẫn chiếm tỷ trọng lớn 70,58% trong tổng tài sản, nhưng mức tăng trưởng chỉ đạt 6,19%, cho thấy AIG đã có sự cân nhắc kỹ lưỡng trong việc quản lý và sử dụng tài sản ngắn hạn. Nguyên nhân phần lớn đến từ việc

các khoản đầu tư, dự án dài hạn mới được AIG phát triển trong năm vừa qua, tiêu biểu trong đó là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C, hứa hẹn sẽ là nơi phát triển tiềm năng trong ngành nguyên liệu tại Việt Nam. Qua đó, phản ánh một chiến lược tăng trưởng ổn định và dài hạn với sự chuẩn bị cho các cơ hội phát triển trong tương lai. Tổng thể, AIG đang có một cơ cấu tài sản lành mạnh, vừa duy trì sự ổn định trong tài sản ngắn hạn vừa mở rộng đầu tư dài hạn, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững.

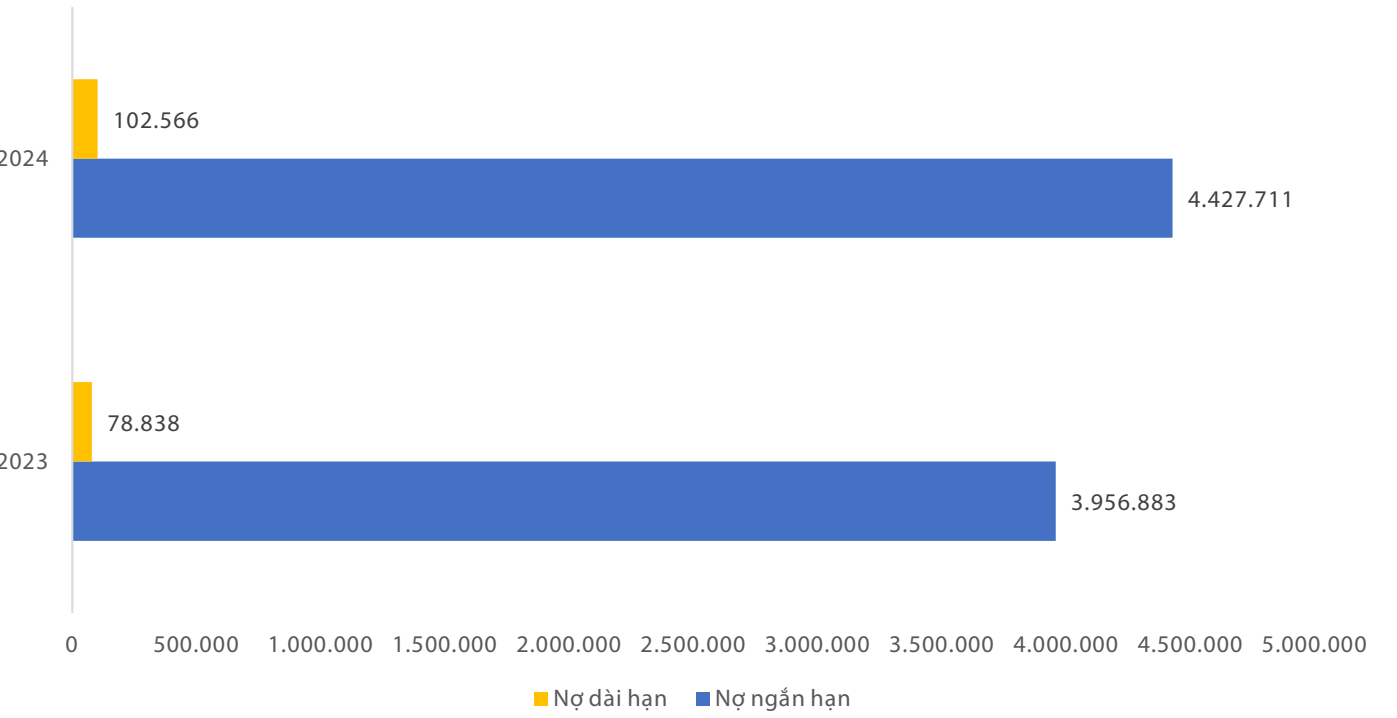


TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu         | 31/12/2023 | Tỷ trọng năm 2023 | 31/12/2024 | Tỷ trọng năm 2024 | % thay đổi |
|------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|
| Nợ ngắn hạn      | 3.956.883  | 98,05%            | 4.427.711  | 97,74%            | 11,90%     |
| Nợ dài hạn       | 78.838     | 1,95%             | 102.566    | 2,26%             | 30,10%     |
| Tổng nợ phải trả | 4.035.722  | 100,0%            | 4.520.277  | 100,0%            | 12,25%     |

Trong năm 2024, AIG ghi nhận tổng nợ phải trả đạt 4.520.277 triệu đồng, tăng 12,25% so với năm 2023. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ nợ dài hạn, với mức tăng 30,10%, đạt 102.566 triệu đồng, chiếm 2,26% trong tổng nợ phải trả. Điều này phản ánh AIG đã gia tăng các khoản vay dài hạn để phục vụ cho các dự án đầu tư chiến lược, hỗ trợ Tập đoàn mở rộng hoạt động và củng cố vị thế trên thị trường. Bên cạnh đó, nợ ngắn hạn của AIG tăng 11,9%, đạt 4.427.711 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 97,74% trong tổng nợ phải trả. Điều này cho thấy AIG vẫn duy trì một phần lớn nợ ngắn hạn để duy trì dòng vốn lưu động, phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh hàng ngày. Mặc dù tổng nợ phải trả của AIG có sự gia tăng, nhưng việc Tập đoàn duy trì một tỷ trọng lớn nợ ngắn hạn cho thấy tính thanh khoản cao, đồng thời gia tăng nợ dài hạn cũng giúp Tập đoàn có vốn để đầu tư vào các dự án dài hạn. Tổng thể, tình hình nợ của AIG vẫn ổn định và có thể kiểm soát, phản ánh chiến lược tài chính hợp lý trong việc quản lý nợ và duy trì sự phát triển bền vững.





## VỀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tối ưu quá quy trình sản xuất: trong năm 2024, AIG tiếp tục nâng cao hiệu quả và giảm chi phí. Công ty đã kiểm tra và tối ưu hóa các quy trình sản xuất từ đầu đến cuối, bao gồm việc áp dụng các phương pháp loại bỏ lãng phí nguyên vật liệu và tăng cường hiệu suất. Việc tối ưu hóa sự kết hợp giữa máy móc, nguồn nhân lực và quy trình sản xuất giúp AIG không chỉ giảm thời gian sản xuất mà còn tăng cường khả năng đáp ứng nhanh chóng với những thay đổi trong nhu cầu thị trường.
- Quản trị rủi ro kinh doanh: AIG đã tăng cường quản lý vốn lưu động và kiểm soát chi phí phát sinh trong từng công ty thành viên, giúp tối ưu hóa lợi nhuận. Việc tinh gọn bộ máy nhân sự và tập trung vào các vấn đề cốt lõi giúp tiết kiệm chi phí và gia tăng hiệu quả hoạt động.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm: Công ty không chỉ chú trọng đến việc sản xuất hàng loạt mà còn đảm bảo chất lượng cao nhất cho từng sản phẩm. AIG đã tăng cường kiểm soát chất lượng và thực hiện kiểm tra nghiêm ngặt để đảm bảo mỗi sản phẩm đều đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn và chất lượng. Việc này không chỉ giúp duy trì niềm tin của khách hàng mà còn nâng cao giá trị thương hiệu của AIG trên thị trường.
- Mở rộng thị trường và khách hàng: Trong năm vừa qua, AIG đã mở rộng hệ thống phân phối và tiếp cận các kênh phân phối mới, đồng thời tăng cường quảng cáo và tiếp thị kỹ thuật số để thu hút khách hàng mới và duy trì khách hàng cũ. Các chương trình khuyến mãi và ưu đãi cũng được tổ chức để tăng trưởng doanh thu và cải thiện sự hiện diện của thương hiệu. AIG cũng chú trọng vào việc tối đa hóa công suất của các dây chuyền máy móc và thiết bị hiện có để tăng sản lượng sản phẩm và giảm giá thành, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Công ty luôn bám sát và kiểm soát tiến độ các dự án mới, đảm bảo sự phát triển sản xuất kinh doanh liên tục và bền vững.

## VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, Công ty CP Nguyên liệu Á Châu AIG đã không ngừng đổi mới và tối ưu hóa công tác quản trị nhằm hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động. Công ty tập trung tối ưu hóa công suất dây chuyền sản xuất, gia tăng sản lượng và giảm chi phí, từ đó củng cố vị thế trên thị trường. Đồng thời, AIG thực hiện quản trị rủi ro chặt chẽ, kiểm soát chi phí hiệu quả tại các công ty thành viên để đảm bảo vận hành ổn định. Việc tinh gọn bộ máy nhân sự và quản lý vốn lưu động hợp lý giúp tiết kiệm nguồn lực, trong khi kiện toàn cơ cấu tổ chức và nâng cao vai trò chiến lược của Hội đồng quản trị tạo nền tảng cho định hướng dài hạn. AIG cũng chú trọng đào tạo chuyên sâu, xây dựng chính sách đãi ngộ cạnh tranh và lộ trình thăng tiến rõ ràng, khuyến khích phát triển đội ngũ quản lý kế thừa. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản trị hiện đại giúp nâng cao hiệu suất, kết hợp với cải tiến thủ tục hành chính để rút ngắn thời gian xử lý, mang lại trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng. Những nỗ lực này không chỉ củng cố nội lực mà còn đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững của AIG trong tương lai.

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư trong tương lai: Công ty sẽ hoàn thiện và chốt kế hoạch trước khi diễn ra kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, nhằm đảm bảo định hướng chiến lược rõ ràng và phù hợp với mục tiêu dài hạn.





## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

AIG luôn xem bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Công ty không chỉ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về môi trường mà còn chủ động triển khai nhiều giải pháp thực tiễn nhằm giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái và cộng đồng. Đối với AIG, bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm doanh nghiệp mà còn là cam kết dài hạn vì sự phát triển bền vững của xã hội và tương lai thế giới.

Trong năm 2024, AIG tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp tiết kiệm năng lượng, bao gồm tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị và áp dụng công nghệ tiết kiệm điện năng. Công ty cũng tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức cho nhân viên, khuyến khích họ sử dụng năng lượng một cách hợp lý, góp phần hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường.

Bên cạnh đó, quản lý chất thải cũng là một trong những ưu tiên hàng đầu. AIG đã xây dựng các quy trình xử lý chất thải một cách khoa học, đảm bảo việc thu gom, vận chuyển và xử lý được thực hiện theo đúng quy định, tránh gây ô nhiễm môi trường. Công ty cũng đầu tư vào công nghệ tiên tiến để xử lý chất thải an toàn và hiệu quả hơn, góp phần giảm thiểu lượng rác thải sinh ra trong quá trình sản xuất.

Về quản lý tài nguyên nước, AIG tiếp tục triển khai các hệ thống xử lý nước thải hiện đại, đảm bảo nước thải được xả ra môi trường đạt tiêu chuẩn, không gây ô nhiễm. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện các biện pháp tiết kiệm nước trong sản xuất, góp phần sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả và bền vững.

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Vai trò của đội ngũ nhân sự tại Công ty được coi là yếu tố then chốt để Công ty phát triển bền vững. Chính vì vậy, trong năm 2024, AIG tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào chính sách phúc lợi, đào tạo và môi trường làm việc, nhằm không chỉ thu hút nhân tài mà còn giữ chân những cá nhân có năng lực và tinh thần cống hiến cao. Với phương châm đảm bảo quyền lợi người lao động, AIG xây dựng một hệ thống lương thưởng cạnh tranh, minh bạch, phản ánh đúng năng lực và đóng góp của từng nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng mở rộng các chế độ phúc lợi, bao gồm bảo hiểm, nghỉ phép, hỗ trợ tài chính và ưu đãi đặc biệt dành cho nhân viên khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Những chính sách này không chỉ giúp cải thiện đời sống nhân viên mà còn tạo động lực để họ làm việc hiệu quả hơn.

Đào tạo và phát triển con người luôn là ưu tiên hàng đầu. AIG không ngừng tổ chức các chương trình nâng cao kỹ năng, từ đào tạo nội bộ đến hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa học chuyên sâu bên ngoài. Đồng thời, Công ty cũng áp dụng các phương pháp đánh giá khách quan và phản hồi thường xuyên, giúp nhân viên nhận ra tiềm năng của bản thân và có cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp.

Song song với việc đầu tư vào con người, AIG chú trọng xây dựng một môi trường làm việc hiện đại, thân thiện và hiệu quả. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý và vận hành không chỉ giúp tối ưu hiệu suất làm việc mà còn tạo ra một không gian làm việc chuyên nghiệp, nơi nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực của mình. Bằng những cam kết vững chắc này, AIG không chỉ khẳng định vị thế là một doanh nghiệp quan tâm đến đời sống và sự phát triển của người lao động, mà còn tạo dựng một nền tảng nhân sự mạnh mẽ, sẵn sàng đồng hành cùng Công ty trên hành trình phát triển dài hạn.

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Đối với Công ty thì hoạt động chính không chỉ tập trung vào mục tiêu tăng trưởng kinh doanh mà còn coi sự phát triển của cộng đồng địa phương là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Công ty luôn đặt trách nhiệm xã hội lên hàng đầu, tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, chương trình hỗ trợ cộng đồng nhằm góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.

Với tinh thần đồng hành cùng địa phương, AIG thường xuyên phối hợp với chính quyền và các tổ chức xã hội để thực hiện các chương trình hỗ trợ thiết thực. Từ việc hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, giúp đỡ người lao động gặp biến cố, đến đóng góp vào các quỹ từ thiện, Công ty luôn hướng đến việc tạo ra giá trị thực tế cho cộng đồng. Điển hình, AIG đã vận động CBCNV tham gia đóng góp vào quỹ nội bộ, hỗ trợ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo, đồng thời tổ chức các đợt công tác xã hội để giúp đỡ những người yếu thế.

Các hoạt động thiện nguyện của AIG không chỉ thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội mà còn lan tỏa tinh thần nhân văn và sẻ chia trong nội bộ Công ty. Đây không chỉ là một nghĩa vụ, mà còn là giá trị cốt lõi mà AIG luôn theo đuổi. Công ty cam kết tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển bền vững của địa phương, đồng thời xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm, nhân văn và luôn hướng đến lợi ích xã hội.





# 04

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tập đoàn

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Năm 2024, AIG tiếp tục vượt qua nhiều thách thức trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động. Dù đối mặt với lạm phát tăng cao, sự biến động giá thành sản phẩm, cùng với những yếu tố không thuận lợi từ thị trường, Ban điều hành cùng toàn thể nhân viên của Tập đoàn đã linh hoạt trong việc điều chỉnh chiến lược kinh doanh, tiếp tục mở rộng thị trường và nâng cao chất lượng sản phẩm. AIG đã đa dạng hóa sản phẩm, tận dụng triệt để các cơ hội của thị trường, từ đó mang lại hiệu quả cao cho Tập đoàn, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng bền vững và đạt được chỉ tiêu lợi nhuận đã đề ra. Thực hiện kinh doanh hàng hóa, sản phẩm của Tập đoàn năm 2024 cụ thể như sau

- Doanh thu: 12.386.543.096.944 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 1.041.851.301.390 đồng

Trong đó, một điểm sáng trong năm qua là việc Tập đoàn đầu tư mở rộng mạng lưới nhà máy, không chỉ tăng cường sản xuất mà còn mở rộng đối tượng khách hàng tiêu thụ, góp phần tăng trưởng doanh thu ổn định. AIG đã tiếp tục triển khai các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, đảm bảo mang lại sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng của Tập đoàn. Đặc biệt, thương hiệu của AIG ngày càng trở nên vững mạnh và thân thuộc với khách hàng, tạo dựng niềm tin vững chắc từ việc luôn cung cấp các sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ uy tín. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chuyên nghiệp và linh hoạt của Ban điều hành trong việc ứng phó với biến động thị trường, đồng thời khẳng định AIG đã tiếp tục xây dựng và củng cố vị thế của mình trong ngành nguyên liệu thực phẩm, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và tạo ra giá trị lâu dài cho cổ đông và khách hàng.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm vừa qua thì HĐQT cũng đã thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc dựa trên Điều lệ Tập đoàn, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và các quy chế nội bộ liên quan. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, luôn tuân thủ các quy định và thực hiện các kế hoạch theo chiến lược dài hạn của HĐQT, đồng thời duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức trong Tập đoàn.

HĐQT đánh giá cao những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn năm 2024. Cụ thể, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Thường xuyên kiểm tra và giám sát các cơ sở chế biến nguyên liệu thực phẩm, đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, giúp duy trì uy tín và sự tin tưởng của khách hàng đối với sản phẩm của AIG.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa HĐQT và Ban điều hành để thảo luận, báo cáo tình hình hoạt động, giải quyết kịp thời mọi tình huống phát sinh, giúp đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc.
- Đảm bảo kế hoạch đầu tư và các nghị quyết dự án được thực hiện đúng tiến độ, đồng thời cung cấp đủ vốn và nhân sự để quản lý dự án hiệu quả, đặc biệt trong các dự án mở rộng và phát triển sản xuất



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Về định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Cải tiến quy trình chế biến nguyên liệu thực phẩm để giảm thiểu lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu. Áp dụng các phương pháp sản xuất tinh để giảm thời gian sản xuất và tăng khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tiếp tục tăng cường hệ thống kiểm tra chất lượng, đảm bảo mỗi sản phẩm đều đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia và quốc tế.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển để cho ra mắt sản phẩm mới, phù hợp với nhu cầu thay đổi của thị trường và xu hướng tiêu dùng.
- Tăng cường đào tạo kỹ năng chuyên môn cho nhân viên, đặc biệt là đội ngũ quản lý sản xuất và chất lượng.
- Kiểm soát chi phí nguyên liệu và năng lượng, đặc biệt trong việc sử dụng nguyên liệu thô và năng lượng trong quá trình sản xuất.
- Nâng cao dịch vụ khách hàng thông qua việc cải thiện chính sách hậu mãi, tăng cường sự hài lòng và gắn kết của khách hàng với thương hiệu AIG
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, như giảm thiểu phát thải khí nhà kính, tối ưu hóa quy trình xử lý chất thải và tái sử dụng nguyên liệu

### Về công tác đầu tư

Tiếp tục nghiên cứu, phân tích xu hướng thị trường, chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để luôn trong tình trạng sẵn sàng nắm bắt các cơ hội đầu tư tốt nhất

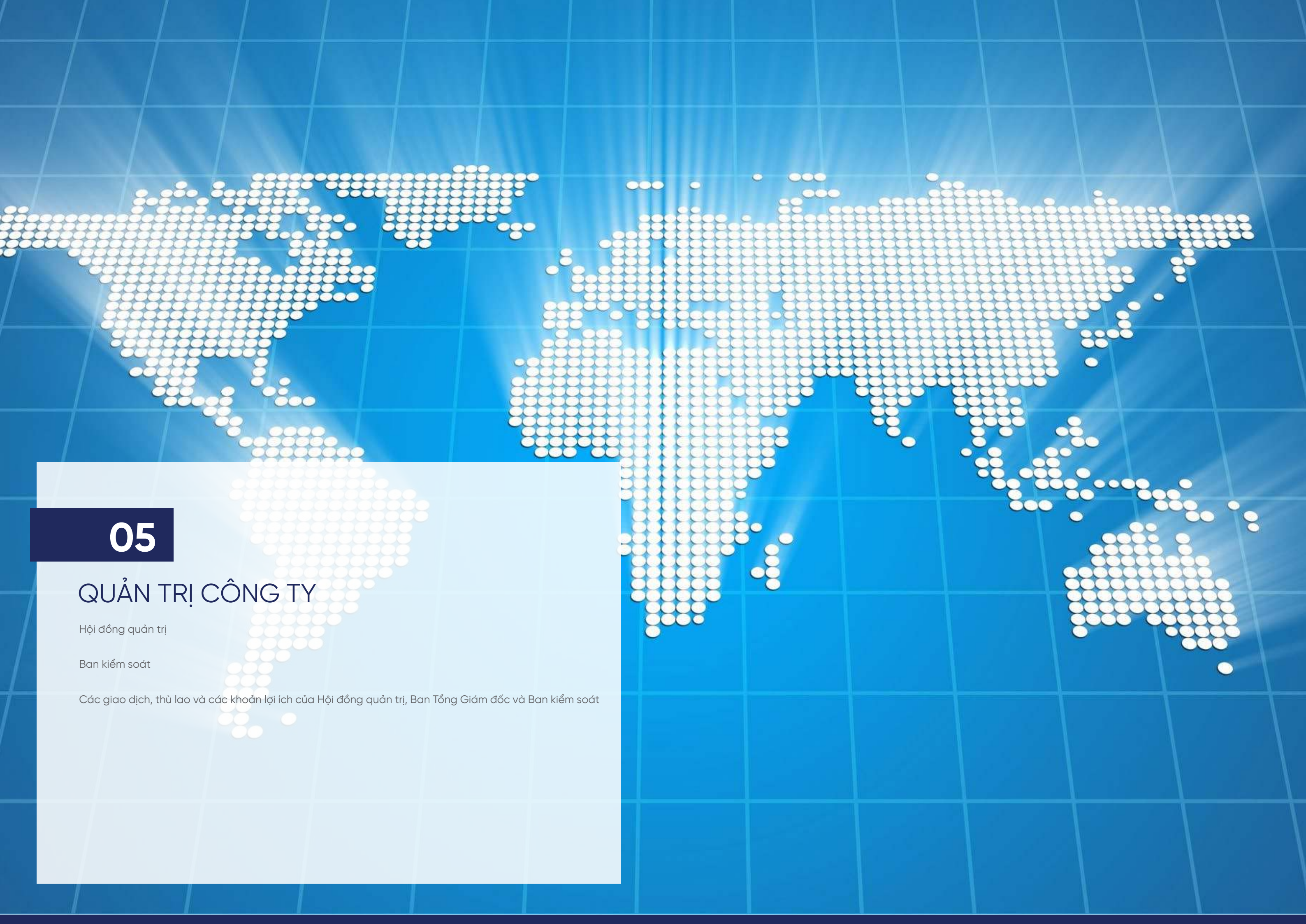
### Về công tác quản trị

AIG tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý và cơ cấu nhân sự theo mô hình tổ chức mới, nhằm tăng cường năng lực quản trị điều hành và nâng cao hơn nữa vai trò chiến lược của Hội đồng quản trị. Việc này không chỉ giúp cải thiện khả năng kiểm tra giám sát mà còn đảm bảo hiệu quả công tác quản lý trong toàn bộ Tập đoàn. Bên cạnh đó, công ty đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo, huấn luyện và giám sát đội ngũ quản lý để nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng lãnh đạo, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của công ty.

Để đảm bảo thu hút và giữ chân nhân tài, AIG sẽ tiếp tục ban hành chính sách lương và các chế độ đãi ngộ cạnh tranh. Chính sách này không chỉ giúp tạo ra một môi trường làm việc hấp dẫn mà còn đảm bảo đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua quản trị thành tích. Công ty cũng sẽ tạo ra cơ hội thăng tiến và môi trường phát triển cho các cấp quản lý tiềm năng, từ đó khuyến khích sự cống hiến và tinh thần làm việc xuất sắc.





A world map composed of white dots on a blue background with a grid pattern. The map is centered and covers most of the frame.

# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại ngày 21/02/2025

| STT | Thành viên                    | Chức vụ                                     | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Ông Bernhard Hackl            | Chủ tịch HĐQT<br>(Bổ nhiệm ngày 21/02/2025) | -                  | -            |
| 2   | Ông Nguyễn Thiên Trúc         | Thành viên HĐQT                             | 51.720.344         | 30,32%       |
| 3   | Ông Phạm Đăng Long            | Thành viên HĐQT<br>kiêm Phó Tổng Giám đốc   | 623.400            | 0,37%        |
| 4   | Ông Nguyễn Bá Lương           | Thành viên HĐQT<br>kiêm Phó Tổng Giám đốc   | 1.825.663          | 1,07%        |
| 5   | Ông Lars Kjaer                | Thành viên HĐQT không điều hành             | 0                  | 0%           |
| 6   | Ông Nguyễn Quốc Bình          | Thành viên HĐQT độc lập                     | 459.900            | 0,27%        |
| 7   | Ông Bharat Venkata-rama Sarma | Thành viên HĐQT không điều hành             | 0                  | 0%           |

Ông Bernhard Hackl - Chủ tịch HĐQT không điều hành

|                                            |                                                  |
|--------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| Ngày sinh:                                 | 03/12/1964                                       |
| Quốc tịch:                                 | Đức                                              |
| Trình độ chuyên môn:                       | Tiến sĩ Đại học Regensburg                       |
| Chức vụ tại các tổ chức khác:              | Công ty BERNHARD HACKL - Đại diện theo pháp luật |
| Số cổ phần nằm giữ tại thời điểm hiện nay: | 0 cổ phần                                        |

Ông Nguyễn Thiên Trúc - Thành viên HĐQT

|                                            |                                                                |
|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh:                                 | 20/03/1971                                                     |
| Quốc tịch:                                 | Việt Nam                                                       |
| Trình độ chuyên môn:                       | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh                                    |
| Chức vụ tại các tổ chức khác:              | Chủ tịch HĐQT CTCP Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn        |
| Số cổ phần nằm giữ tại thời điểm hiện nay: | 51.720.344 cổ phần, tương đương với 30,32% vốn điều lệ Công ty |

Ông Phạm Đăng Long - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

"Xem thêm tại Lý lịch Ban Điều hành"

Ông Bharat Venkata-rama Sarma - Thành viên HĐQT không điều hành

|                                            |                                                                                                                                                                                       |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh:                                 | 7/2/1975                                                                                                                                                                              |
| Quốc tịch:                                 | Ấn độ                                                                                                                                                                                 |
| Trình độ chuyên môn:                       | Thạc sỹ Kinh tế - Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                 |
| Chức vụ tại các tổ chức khác:              | Giám đốc, Người đại diện quản lý phần vốn góp MGCA FOODCO PTE. LTD.<br><br>Giám đốc MGCA MEDICAPTE. LTD.<br><br>Chủ tịch và Giám đốc điều hành Marubeni Growth Capital Asia Pte. Ltd. |
| Số cổ phần nằm giữ tại thời điểm hiện nay: | 0 cổ phần                                                                                                                                                                             |

Ông Lars Kjaer - Thành viên HĐQT không điều hành

|                                            |                                                                                                       |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh:                                 | 28/04/1958                                                                                            |
| Quốc tịch:                                 | Đan Mạch                                                                                              |
| Trình độ chuyên môn:                       | Thạc sỹ Kinh tế - Quản trị kinh doanh                                                                 |
| Chức vụ tại các tổ chức khác:              | Phó Tổng Giám đốc PENM IV Germany GmbH & Co. KG<br><br>Thành viên HĐQT CTCP dịch vụ hàng không Taseco |
| Số cổ phần nằm giữ tại thời điểm hiện nay: | 0 cổ phần                                                                                             |

Ông Nguyễn Quốc Bình - Thành viên HĐQT độc lập

|                                            |                                                                                                                                                                                                                |
|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh:                                 | 24/05/1970                                                                                                                                                                                                     |
| Quốc tịch:                                 | Việt Nam                                                                                                                                                                                                       |
| Trình độ chuyên môn:                       | Thạc sỹ Kinh tế - Quản trị kinh doanh                                                                                                                                                                          |
| Chức vụ tại các tổ chức khác:              | Thành viên Hội đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thương Mại<br><br>Dịch Vụ Tổng Hợp Hoàn Vũ<br><br>Thành viên Hội Đồng Quản Trị CTCP Hoa Sen Việt<br><br>Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Tập Đoàn HSV |
| Số cổ phần nằm giữ tại thời điểm hiện nay: | 459.900 cổ phần, tương đương với 0,27% vốn điều lệ Công ty                                                                                                                                                     |

Ông Nguyễn Bá Lương - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

"Xem thêm tại Lý lịch Ban Điều hành"



## SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

| STT | Thành viên                    | Chức vụ                                | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham gia dự họp |
|-----|-------------------------------|----------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Thiên Trúc         | Chủ tịch HĐQT không điều hành          | 14/14                    | 100%                  |
| 2   | Ông Phạm Đăng Long            | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 14/14                    | 100%                  |
| 3   | Ông Nguyễn Bá Lương           | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 14/14                    | 100%                  |
| 4   | Ông Lars Kjaer                | Thành viên HĐQT không điều hành        | 14/14                    | 100%                  |
| 5   | Ông Nguyễn Quốc Bình          | Thành viên HĐQT độc lập                | 14/14                    | 100%                  |
| 6   | Ông Bharat Venkata-rama Sarma | Thành viên HĐQT không điều hành        | 14/14                    | 100%                  |

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: không có



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Trong năm 2024, HĐQT đã tiến hành các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Tập đoàn. Các nhiệm vụ được phân công cho từng thành viên trong HĐQT đều được hoàn thành tốt và đảm bảo đúng tiến độ. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT hàng tháng nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu chiến lược và kế hoạch đã đặt ra. Các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Tập đoàn nhanh chóng được Ban điều hành chỉ đạo và kịp thời hỗ trợ bởi HĐQT trong quá trình thực hiện. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá những rủi ro kinh doanh cũng như thông qua các công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT về những giải pháp trong kinh doanh. Ngoài ra, trong các cuộc họp định kỳ hàng quý, HĐQT đã chỉ đạo, đưa ra ý kiến đảm bảo kế hoạch kinh doanh chung.

### Về định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Tăng cường công tác dự đoán, dự báo cũng như bám sát các vấn đề về địa chính trị trên toàn cầu ảnh hưởng đến tình hình kinh tế trong nước và tình hình kinh doanh của toàn bộ Tập đoàn.
- Chỉ đạo và soát tất cả các bộ phận kinh doanh, phân tích nhóm ngành kinh doanh nhằm tối ưu hóa nguồn lực, tập trung phát triển nhóm ngành kinh doanh có hiệu quả cao.
- Tăng cường công tác quản lý vốn, quản lý dòng tiền, tối ưu nhất về hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo tính ổn định về hoạt động liên tục cho Tập đoàn.
- Tối đa hóa công suất dây chuyền máy móc thiết bị hiện hữu nhằm tăng sản lượng sản xuất, góp phần giảm giá thành sản phẩm.
- Bám sát và kiểm soát và đẩy mạnh tiến độ xây dựng các dự án mới.
- Cùng với việc tăng cường phát triển sản xuất kinh doanh, công tác quản trị rủi ro kinh doanh cũng được kiểm soát thường xuyên.
- Tiếp tục kiểm soát tốt nhất chi phí phát sinh trong từng công ty thành viên nhằm tối đa hóa lợi nhuận.
- Tiếp tục tinh gọn bộ máy nhân sự, tập trung vào các vấn đề kinh doanh cốt lõi nhằm tiết kiệm chi phí và gia tăng hiệu quả hoạt động.

### Về công tác quản trị

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản lý và cơ cấu nhân sự theo cơ cấu tổ chức mới, tăng cường năng lực quản trị điều hành, nâng cao hơn nữa vai trò chiến lược và kiểm tra giám sát của Hội đồng quản trị, chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, giám sát cho đội ngũ quản lý.
- Ban hành chính sách lương và các chính sách đãi ngộ mang tính cạnh tranh. Đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua quản trị thành tích, tạo điều kiện về cơ hội, môi trường và chế độ thăng tiến cho các cấp quản lý tiềm năng, tổ chức các chương trình đào tạo bài bản và chuyên sâu để xây dựng một đội ngũ quản lý kế thừa, phục vụ nhu cầu phát triển dài hạn.



Nội dung và kết quả cuộc họp

| STT | Số Nghị quyết                                        | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                    | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | 01A/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG<br>01B/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG | 20/02/2024 | Thông qua Quy chế phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động                                                                                           | 100%            |
|     |                                                      |            | Thông qua tiêu chuẩn người lao động được tham gia Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động                                                                        |                 |
|     |                                                      |            | Thông qua nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phát hành cho từng đối tượng tại Công ty                                                                                     |                 |
|     |                                                      |            | Thông qua Danh sách người lao động được tham gia Chương trình và số lượng cổ phiếu dự kiến phân phối.                                                                       |                 |
|     |                                                      |            | Thông qua Kế hoạch thời gian cụ thể khi triển khai chương trình ESOP                                                                                                        |                 |
| 2   | 02/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG                              | 20/02/2024 | Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.                               | 100%            |
|     |                                                      |            | Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa                                                                  |                 |
|     |                                                      |            | Thông qua việc thành lập công ty con và cử Người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp AIG sở hữu tại Công ty ty con (Công ty Cổ phần Asia Specialty In-gredients) |                 |
| 3   | 03/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG                              | 20/02/2024 | Thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ông Trần Việt Hùng sang ông Phạm Trung Lâm                                                                            | 100%            |
| 4   | 04/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG                              | 06/03/2024 | Gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024                                                                                                                 | 100%            |
|     |                                                      |            | Phê duyệt giao dịch mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ                                                                                                                      |                 |
|     |                                                      |            | Phê duyệt giao dịch vay                                                                                                                                                     |                 |
| 5   | 05/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG                              | 20/03/2024 | Phê duyệt mua cổ phần ACC/AFI                                                                                                                                               | 100%            |
|     |                                                      |            | Bổ nhiệm Ông Trần Việt Hùng – Phó Tổng Giám đốc                                                                                                                             |                 |

| STT | Số Nghị quyết           | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 6   | 06/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG | 08/04/2024 | Quyết định ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông                                                                                                                                                                                        | 100%            |
|     |                         |            | Thông qua giao dịch giữa Công ty và Ông Nguyễn Việt Hùng (Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn) về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn                                                                                                            |                 |
| 7   | 07/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG | 17/05/2024 | Phê duyệt tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024                                                                                                                                                                                                              | 100%            |
|     |                         |            | Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2024                                                                                                                                                                                                                                            |                 |
| 8   | 08/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG | 30/05/2024 | Phê duyệt giao dịch mua cổ phần GCF và cử Người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp AIG sở hữu tại Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C Food.                                                                                                                                 | 100%            |
| 9   | 09/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG | 05/06/2024 | Thông qua tạm dừng triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.                                                                                                                                                                         | 100%            |
| 10  | 10/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG | 22/07/2024 | Thông qua việc đăng ký giao dịch toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.                                                                                   | 100%            |
|     |                         |            | Thông qua việc đăng ký lưu ký chứng khoán tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo quy định của Pháp luật để hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán sàn UPCOM.                                                       |                 |
|     |                         |            | Thông qua uỷ quyền cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan chức năng để hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại VSDC và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Upcom với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. |                 |
|     |                         |            | Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông vào lúc 17:00 ngày 05/08/2024 để thực hiện đăng ký giao dịch chứng khoán tại VSDC và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Upcom với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội                                                                          |                 |
|     |                         |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |



Nội dung và kết quả cuộc họp

| STT | Số Nghị quyết                                        | Ngày       | Nội dung                                                                                                     | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 11  | 11A/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG<br>11B/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG | 31/07/2024 | Cập nhật kết quả kinh doanh của Tập đoàn và các công ty con 6 tháng đầu năm 2024                             | 100%               |
|     |                                                      |            | Báo cáo tình trạng các lô đất của Tập đoàn                                                                   |                    |
|     |                                                      |            | Cập nhật các dự án và vốn đầu tư                                                                             |                    |
|     |                                                      |            | Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc (Ông Nguyễn Bá Lương)                                                             |                    |
| 12  | 12/2024/QĐ-HĐQT/AIG                                  | 08/10/2024 | Thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty và bổ nhiệm Ông Nguyễn Báo Tùng làm Tổng Giám đốc Công ty | 100%               |
| 13  | 13/2024/QĐ-HĐQT/AIG                                  | 30/10/2024 | Thông qua nội dung báo cáo kết quả kinh doanh của Tập đoàn và các công ty con 9 tháng đầu năm 2024           | 100%               |
|     |                                                      |            | Thông qua nội dung báo cáo tiến độ hồ sơ UPCOM                                                               |                    |
|     |                                                      |            | Thông qua nội dung báo cáo các dự án và vốn đầu tư                                                           |                    |
|     |                                                      |            | Thông qua nội dung báo cáo Chiến lược phát triển của ACP và Các sản phẩm nguyên liệu sản xuất                |                    |
|     |                                                      |            | Thông qua nội dung báo cáo xây dựng cấu trúc Tập đoàn AIG                                                    |                    |
|     |                                                      |            | Thông qua nội dung báo cáo kế hoạch phát triển APIS                                                          |                    |
|     |                                                      |            | Thông qua nội dung báo cáo kế hoạch thực hiện ERP one platform                                               |                    |
|     |                                                      |            | Thảo luận Chương trình Lãnh đạo Tương lai                                                                    |                    |
| 14  | 14/2024/QĐ-HĐQT/<br>AIG                              | 14/11/2024 | Quyết định ngày đăng ký cuối cùng để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản                                         | 100%               |
|     |                                                      |            | Thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản                                                                    |                    |
|     |                                                      |            | Bổ nhiệm Ông Phan Duy Hiếu và Ông Huỳnh Thanh Lâm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty                              |                    |

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Hiện nay, toàn bộ các thành viên trong Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG đều có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do các Sở, Ngành, VSDC và các đơn vị chuyên môn tổ chức.





DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2024

| STT | Thành viên          | Chức vụ              | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---------------------|----------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Bà Lê Ngọc Sang     | Trưởng Ban Kiểm Soát | 560.448            | 0,33%        |
| 2   | Bà Đỗ Thị Kim Chung | Kiểm Soát Viên       | -                  | -            |
| 3   | Bà Hà Thị Bích Vân  | Kiểm Soát Viên       | -                  | -            |

Bà Lê Ngọc Sang - Trưởng Ban Kiểm Soát

|                                            |                                                            |
|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh:                                 | 25/04/1976                                                 |
| Quốc tịch:                                 | Việt Nam                                                   |
| Trình độ chuyên môn:                       | Cử nhân Kinh tế                                            |
| Chức vụ tại các tổ chức khác:              | Thành viên Ban kiểm soát CTCP Hóa Chất Á Châu              |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: | 560.448 cổ phần, tương đương với 0,33% vốn điều lệ Công ty |

Bà Đỗ Thị Kim Chung - Kiểm Soát Viên

|                                            |                               |
|--------------------------------------------|-------------------------------|
| Ngày sinh:                                 | 20/8/1989                     |
| Quốc tịch:                                 | Việt Nam                      |
| Trình độ chuyên môn:                       | Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật |
| Chức vụ tại các tổ chức khác:              | Không có                      |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: | 0 cổ phần                     |

Bà Hà Thị Bích Vân - Kiểm Soát Viên

|                                            |                                                                                                                                   |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày sinh:                                 | 02/09/1980                                                                                                                        |
| Quốc tịch:                                 | Việt Nam                                                                                                                          |
| Trình độ chuyên môn:                       | Cử nhân kinh tế quốc tế                                                                                                           |
| Chức vụ tại các tổ chức khác:              | Phó chủ tịch cấp cao tại Marubeni Growth Capital Asia Pte. Ltd.<br><br>Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thực phẩm G.C |
| Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: | 0 cổ phần                                                                                                                         |

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Thông qua việc thực hiện đúng chủ trương quy định tại Điều lệ Tập đoàn và Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm tra các báo cáo tài chính của Tập đoàn, các Biên Bản Hội của HĐQT và việc ban hành các Nghị quyết / Quyết định tương ứng. Điều này bao gồm việc kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh. Trong năm 2024, Ban Kiểm soát cũng không nhận được khiếu nại nào từ cổ đông về hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Ngoài việc giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát cũng giám sát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Tập đoàn để đảm bảo các thông tin quan trọng luôn được công bố và cập nhật đầy đủ, kịp thời cho cổ đông.

Các cuộc học của Ban Kiểm soát

| Stt | Kiểm soát viên   | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------|-------------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Lê Ngọc Sang     | 3/3                     | 100%              | 100%             | -                       |
| 2   | Đỗ Thị Kim Chung | 3/3                     | 100%              | 100%             | -                       |
| 3   | Hà Thị Bích Vân  | 3/3                     | 100%              | 100%             | -                       |

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm, sau các cuộc họp của HĐQT, Ban Kiểm soát luôn được cập nhật thông tin về nội dung Biên Bản, nghị quyết đầy đủ để nắm bắt kịp thời thông tin thực tế về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn.







CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm như sau:

| Lương, thưởng, thù lao, và các khoản lợi ích | Năm 2023<br>(đồng)   | Năm 2024<br>(đồng)   |
|----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Hội đồng quản trị                            | 1.335.000.000        | 1.200.000.000        |
| Ban Tổng Giám đốc                            | 946.800.000          | 3.926.733.000        |
| Ban Kiểm soát                                | 132.000.000          | 132.000.000          |
| <b>Tổng cộng</b>                             | <b>2.413.800.000</b> | <b>5.258.733.000</b> |

Giao dịch cổ phiếu người nội bộ

| STT | Người thực hiện giao dịch     | Quan hệ với người nội bộ            | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |        | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|-------------------------------|-------------------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|--------|----------------------------------------------------|
|     |                               |                                     | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ  |                                                    |
| 1   | Phan Thị Hoài Thương          | Người có liên quan của người nội bộ | 1.060.075                 | 0,62% | 1.004.075                  | 0,59%  | Bán                                                |
| 2   | Nguyễn Quốc Bình              | Người nội bộ                        | 496.900                   | 0,29% | 459.000                    | 0,27%  | Bán                                                |
| 3   | Nguyễn Văn Minh               | Người có liên quan của người nội bộ | 155.000                   | 0,09% | 100.000                    | 0,06%  | Bán                                                |
| 4   | Trần Việt Hùng                | Người nội bộ                        | 227.737                   | 0,13% | 201.800                    | 0,12%  | Bán                                                |
| 5   | PENM IV GER-MANY GMBH & CO.KG | Tổ chức có liên quan                | 16.108.704                | 9,44% | 5.872.626                  | 3,44%  | Bán                                                |
| 6   | MGCA FOODCO PTE. LTD          | Tổ chức có liên quan                | 29.000.000                | 17%   | 49.472.156                 | 28,99% | Mua                                                |

Đánh giá việc thực hiện quản trị công ty

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị doanh nghiệp, đảm bảo minh bạch thông tin, tuân thủ quy định pháp luật và bảo vệ quyền lợi cổ đông thông qua việc công bố thông tin đầy đủ, tổ chức ĐHĐCĐ đúng thời hạn. Mặc dù chưa tổ chức các khóa đào tạo chính thức về quản trị Công ty, Công ty vẫn khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc tham gia các hội thảo và đối thoại chuyên môn trong năm để nâng cao năng lực quản trị như:

| STT | Thời gian | Sự kiện/Hội nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 04/2024   | Hội nghị tập huấn về hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành chứng khoán do Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2   | 06/2024   | Hội nghị “Những vấn đề lưu ý trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán của công ty đại chúng, công ty niêm yết; Các sai sót trong lập và trình bày BCTC của công ty đại chúng, công ty niêm yết” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam tổ chức nhằm mục tiêu hướng dẫn công ty đại chúng, công ty niêm yết nâng cao tính tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, nâng cao chất lượng công bố thông tin báo cáo tài chính. |
| 3   | 08/2024   | Hội thảo “ Hội nghị các Tổ chức đăng ký chứng khoán tại VSDC năm 2024” do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) tổ chức.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 4   | 09/2024   | Hội thảo “Nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị công ty đại chúng bằng các quy định nội bộ” do CTCP Chứng khoán FPT tổ chức với sự hỗ trợ chuyên môn từ Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 5   | 10/2024   | Hội thảo ra mắt, giới thiệu và hướng dẫn sử dụng Sổ tay về triển khai và công bố thông tin ESG do Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |





## HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                 | Mối quan hệ liên quan với Tập đoàn       | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH                                      | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                                                                     | Thời điểm giao dịch với Tập đoàn | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT (nếu có)                       | Tổng giá trị giao dịch (đồng)                                                                                   |
|-----|-------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn      | Công ty con                              | Số 2901627664 do sở KH&ĐT tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 23/05/2013       | Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An                                                                           | Trong năm 2024                   | Quyết định của HĐQT 04A/2024/QĐ-HĐQT/AIG                                 | Vay: 80.000.000.000 đồng<br>Lãi vay: 2.547.232.880 đồng                                                         |
|     |                                     |                                          |                                                                          |                                                                                                                           |                                  | Quyết định của ĐHĐCĐ 03/2024/QĐ-ĐHĐCĐ                                    | Cổ tức được chia: 10.899.500.000 đồng<br>Cổ tức thực nhận: 10.899.500.000 đồng                                  |
| 2   | Ông Nguyễn Viết Hùng                | Cổ đông, Thành viên HĐQT tại công ty con |                                                                          |                                                                                                                           | Trong năm 2024                   | Quyết định của HĐQT 06/2024/QĐ-HĐQT/AIG                                  | Nhận chuyển nhượng cổ phần: 239.000.000.000 đồng                                                                |
| 3   | Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu     | Công ty con                              | 0304918352 do sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/04/2007 | Lô K4B, KCN Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh                                  | Trong năm 2024                   | Quyết định số 01.24/NQCD/ACC                                             | Cổ tức thực nhận: 202.767.320.000 đồng<br>Cổ tức được chia: 166.437.124.000 đồng                                |
|     |                                     |                                          |                                                                          |                                                                                                                           |                                  | Quyết định của HĐQT 04A/2024/QĐ-HĐQT/AIG                                 | Doanh thu cung cấp dịch vụ: 7.759.723.308 đồng<br>Vay: 2.000.000.000.000 đồng<br>Lãi vay: 5.953.424.661 đồng    |
| 4   | Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu | Công ty con                              | 1300975859 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 19/12/2014     | Lô EI-2, EI-3, EI-4 Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn II, xã An Phước, H.Châu Thành, Bến Tre                            | Trong năm 2024                   | Nghị quyết của ĐHĐCĐ 01.23/NQCD/ACP; Nghị quyết của ĐHĐCĐ 02.24/NQCD/ACP | Cổ tức thực nhận: 42.540.000.000 đồng<br>Cổ tức được chia: 27.270.000.000 đồng                                  |
|     |                                     |                                          |                                                                          |                                                                                                                           |                                  | Quyết định của HĐQT 04A/2024/QĐ-HĐQT/AIG                                 | Doanh thu cung cấp dịch vụ: 7.992.996.303 đồng<br>Cho vay: 15.000.000.000 đồng<br>Lãi cho vay: 110.753.425 đồng |
| 5   | Công ty Cổ phần APIS                | Công ty con                              | 0312705358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/03/2014  | 18A-18B VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Tp. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương | Trong năm 2024                   | Quyết định của HĐQT 04A/2024/QĐ-HĐQT/AIG                                 | Mua hàng: 83.925.812 đồng<br>Doanh thu cung cấp dịch vụ: 3.163.021.902 đồng                                     |
|     |                                     |                                          |                                                                          |                                                                                                                           |                                  | Quyết định của ĐHĐCĐ 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ                                    | Cổ tức được chia: 5.002.700.000 đồng<br>Cổ tức thực nhận: 5.002.700.000 đồng                                    |



HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

|   |                                                      |             |                                                                       |                                                                                 |                |                                            |                                                                                                                                                                                                                                  |
|---|------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6 | Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn | Công ty con | 3700916876 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 7/5/2008 | Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương | Trong năm 2024 | Quyết định của HĐQT 04A/2024/QĐ-HĐQT/AIG   | Vay: 165.000.000.000                                                                                                                                                                                                             |
|   |                                                      |             |                                                                       |                                                                                 |                | Nghị quyết của ĐHĐCĐ 01.24/NQCD/AFI        | Lãi vay: 6.068.506.846 đồng<br>Lãi vay đã trả: 3.581.452.055 đồng<br>Doanh thu cung cấp dịch vụ: 12.600.383.373 đồng<br>Cổ tức được chia: 39.175.000.000 đồng<br>Cổ tức thực nhận: 39.175.000.000 đồng                           |
| 7 | Công ty Cổ phần Thương mại VICTA                     | Công ty con | 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/04/2023      | Lô TH-1B, Đường số 7, KCX Tân Thuận, Quận 7, Tp. HCM                            | Trong năm 2024 | Quyết định của HĐQT 04A/2024/QĐ-HĐQT/AIG   | Vay: 100.000.000.000<br>Lãi vay: 3.243.232.877 đồng<br>Mua TSCĐ, Công cụ dụng cụ: 1.948.195.000 đồng<br>Chi phí dịch vụ thuê văn phòng, dịch vụ tòa nhà khác: 158.144.218 đồng<br>Doanh thu cung cấp dịch vụ: 3.230.405.068 đồng |
|   |                                                      |             |                                                                       |                                                                                 |                | Quyết định của ĐHĐCĐ 02/2024/QĐ-ĐHĐCĐ      | Giảm vốn điều lệ: 129.967.680.000 đồng                                                                                                                                                                                           |
|   |                                                      |             |                                                                       |                                                                                 |                | Quyết định của ĐHĐCĐ 03/2024/QĐ-ĐHĐCĐ      | Cổ tức được chia: 10.997.266.000 đồng<br>Cổ tức thực nhận: 10.997.266.000 đồng                                                                                                                                                   |
| 8 | Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet                 | Công ty con | 1102039618 cấp ngày 26/9/2023 tại Sở KH và ĐT tỉnh Long An            | Lô 2C, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến lức, Tỉnh Long An  | Trong năm 2024 | Quyết định của HĐQT 05/2023/QĐ-HĐQT/AIG    | Góp vốn: 264.600.000.000 đồng                                                                                                                                                                                                    |
|   |                                                      |             |                                                                       |                                                                                 |                | Quyết định của HĐQT số 02/2024/QĐ-HĐQT/AIG | Góp vốn: 37.350.000.000 đồng                                                                                                                                                                                                     |
| 9 | Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients           | Công ty con | 0901155640 cấp ngày 29/02/2024 tại Sở KH và ĐT tỉnh Hưng Yên          | Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam              | Trong năm 2024 | Quyết định của HĐQT 04A/2024/QĐ-HĐQT/AIG   | Vay: 25.000.000.000 đồng                                                                                                                                                                                                         |
|   |                                                      |             |                                                                       |                                                                                 |                |                                            | Trả gốc vay: 20.000.000.000                                                                                                                                                                                                      |
|   |                                                      |             |                                                                       |                                                                                 |                |                                            | Lãi vay: 166.136.986 đồng                                                                                                                                                                                                        |
|   |                                                      |             |                                                                       |                                                                                 |                |                                            | Trả lãi vay: 166.136.986 đồng                                                                                                                                                                                                    |
|   |                                                      |             |                                                                       |                                                                                 |                |                                            | Cho vay: 10.000.000.000 đồng                                                                                                                                                                                                     |
|   |                                                      |             |                                                                       |                                                                                 |                |                                            | Lãi cho vay: 87.020.547 đồng                                                                                                                                                                                                     |



06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2024

# Financial Analysis



### SALES





Số tham chiếu: 0012117582/E-67737590-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 50 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1891-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Huỳnh Ngọc Minh Trân  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 4637-2023-004-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

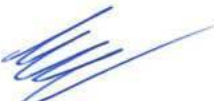
| VND   |                                              |             |                           |                          |
|-------|----------------------------------------------|-------------|---------------------------|--------------------------|
| Mã số | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm               |
| 100   | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>7.441.531.481.397</b>  | <b>7.007.853.658.500</b> |
| 110   | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | 5           | <b>730.832.456.137</b>    | <b>383.275.909.584</b>   |
| 111   | 1. Tiền                                      |             | 369.654.793.074           | 183.065.875.541          |
| 112   | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | 361.177.663.063           | 200.210.034.043          |
| 120   | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         |             | <b>1.938.881.886.448</b>  | <b>2.548.151.083.417</b> |
| 123   | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 6           | 1.938.881.886.448         | 2.548.151.083.417        |
| 130   | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>1.918.661.246.304</b>  | <b>1.762.268.119.310</b> |
| 131   | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 7.1         | 1.668.215.700.737         | 1.518.725.538.798        |
| 132   | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 7.2         | 216.554.629.010           | 162.091.369.740          |
| 136   | 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 8           | 61.944.613.394            | 100.470.048.503          |
| 137   | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 7.1         | (28.053.696.837)          | (19.018.837.731)         |
| 140   | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | 9           | <b>2.666.345.462.988</b>  | <b>2.193.107.291.415</b> |
| 141   | 1. Hàng tồn kho                              |             | 2.706.596.993.455         | 2.242.237.279.250        |
| 149   | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            |             | (40.251.530.467)          | (49.129.987.835)         |
| 150   | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>186.810.429.520</b>    | <b>121.051.254.774</b>   |
| 151   | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 10          | 24.317.824.105            | 14.035.724.078           |
| 152   | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   |             | 161.495.804.854           | 106.542.811.914          |
| 153   | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 17          | 996.800.561               | 472.718.782              |
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    |             | <b>3.101.272.299.419</b>  | <b>2.499.127.060.408</b> |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         |             | <b>1.698.459.430</b>      | <b>4.625.663.031</b>     |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác                     | 8           | 1.698.459.430             | 4.625.663.031            |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>                   |             | <b>1.438.140.442.945</b>  | <b>1.254.124.034.680</b> |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 11          | 1.406.024.982.571         | 1.224.507.290.967        |
| 222   | Nguyên giá                                   |             | 2.231.421.198.227         | 1.934.816.150.860        |
| 223   | Giá trị khấu hao lũy kế                      |             | (825.396.215.656)         | (710.308.859.893)        |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình                   | 12          | 32.115.460.374            | 29.616.743.713           |
| 228   | Nguyên giá                                   |             | 48.825.351.599            | 42.907.275.707           |
| 229   | Giá trị hao mòn lũy kế                       |             | (16.709.891.225)          | (13.290.531.994)         |
| 230   | <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              |             | <b>110.034.690.092</b>    | -                        |
| 231   | 1. Nguyên giá                                | 13          | 110.034.690.092           | -                        |
| 240   | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           |             | <b>176.724.963.289</b>    | <b>188.913.941.847</b>   |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 14          | 176.724.963.289           | 188.913.941.847          |
| 250   | <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | 15          | <b>553.279.227.336</b>    | <b>238.369.879.746</b>   |
| 252   | 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh   | 15.1        | 552.379.143.336           | 237.269.823.746          |
| 255   | 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 15.2        | 900.084.000               | 1.100.056.000            |
| 260   | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              |             | <b>821.394.516.327</b>    | <b>813.093.541.104</b>   |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 10          | 821.394.516.327           | 813.093.541.104          |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     |             | <b>10.542.803.780.816</b> | <b>9.506.980.718.908</b> |

| VND   |                                                        |             |                           |                          |
|-------|--------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|--------------------------|
| Mã số | NGUỒN VỐN                                              | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm               |
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                  |             | <b>4.530.276.670.763</b>  | <b>4.035.721.535.658</b> |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                  |             | <b>4.427.710.561.518</b>  | <b>3.956.883.207.971</b> |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                         | 16.1        | 1.182.900.198.965         | 1.052.088.839.556        |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                   | 16.2        | 32.608.522.534            | 21.067.677.072           |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                 | 17          | 73.521.037.429            | 51.932.500.231           |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                             |             | 2.977.337.705             | 2.589.601.676            |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                           | 18          | 171.868.064.993           | 183.164.432.136          |
| 318   | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                   |             | 7.000.000                 | 360.000.000              |
| 319   | 7. Phải trả ngắn hạn khác                              |             | 6.756.313.960             | 16.290.455.272           |
| 320   | 8. Vay ngắn hạn                                        | 20          | 2.748.989.964.901         | 2.448.277.779.237        |
| 322   | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                           | 19          | 208.082.121.031           | 181.111.922.791          |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                  |             | <b>102.566.109.245</b>    | <b>78.838.327.687</b>    |
| 336   | 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                    |             | -                         | 540.000.000              |
| 338   | 2. Vay dài hạn                                         | 20          | 82.415.969.726            | 53.143.863.299           |
| 341   | 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                     | 28.3        | 13.766.143.209            | 18.835.218.078           |
| 342   | 4. Dự phòng phải trả dài hạn                           |             | 6.383.996.310             | 6.319.246.310            |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                               |             | <b>6.012.527.110.053</b>  | <b>5.471.259.183.250</b> |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                               |             | <b>6.012.527.110.053</b>  | <b>5.471.259.183.250</b> |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                              | 21.1        | 1.706.012.980.000         | 1.706.012.980.000        |
| 411a  | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết               |             | 1.706.012.980.000         | 1.706.012.980.000        |
| 412   | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                | 21.1        | 174.000.000.000           | 174.000.000.000          |
| 417   | 3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                          | 21.1        | 9.405.801.018             | 3.979.548.167            |
| 418   | 4. Quỹ đầu tư phát triển                               | 21.1        | 29.884.223.256            | 29.884.223.256           |
| 421   | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                   | 21.1        | 3.258.026.961.488         | 2.702.991.886.810        |
| 421a  | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước |             | 2.702.991.886.810         | 2.080.443.263.208        |
| 421b  | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay            |             | 555.035.074.678           | 622.548.623.602          |
| 429   | 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                     | 21.1        | 835.197.144.291           | 854.390.545.017          |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                             |             | <b>10.542.803.780.816</b> | <b>9.506.980.718.908</b> |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

  
Vũ Minh Đức  
Người lập

  
Nguyễn Thảo  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Bảo Tùng  
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| VND   |                                                    |             |                      |                      |
|-------|----------------------------------------------------|-------------|----------------------|----------------------|
| Mã số | CHỈ TIÊU                                           | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước            |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 22.1        | 12.425.473.708.337   | 11.975.780.568.887   |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 22.1        | (38.930.611.393)     | (60.407.400.988)     |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22.1        | 12.386.543.096.944   | 11.915.373.167.899   |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp            | 23, 27      | (10.421.650.732.861) | (10.096.647.503.117) |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 1.964.892.364.083    | 1.818.725.664.782    |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 22.2        | 178.920.631.805      | 161.766.625.459      |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                               | 24          | (151.136.032.375)    | (148.728.936.656)    |
| 23    | - Trong đó: Chi phí lãi vay                        |             | (111.302.181.293)    | (123.190.693.391)    |
| 24    | 8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết     | 15.1        | 16.213.662.195       | 2.414.640.826        |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                | 25, 27      | (381.832.035.053)    | (347.656.759.118)    |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                   | 25, 27      | (592.367.935.110)    | (535.585.534.344)    |
| 30    | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | 1.034.690.655.545    | 950.935.700.949      |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                  | 26          | 12.557.782.175       | 11.885.561.869       |
| 32    | 13. Chi phí khác                                   | 26          | (5.397.136.330)      | (3.326.494.929)      |
| 40    | 14. Lợi nhuận khác                                 | 26          | 7.160.645.845        | 8.559.066.940        |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 1.041.851.301.390    | 959.494.767.889      |
| 51    | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 28.1        | (210.630.643.695)    | (172.018.127.472)    |
| 52    | 17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại          | 28.3        | 5.069.074.869        | (519.135.611)        |
| 60    | 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN                        |             | 836.289.732.564      | 786.957.504.806      |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| VND   |                                                    |             |                 |                 |
|-------|----------------------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|
| Mã số | CHỈ TIÊU                                           | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
| 61    | 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ              |             | 704.268.622.889 | 651.737.930.026 |
| 62    | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát |             | 132.021.109.675 | 135.219.574.780 |
| 70    | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 21.4        | 3.970           | 3.661           |
| 71    | 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 21.4        | 3.970           | 3.661           |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Vũ Minh Đức  
Người lập



Nguyễn Thảo  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Bảo Tùng  
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| VND   |                                                                                              |             |                          |                            |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|----------------------------|
| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                                     | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước                  |
| 01    | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                            |             |                          |                            |
|       | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                                                     |             | <b>1.041.851.301.390</b> | <b>959.494.767.889</b>     |
|       | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                                                             |             |                          |                            |
| 02    | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định                                                          | 11,12       | 135.373.607.907          | 125.742.593.600            |
| 03    | Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)                                                                |             | 221.151.738              | (17.287.789.926)           |
| 04    | Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ         |             | 1.214.289.901            | 25.383.134                 |
| 05    | Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                      |             | (145.924.815.766)        | (102.934.011.623)          |
| 06    | Chi phí lãi vay                                                                              | 24          | 111.302.181.293          | 123.190.693.391            |
| 08    | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                         |             | <b>1.144.037.716.463</b> | <b>1.088.231.636.465</b>   |
| 09    | (Tăng) giảm các khoản phải thu                                                               |             | (126.972.677.826)        | 219.017.397.201            |
| 10    | (Tăng) giảm hàng tồn kho                                                                     |             | (464.359.714.205)        | 498.580.999.549            |
| 11    | Tăng các khoản phải trả                                                                      |             | 118.439.321.117          | 246.890.481.662            |
| 12    | Tăng chi phí trả trước                                                                       |             | (18.583.075.250)         | (169.815.912.105)          |
| 14    | Tiền lãi vay đã trả                                                                          |             | (102.857.523.304)        | (131.036.850.750)          |
| 15    | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                            | 17          | (188.647.457.590)        | (167.775.203.842)          |
| 17    | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                       |             | (1.100.700.000)          | (811.760.000)              |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                         |             | <b>359.955.889.405</b>   | <b>1.583.280.788.180</b>   |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                               |             |                          |                            |
| 21    | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định                                              |             | (515.787.260.420)        | (196.617.406.693)          |
| 22    | Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định                                                         |             | 5.697.514.125            | 3.173.229.773              |
| 23    | Tiền gửi ngân hàng, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                       |             | (2.035.568.939.180)      | (2.881.085.940.380)        |
| 24    | Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác                          |             | 2.645.038.108.149        | 770.634.828.963            |
| 25    | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)                                 |             | (544.701.331.543)        | (11.234.000.000)           |
| 26    | Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ) |             | 2.796.944.552            | -                          |
| 27    | Tiền thu lãi tiền gửi                                                                        |             | 134.852.823.977          | 75.285.861.298             |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>                                    |             | <b>(307.672.140.340)</b> | <b>(2.239.843.427.039)</b> |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| VND   |                                                                            |             |                        |                         |
|-------|----------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|-------------------------|
| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                   | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước               |
| 31    | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                         |             |                        |                         |
|       | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát |             | 11.780.000.000         | -                       |
| 32    | Tiền trả lại vốn góp cho các cổ đông công ty con                           |             | (1.382.320.000)        | -                       |
| 33    | Tiền thu từ đi vay                                                         | 20          | 8.803.778.582.987      | 7.206.225.727.294       |
| 34    | Tiền chi trả nợ gốc vay                                                    | 20          | (8.475.000.842.872)    | (6.621.800.166.845)     |
| 36    | Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát                                  |             | (49.587.210.000)       | (19.624.304.000)        |
| 40    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                        |             | <b>289.588.210.115</b> | <b>564.801.256.449</b>  |
| 50    | <b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>                 |             | <b>341.871.959.180</b> | <b>(91.761.382.410)</b> |
| 60    | <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                    |             | <b>383.275.909.584</b> | <b>472.517.240.092</b>  |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                    |             | 5.684.587.373          | 2.520.051.902           |
| 70    | <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                   | 5           | <b>730.832.456.137</b> | <b>383.275.909.584</b>  |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Vũ Minh Đức  
Người lập

Nguyễn Thảo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng  
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.306 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.184).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau:

Các công ty con bao gồm:

- ▶ *Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu (“ACC”)*  
ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).
- ▶ *Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (“AFI”)*  
AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).
- ▶ *Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu (“ACP”)*  
ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

- ▶ *Công ty Cổ phần APIS (“APIS”)*  
APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).
- ▶ *Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn (“AHS”)*  
AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 66,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).
- ▶ *Công ty TNHH Thực phẩm AFC (“AFC”)*  
AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).
- ▶ *Công ty Cổ phần Thương mại VICTA (“VICTA”)*  
VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu (“AIC”) được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 4 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 99,50% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")

MDG là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1102039618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 9 năm 2023. MDG có trụ sở chính tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của MDG là chế biến và bảo quản rau quả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 99,2% tỷ lệ sở hữu (nắm giữ trực tiếp 98% và nắm giữ gián tiếp thông qua công ty con là 1,2%) và 99,87% quyền biểu quyết trong MDG.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")

ASI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0901155640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29 tháng 2 năm 2024. ASI có trụ sở chính tại Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ASI là sản xuất hương liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 83,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")

AFS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3703261917 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 11 năm 2024. AFS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFS là sản xuất, phối trộn và đóng gói sản phẩm, nguyên liệu thực phẩm và phụ gia thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm 50,03% tỷ lệ sở hữu và 65,00% quyền biểu quyết trong AFS thông qua công ty con.

Công ty liên doanh:

Công ty Cổ phần Sinh Phẩm Nature ACH ("Nature ACH")

Nature ACH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316794581 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2021. Nature ACH có trụ sở chính tại Số 19, Đường 18, Khu phố 3, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của Nature ACH là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 30,00% phần vốn chủ sở hữu trong Nature ACH (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 30,00% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

Các công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")

GCF là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. GCF có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của GCF là bán buôn thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 44,50% phần vốn chủ sở hữu trong GCF.

Công ty Cổ phần Tảo Vinh Hảo ("TVH")

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vinh Sơn, Xã Vinh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 49,00% phần vốn chủ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 49,00% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty liên kết: (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")

ACI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở KH&ĐT Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn nắm giữ 40,00% phần vốn chủ sở hữu trong ACI ngày 31 tháng 12 năm 2023: 40,55% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- |                                                    |                                                                                             |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ      | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.                                         |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá gốc thành phẩm bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                                               |             |
|-----------------------------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc                        | 18 - 35 năm |
| Máy móc, thiết bị                             | 3 - 12 năm  |
| Phương tiện vận tải                           | 3 - 10 năm  |
| Thiết bị văn phòng                            | 3 - 8 năm   |
| Phần mềm máy tính                             | 4 - 10 năm  |
| Nhãn hiệu, tên thương mại                     | 10 năm      |
| Tài sản khác                                  | 4 - 5 năm   |
| Quyền sử dụng đất                             | 18 - 50 năm |
| Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm | 20 - 40 năm |

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

3.13 Các khoản đầu tư

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh được Tập đoàn ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Tập đoàn/ Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

3.12 Vốn góp của chủ sở hữu

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Đầu tư vào liên doanh

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Phần vốn góp của Tập đoàn trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất bằng cách hạch toán:

- 
- a) giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu và các công nợ mà Tập đoàn có nghĩa vụ thực hiện; và
- b) các khoản chi phí phát sinh cũng như phần thu nhập mà Tập đoàn được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div>3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)</div> <div>3.15 <i>Trợ cấp thôi việc phải trả</i></div> <div><p>Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.</p><p>Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.</p></div> <div>3.16 <i>Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ</i></div> <div><p>Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:</p><ul style="list-style-type: none"><li>Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;</li><li>Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và</li><li>Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.</li></ul><p>Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:</p><ul style="list-style-type: none"><li>Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và</li><li>Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.</li></ul><p>Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.</p><p><b>Chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con hoạt động ở nước ngoài</b></p><p>Báo cáo tài chính của ACC PTE được lập theo đồng tiền khác với đồng tiền VND của Tập đoàn. Báo cáo chuyển đổi của ACC PTE được xác định theo nguyên tắc sau:</p><ul style="list-style-type: none"><li>Các khoản mục được phân loại là tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính;</li><li>Khoản mục vốn điều lệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày có giao dịch;</li><li>Khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá của các khoản mục tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và</li><li>Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân trong kỳ kế toán năm.</li></ul><p>Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính là bình quân tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 25.401 VND/USD.</p></div> | <div>3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)</div> <div>3.16 <i>Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)</i></div> <div><p>Tỷ giá thực tế bình quân trong năm tài chính được xác định dựa trên bình quân của tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch tại đầu và cuối mỗi tháng của tất cả các tháng trong năm tài chính. Tỷ giá thực tế bình quân trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.997 VND/USD.</p><p>Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo được trình bày tại khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 trong vốn chủ sở hữu.</p></div> <div>3.17 <i>Phân chia lợi nhuận</i></div> <div><p>Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.</p><p>Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.</p><p><i>Quỹ đầu tư phát triển</i></p><p>Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.</p><p><i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i></p><p>Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.</p></div> <div>3.18 <i>Ghi nhận doanh thu</i></div> <div><p>Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:</p><p><i>Doanh thu bán hàng</i></p><p>Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.</p><p><i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i></p><p>Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.</p><p><i>Doanh thu từ tiền lãi</i></p><p>Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.</p><p><i>Tiền cho thuê</i></p><p>Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.</p><p><i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i></p><p>Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.</p></div> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

3.19 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất và mua bán sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm, hương liệu, nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm từ sữa, dừa, nước giải khát, thủy sản, dược phẩm, bánh kẹo và mỹ phẩm; nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc giả định rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2024, Công ty đã nhận lại khoản tiền góp vốn vào công ty Cổ phần Thương mại VICTA với giá trị là 129.967.680.000 VND theo Quyết định số 02/2024/QĐ-ĐHĐCĐ về việc giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại VICTA.

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 7.194.000 cổ phần của AHS, tương ứng 33% tỷ lệ sở hữu, từ cổ đông hiện hữu với tổng giá trị là 239.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2024/NQ-HĐQT/AIG ngày 8 tháng 4 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong AHS tăng từ 66,995% lên 99,995%.

Trong năm, Tập đoàn đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet với tổng giá trị là 264.600.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2023/QĐ-HĐQT/AIG ngày 20 tháng 9 năm 2023 và số 02/2024/QĐ HĐQT/AFI ngày 10 tháng 4 năm 2024. Theo đó, Tập đoàn nắm giữ 99,2% tỷ lệ sở hữu (nắm giữ trực tiếp 98% và nắm giữ gián tiếp thông qua công ty con là 1,2%) và 99,87% quyền biểu quyết trong MDG.

Trong năm, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients với tổng giá trị là 37.350.000.000 VND trên tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT/AIG ngày 20 tháng 2 năm 2024. Theo đó, Công ty nắm giữ 83,00% vốn điều lệ và quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients.

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc mua 44,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3602503768, do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 31 tháng 5 năm 2011, và các GCNĐKDN điều chỉnh. Lĩnh vực kinh doanh chính của GCF là buôn bán thực phẩm. Công ty mua GCF với mục đích đầu tư dài hạn.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                | VND                    |                        |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Tiền mặt                       | 5.731.923.416          | 4.230.752.748          |
| Tiền gửi ngân hàng             | 363.922.869.658        | 178.835.122.793        |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 361.177.663.063        | 200.210.034.043        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>730.832.456.137</b> | <b>383.275.909.584</b> |

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 0,5%/năm đến 4,7%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn với kỳ hạn gốc trên sáu (6) tháng và dưới mười hai (12) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 4,0%/năm đến 6,2%/năm.

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần khoản tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|                                                         | VND                      |                          |
|---------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                         | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
| Phải thu khách hàng                                     | 1.668.215.700.737        | 1.511.230.004.498        |
| <i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>                     | <i>381.623.608.855</i>   | <i>316.762.954.493</i>   |
| <i>Các khách hàng khác</i>                              | <i>1.286.592.091.882</i> | <i>1.194.467.050.005</i> |
| Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> ) | -                        | 7.495.534.300            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                        | <b>1.668.215.700.737</b> | <b>1.518.725.538.798</b> |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                      | (28.053.696.837)         | (19.018.837.731)         |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                                    | <b>1.640.162.003.900</b> | <b>1.499.706.701.067</b> |

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                                                    | VND                    |                        |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                    | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Trả trước bên khác                                                 | 216.554.629.010        | 115.144.717.740        |
| <i>Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV</i>                           | <i>41.920.231.152</i>  | -                      |
| <i>Gea Process Engineering Pte.Ltd.SPX</i>                         | <i>33.561.005.602</i>  | -                      |
| <i>Bertuzzi Food Processing S.r.l.</i>                             | <i>23.063.450.712</i>  | -                      |
| <i>Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Viglacera Yên Mỹ</i> | -                      | 57.154.416.040         |
| <i>Các người bán khác</i>                                          | <i>118.009.941.544</i> | 57.990.301.700         |
| Trả trước bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )               | -                      | 46.946.652.000         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                   | <b>216.554.629.010</b> | <b>162.091.369.740</b> |

8. PHẢI THU KHÁC

|                                                       | VND                   |                        |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                                       | Số cuối năm           | Số đầu năm             |
| <b>Ngắn hạn</b>                                       | <b>61.944.613.394</b> | <b>100.470.048.503</b> |
| Lãi tiền gửi ngân hàng                                | 32.504.261.273        | 38.926.053.530         |
| Tạm ứng cho nhân viên                                 | 11.540.957.792        | 7.856.370.100          |
| Ký quỹ ngắn hạn                                       | 8.918.510.748         | 34.426.734.033         |
| Khác                                                  | 8.980.883.581         | 19.260.890.840         |
| <b>Dài hạn</b>                                        | <b>1.698.459.430</b>  | <b>4.625.663.031</b>   |
| Ký quỹ dài hạn                                        | 1.698.459.430         | 4.625.663.031          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                      | <b>63.643.072.824</b> | <b>105.095.711.534</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                      |                       |                        |
| <i>Phải thu bên khác</i>                              | <i>60.497.038.948</i> | <i>101.122.506.037</i> |
| <i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i> | <i>3.146.033.876</i>  | <i>3.973.205.497</i>   |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

|                                      | VND                      |                          |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                      | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
| Hàng hóa                             | 1.330.646.498.486        | 1.278.311.309.525        |
| Hàng đang đi trên đường              | 672.348.875.376          | 490.192.964.988          |
| Thành phẩm                           | 347.611.595.541          | 208.901.301.053          |
| Nguyên vật liệu                      | 251.889.957.946          | 189.507.019.224          |
| Hàng gửi đi bán                      | 52.922.327.260           | 23.787.370.016           |
| Công cụ, dụng cụ                     | 35.696.214.691           | 32.741.468.084           |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 14.116.019.638           | 18.190.644.848           |
| Thành phẩm từ gia công               | 1.365.504.517            | 605.201.512              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                     | <b>2.706.596.993.455</b> | <b>2.242.237.279.250</b> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho       | (40.251.530.467)         | (49.129.987.835)         |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>                 | <b>2.666.345.462.988</b> | <b>2.193.107.291.415</b> |

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

|                                         | VND              |                  |
|-----------------------------------------|------------------|------------------|
|                                         | Năm nay          | Năm trước        |
| Số đầu năm                              | 49.129.987.835   | 69.370.140.986   |
| Dự phòng trích lập trong năm            | 66.056.181.277   | 76.373.700.563   |
| Hoàn nhập và sử dụng dự phòng trong năm | (74.934.638.645) | (96.613.853.714) |
| Số cuối năm                             | 40.251.530.467   | 49.129.987.835   |

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|                                     | VND                    |                        |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                     | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| <b>Ngắn hạn</b>                     | <b>24.317.824.105</b>  | <b>14.035.724.078</b>  |
| Công cụ, dụng cụ                    | 5.073.574.857          | 2.904.951.944          |
| Phí bảo hiểm                        | 2.386.928.230          | 2.379.298.881          |
| Chi phí thuê văn phòng              | 1.115.378.959          | 928.028.000            |
| Khác                                | 15.741.942.059         | 7.823.445.253          |
| <b>Dài hạn</b>                      | <b>821.394.516.327</b> | <b>813.093.541.104</b> |
| Tiền thuê đất trả trước             | 769.362.687.199        | 762.839.191.356        |
| Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà kho | 23.293.634.465         | 27.035.313.165         |
| Công cụ, dụng cụ                    | 17.186.361.980         | 17.360.412.790         |
| Khác                                | 11.551.832.683         | 5.858.623.793          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>845.712.340.432</b> | <b>827.129.265.182</b> |

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần quyền sử dụng đất thuê làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Nguyên giá                            | Nhà cửa<br>vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện<br>vận tải | Thiết bị<br>văn phòng | Cây lâu năm,<br>sức vật lâm việc<br>và cho sản phẩm | Tài sản khác    | Tổng cộng         |
|---------------------------------------|--------------------------|-------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|-------------------|
|                                       |                          |                   |                        |                       |                                                     |                 |                   |
| Số đầu năm                            | 871.131.142.916          | 827.726.343.393   | 187.366.221.965        | 45.209.840.608        | 977.375.000                                         | 2.405.226.978   | 1.934.816.150.860 |
| Mua mới                               | 500.000.000              | 4.568.175.637     | 21.298.225.882         | 388.229.580           | -                                                   | -               | 26.754.631.099    |
| Xây dựng cơ bản dở<br>dang hoàn thành | 127.279.780.783          | 161.857.559.132   | -                      | 90.456.595            | -                                                   | 318.355.454     | 289.546.151.964   |
| Thanh lý                              | (541.940.860)            | (4.806.829.393)   | (13.518.573.723)       | -                     | -                                                   | (828.391.720)   | (19.695.735.696)  |
| Số cuối năm                           | 998.368.982.839          | 989.345.248.769   | 195.145.874.124        | 45.688.526.783        | 977.375.000                                         | 1.895.190.712   | 2.231.421.198.227 |
| Trong đó:                             |                          |                   |                        |                       |                                                     |                 |                   |
| Đã khấu hao hết                       | 36.708.547.912           | 138.054.302.153   | 64.099.023.055         | 8.964.268.361         | -                                                   | 1.344.106.258   | 249.170.247.739   |
| Giá trị khấu hao lũy kế               |                          |                   |                        |                       |                                                     |                 |                   |
| Số đầu năm                            | (193.189.580.470)        | (378.791.426.677) | (115.880.206.428)      | (19.936.425.125)      | (187.476.730)                                       | (2.323.744.463) | (710.308.859.893) |
| Khấu hao trong năm                    | (42.421.316.464)         | (67.635.552.031)  | (17.608.878.321)       | (4.171.044.936)       | (26.721.596)                                        | (90.523.654)    | (131.954.037.002) |
| Thanh lý                              | 541.940.860              | 4.263.408.031     | 11.242.778.877         | -                     | -                                                   | 818.553.471     | 16.866.681.239    |
| Số cuối năm                           | (235.068.956.074)        | (442.163.570.677) | (122.246.305.872)      | (24.107.470.061)      | (214.198.326)                                       | (1.595.714.646) | (825.396.215.656) |
| Giá trị còn lại                       |                          |                   |                        |                       |                                                     |                 |                   |
| Số đầu năm                            | 677.941.562.446          | 448.934.916.716   | 71.486.015.537         | 25.273.415.483        | 789.898.270                                         | 81.482.515      | 1.224.507.290.967 |
| Số cuối năm                           | 763.300.026.765          | 547.181.678.092   | 72.899.568.252         | 21.581.056.722        | 763.176.674                                         | 299.476.066     | 1.406.024.982.571 |
| Trong đó:                             |                          |                   |                        |                       |                                                     |                 |                   |
| Đã thế chấp<br>(Thuyết minh số 20)    | 280.401.473.155          | 377.297.050.891   | 15.664.144.711         | 2.100.223.097         | 756.281.250                                         | -               | 676.219.173.104   |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                                                                                                                | VND               |                           |                   |                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|-------------------|------------------|
|                                                                                                                | Quyền sử dụng đất | Nhãn hiệu, tên thương mại | Phần mềm máy tính | Tổng cộng        |
| Nguyên giá                                                                                                     |                   |                           |                   |                  |
| Số đầu năm                                                                                                     | 34.749.027.604    | 395.800.000               | 7.762.448.103     | 42.907.275.707   |
| Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành                                                                             | -                 | -                         | 5.918.075.892     | 5.918.075.892    |
| Số cuối năm                                                                                                    | 34.749.027.604    | 395.800.000               | 13.680.523.995    | 48.825.351.599   |
| Trong đó:                                                                                                      |                   |                           |                   |                  |
| Đã hao mòn hết                                                                                                 | -                 | -                         | 4.091.271.822     | 4.091.271.822    |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                                                                         |                   |                           |                   |                  |
| Số đầu năm                                                                                                     | (8.458.103.533)   | (3.298.333)               | (4.829.130.128)   | (13.290.531.994) |
| Hao mòn trong năm                                                                                              | (2.087.017.331)   | (18.333.336)              | (1.314.008.564)   | (3.419.359.231)  |
| Số cuối năm                                                                                                    | (10.545.120.864)  | (21.631.669)              | (6.143.138.692)   | (16.709.891.225) |
| Giá trị còn lại                                                                                                |                   |                           |                   |                  |
| Số đầu năm                                                                                                     | 26.290.924.071    | 392.501.667               | 2.933.317.975     | 29.616.743.713   |
| Số cuối năm                                                                                                    | 24.203.906.740    | 374.168.331               | 7.537.385.303     | 32.115.460.374   |
| Tập đoàn đã sử dụng Quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 20). |                   |                           |                   |                  |

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | VND             |            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số cuối năm     | Số đầu năm |
| Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (*)                                                                                                                                                                                                                                                                                | 110.034.690.092 | -          |
| (*) Số dư này thể hiện giá trị tiền thuê đất trả trước cho quyền sử dụng đất thuê với diện tích 33.729 m² tại Lô C7e, đường Dọc 1, Khu Công nghiệp Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Tổng Giám đốc nắm giữ bất động sản này nhằm mục đích chờ tăng giá bán.        |                 |            |
| Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình giá thị trường của quyền sử dụng đất thuê này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị thực tế của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày này. |                 |            |

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | VND             |                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số cuối năm     | Số đầu năm      |
| Mua sắm tài sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 113.291.970.393 | 84.378.844.007  |
| Chi phí xây dựng nhà máy mới (*)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 60.520.287.443  | 101.298.860.046 |
| Chi phí phát triển phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1.700.651.933   | 3.236.237.794   |
| Khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1.212.053.520   | -               |
| TỔNG CỘNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 176.724.963.289 | 188.913.941.847 |
| (*) Số dư này chủ yếu thể hiện chi phí xây dựng Nhà máy chế biến và bảo quản rau quả tại Lô C2, Đường Dọc 2, Khu Công nghiệp Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam; và Nhà máy Chế biến Dừa Á Châu, tại Lô EI-2, EI-3 và EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. |                 |                 |





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

|                                                                          | TVH             | Nature        | ACH             | ACI             | GCF | Tổng cộng       |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-----------------|-----------------|-----|-----------------|
|                                                                          |                 |               |                 |                 |     | VND             |
| <b>Giá trị đầu tư</b>                                                    |                 |               |                 |                 |     |                 |
| Số đầu năm                                                               | 13.839.090.909  | 1.800.000.000 | 218.454.000.000 | -               | -   | 234.093.090.909 |
| Tăng trong năm                                                           | -               | 106.481.482   | -               | 301.802.120.465 | -   | 301.908.601.947 |
| Thanh lý                                                                 | -               | -             | (2.796.944.552) | -               | -   | (2.796.944.552) |
| Số cuối năm                                                              | 13.839.090.909  | 1.906.481.482 | 215.657.055.448 | 301.802.120.465 | -   | 533.204.748.304 |
| <b>Phần lũy kế lợi nhuận sau khi liên doanh/mua các công ty liên kết</b> |                 |               |                 |                 |     |                 |
| Số đầu năm                                                               | (2.593.733.300) | 1.473.387.490 | 4.297.078.647   | -               | -   | 3.176.732.837   |
| Cổ tức được chia trong năm                                               | -               | (216.000.000) | -               | -               | -   | (216.000.000)   |
| Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết                   | (1.454.956.759) | 208.857.821   | 2.224.842.451   | 15.234.918.682  | -   | 16.213.662.195  |
| Số cuối năm                                                              | (4.048.690.059) | 1.466.245.311 | 6.521.921.098   | 15.234.918.682  | -   | 19.174.395.032  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                                                   |                 |               |                 |                 |     |                 |
| Số đầu năm                                                               | 11.245.357.609  | 3.273.387.490 | 222.751.078.647 | -               | -   | 237.269.823.746 |
| Số cuối năm                                                              | 9.790.400.850   | 3.372.726.793 | 222.178.976.546 | 317.037.039.147 | -   | 552.379.143.336 |

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                                                                         | Số cuối năm        | Số đầu năm           |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
|                                                                         |                    | VND                  |
| <b>Bảo hiểm nhân thọ</b>                                                | <b>900.084.000</b> | <b>600.056.000</b>   |
| Bảo hiểm nhân thọ tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Aviva Việt Nam (*) | 900.084.000        | 600.056.000          |
| <b>Trái phiếu</b>                                                       | <b>-</b>           | <b>500.000.000</b>   |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam                                     | -                  | 500.000.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                        | <b>900.084.000</b> | <b>1.100.056.000</b> |

(\*) Tập đoàn đã mua bảo hiểm nhân thọ cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty con để đáp ứng điều kiện cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ này có kỳ hạn trả gốc năm (5) năm và hưởng lãi suất cố định hàng năm tới năm thứ mười sáu (16).

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

|                                                | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                |                          | VND                      |
| <b>Phải trả bên khác</b>                       | <b>1.182.492.215.794</b> | <b>1.050.180.155.556</b> |
| Open Country Dairy Limited                     | 147.643.167.478          | 89.382.123.710           |
| Công ty TNHH Givaudan Việt Nam                 | 90.317.219.014           | 80.154.583.739           |
| Firmenich Asia Private Limited                 | 84.209.585.810           | 86.362.326.747           |
| Givaudan Singapore Pte Ltd                     | 78.848.359.077           | 121.404.792.537          |
| James Farrell & Co                             | 61.821.118.326           | 18.507.078.822           |
| DSM Nutritional Products Asia Pacific          | 45.249.397.326           | 53.262.754.990           |
| CP Kelco U.S. Inc.                             | 25.146.296.705           | 62.619.477.399           |
| Người bán khác                                 | 649.257.072.058          | 538.487.017.612          |
| Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29) | 407.983.171              | 1.908.684.000            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                               | <b>1.182.900.198.965</b> | <b>1.052.088.839.556</b> |

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                                  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                  |                       | VND                   |
| <b>Người mua khác trả tiền trước</b>             | <b>32.401.461.934</b> | <b>20.862.506.272</b> |
| Công ty TNHH Recess                              | 165.685.740           | 3.755.503.342         |
| Người mua khác                                   | 32.235.776.194        | 17.107.002.930        |
| Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 29) | 207.060.600           | 205.170.800           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                 | <b>32.608.522.534</b> | <b>21.067.677.072</b> |



17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

|                            | Số đầu năm            | Tăng trong năm           | Số đã nộp trong năm        | Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND | Số cuối năm           |
|----------------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------------|------------------------------------------|-----------------------|
|                            |                       |                          |                            |                                          |                       |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 37.248.597.692        | 210.630.643.695          | (188.647.457.590)          | 110.394.330                              | 59.342.178.127        |
| Thuế giá trị gia tăng      | 9.041.860.072         | 703.850.698.948          | (707.675.594.730)          | -                                        | 5.216.964.290         |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 3.857.655.679         | 73.018.704.916           | (71.172.287.562)           | -                                        | 5.704.073.033         |
| Thuế nhập khẩu             | 1.311.668.006         | 166.910.481.324          | (169.143.371.429)          | -                                        | (921.222.099)         |
| Thuế nhà thầu nước ngoài   | -                     | 270.994.087              | (270.994.087)              | -                                        | -                     |
| Thuế môn bài               | -                     | 49.000.000               | (49.000.000)               | -                                        | -                     |
| Thuế khác                  | -                     | 4.496.201.116            | (1.313.957.599)            | -                                        | 3.182.243.517         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>51.459.781.449</b> | <b>1.159.226.724.086</b> | <b>(1.138.272.662.997)</b> | <b>110.394.330</b>                       | <b>72.524.236.868</b> |
| Trong đó:                  |                       |                          |                            |                                          |                       |
| Thuế phải nộp              | 51.932.500.231        |                          |                            |                                          | 73.521.037.429        |
| Thuế nộp thừa              | (472.718.782)         |                          |                            |                                          | (996.800.561)         |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|                          | VND                    |                        |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
|                          | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Lương tháng 13 và thưởng | 143.144.983.838        | 162.070.395.020        |
| Lãi vay                  | 14.100.154.822         | 5.655.496.833          |
| Chi phí hỗ trợ bán hàng  | 9.954.936.029          | 10.716.765.364         |
| Khác                     | 4.667.990.304          | 4.721.774.919          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         | <b>171.868.064.993</b> | <b>183.164.432.136</b> |

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

|                         | VND             |                 |
|-------------------------|-----------------|-----------------|
|                         | Năm nay         | Năm trước       |
| Số đầu năm              | 181.111.922.791 | 157.130.912.353 |
| Trích lập quỹ trong năm | 28.070.898.240  | 24.792.770.438  |
| Sử dụng quỹ trong năm   | (1.100.700.000) | (811.760.000)   |
| Số cuối năm             | 208.082.121.031 | 181.111.922.791 |

20. VAY

|                                                   | VND                      |                          |
|---------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                   | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                               | <b>2.748.989.964.901</b> | <b>2.448.277.779.237</b> |
| Vay ngân hàng và cá nhân<br>(Thuyết minh số 20.1) | 2.724.919.199.483        | 2.430.415.696.608        |
| Vay dài hạn đến hạn trả<br>(Thuyết minh số 20.2)  | 24.070.765.418           | 17.862.082.629           |
| <b>Vay dài hạn</b>                                | <b>82.415.969.726</b>    | <b>53.143.863.299</b>    |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)               | 82.415.969.726           | 53.143.863.299           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                  | <b>2.831.405.934.627</b> | <b>2.501.421.642.536</b> |

Tình hình tăng, giảm các khoản vay như sau:

|                            | VND                 |                  |                     |
|----------------------------|---------------------|------------------|---------------------|
|                            | Vay ngắn hạn        | Vay dài hạn      | Tổng cộng           |
| Số đầu năm                 | 2.448.277.779.237   | 53.143.863.299   | 2.501.421.642.536   |
| Tiền thu từ đi vay         | 8.695.125.183.943   | 108.653.399.044  | 8.803.778.582.987   |
| Vay dài hạn đến hạn trả    | 79.381.292.617      | (79.381.292.617) | -                   |
| Tiền chi trả nợ gốc vay    | (8.475.000.842.872) | -                | (8.475.000.842.872) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 1.206.551.976       | -                | 1.206.551.976       |
| Số cuối năm                | 2.748.989.964.901   | 82.415.969.726   | 2.831.405.934.627   |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng và cá nhân ngắn hạn

Tập đoàn thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và cá nhân với lãi suất thả nổi nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

| Bên cho vay                                                  | Số cuối năm     |                  | Kỳ hạn                                                       | Hình thức<br>đảm bảo |
|--------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|
|                                                              | VND             | Nguyên tệ<br>USD |                                                              |                      |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam                             | 384.339.996.589 | -                | Từ ngày 13 tháng 9 năm 2024<br>đến ngày 29 tháng 4 năm 2025  | (**)                 |
|                                                              | 336.659.746.191 | -                | Từ ngày 6 tháng 9 năm 2024<br>đến ngày 18 tháng 4 năm 2025   | (*)                  |
| Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank -<br>Chi nhánh TP.HCM | 394.555.737.466 | -                | Từ ngày 17 tháng 9 năm 2024<br>đến ngày 31 tháng 3 năm 2025  | (*)                  |
|                                                              | 71.331.155.466  | -                | Từ ngày 4 tháng 10 năm 2024<br>đến ngày 20 tháng 3 năm 2025  | (**)                 |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam)                        | 80.588.927.842  | -                | Từ ngày 7 tháng 10 năm 2024<br>đến ngày 26 tháng 3 năm 2025  | (*)                  |
|                                                              | 207.904.205.126 | -                | Từ ngày 21 tháng 10 năm 2024<br>đến ngày 31 tháng 3 năm 2025 | (**)                 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam -<br>Chi nhánh Tân Bình | 4.420.578.511   | 173.010          | Từ ngày 31 tháng 3 năm 2025                                  |                      |
|                                                              | 116.572.243.737 | -                | Từ ngày 25 tháng 10 năm 2024<br>đến ngày 24 tháng 3 năm 2025 | (*)                  |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam -<br>Chi nhánh Vĩnh      | 11.454.668.000  | -                | Từ ngày 18 tháng 7 năm 2024<br>đến ngày 10 tháng 2 năm 2025  | (**)                 |
|                                                              | 298.988.004.300 | -                | Từ ngày 10 tháng 10 năm 2024<br>đến ngày 14 tháng 3 năm 2025 | (*)                  |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh        | 127.633.770.042 | -                | Từ ngày 10 tháng 10 năm 2024<br>đến ngày 14 tháng 6 năm 2025 | (*)                  |

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng và cá nhân ngắn hạn (tiếp theo)

Tập đoàn thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và cá nhân với lãi suất thả nổi nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:  
(tiếp theo)

| Bên cho vay                                                       | Số cuối năm              |                  | Kỳ hạn                                                      | Hình thức<br>đảm bảo |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------|
|                                                                   | VND                      | Nguyên tệ<br>USD |                                                             |                      |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam -<br>Chi nhánh Bến Tre       | 125.012.688.845          | 4.892.673        | Từ ngày 11 tháng 10 năm 2024<br>đến ngày 5 tháng 5 năm 2025 | (**)                 |
|                                                                   | 89.006.763.362           | -                |                                                             |                      |
| Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam -<br>Chi nhánh Phú Mỹ Hưng | 42.927.617.021           | 1.680.076        | Từ ngày 2 tháng 8 năm 2024<br>đến ngày 26 tháng 12 năm 2025 | (**)                 |
|                                                                   | 7.823.164.689            | 308.820          | Từ ngày 5 tháng 12 năm 2024<br>đến ngày 26 tháng 9 năm 2025 | (**)                 |
| The Siam Commercial Bank Public Company Limited                   | 20.667.120               | -                |                                                             | (*)                  |
|                                                                   | 235.682.355.771          | -                | Từ ngày 5 tháng 9 năm 2024<br>đến ngày 26 tháng 3 năm 2025  | (*)                  |
| Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam -<br>Chi nhánh Hòa Bình    | 99.996.909.405           | -                | Từ ngày 5 tháng 12 năm 2024<br>đến ngày 11 tháng 4 năm 2025 | (**)                 |
|                                                                   | 90.000.000.000           | -                | Từ ngày 2 tháng 5 năm 2024<br>đến ngày 2 tháng 5 năm 2025   | (*)                  |
| Ông Lê Nguyễn Đoàn Duy                                            |                          |                  |                                                             |                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                  | <b>2.724.919.199.483</b> | <b>7.054.579</b> |                                                             |                      |

(\*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(\*\*) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi, khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và quyền sử dụng đất thuê với tổng giá trị là 1.047.485.910.320 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Tập đoàn thực hiện các khoản vay dài hạn từ ngân hàng với lãi suất thả nổi, chi tiết như sau:

| Ngân hàng                                                      | Số cuối năm            | Kỳ hạn                                                        | Mục đích vay                                     | Hình thức<br>đảm bảo |
|----------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|
| VND                                                            |                        |                                                               |                                                  |                      |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam -<br>Chi nhánh Bến Tre     | 73.218.379.144         | Từ ngày 19 tháng 8 năm 2024 đến<br>ngày 6 tháng 9 năm 2029    | Tài trợ nhu cầu đầu tư<br>xây dựng nhà máy       | (*)                  |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam                               | 31.749.336.000         | Từ ngày 20 tháng 10 năm 2020<br>đến ngày 16 tháng 3 năm 2028  | Tài trợ Quyển sử dụng đất<br>và xây dựng nhà kho | (*)                  |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam -<br>Chi nhánh Nam Sài Gòn | 1.519.020.000          | Từ ngày 31 tháng 12 năm 2024<br>đến ngày 31 tháng 12 năm 2029 | Tài trợ nhu cầu vốn lưu động                     | (*)                  |
|                                                                | <b>106.486.735.144</b> |                                                               |                                                  |                      |
| Trong đó:                                                      |                        |                                                               |                                                  |                      |
| Vay dài hạn                                                    | 82.415.969.726         |                                                               |                                                  |                      |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                        | 24.070.765.418         |                                                               |                                                  |                      |

(\*) Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| VND                                           |                   |                         |                               |                          |                                      |                                    |                   |
|-----------------------------------------------|-------------------|-------------------------|-------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|-------------------|
|                                               | Vốn cổ phần       | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Chênh lệch<br>tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Lợi ích cổ đông<br>không kiểm soát | Tổng cộng         |
| Năm trước:                                    |                   |                         |                               |                          |                                      |                                    |                   |
| Số đầu năm                                    | 1.706.012.980.000 | 174.000.000.000         | 1.657.375.939                 | 29.884.223.256           | 2.080.443.263.208                    | 757.272.370.027                    | 4.749.270.212.430 |
| Lợi nhuận thuần<br>trong năm                  | -                 | -                       | -                             | -                        | 651.737.930.026                      | 135.219.574.780                    | 786.957.504.806   |
| Trích lập quỹ khen<br>thưởng, phúc lợi        | -                 | -                       | -                             | -                        | (22.918.460.732)                     | (1.874.309.706)                    | (24.792.770.438)  |
| Trích lập quỹ<br>từ thiện xã hội              | -                 | -                       | -                             | -                        | (4.191.503.868)                      | (200.336.483)                      | (4.391.840.351)   |
| Thay đổi tỷ lệ<br>sở hữu trong<br>công ty con | -                 | -                       | -                             | -                        | (2.079.341.824)                      | (6.620.658.176)                    | (8.700.000.000)   |
| Cổ tức công bố                                | -                 | -                       | -                             | -                        | -                                    | (29.494.304.000)                   | (29.494.304.000)  |
| Chênh lệch do<br>chuyển đổi sang<br>VND       | -                 | -                       | 2.322.172.228                 | -                        | -                                    | 88.208.575                         | 2.410.380.803     |
| Số cuối năm                                   | 1.706.012.980.000 | 174.000.000.000         | 3.979.548.167                 | 29.884.223.256           | 2.702.991.886.810                    | 854.390.545.017                    | 5.471.259.183.250 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

|                                                        | Vốn cổ phần       | Thặng dư vốn cổ phần | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | VND               |
|--------------------------------------------------------|-------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-------------------|
|                                                        |                   |                      |                            |                       |                                   |                                 |                   |
| Năm nay:                                               |                   |                      |                            |                       |                                   |                                 |                   |
| Số đầu năm                                             | 1.706.012.980.000 | 174.000.000.000      | 3.979.548.167              | 29.884.223.256        | 2.702.991.886.810                 | 854.390.545.017                 | 5.471.259.183.250 |
| Lợi nhuận thuần trong năm                              | -                 | -                    | -                          | -                     | 704.268.622.889                   | 132.021.109.675                 | 836.289.732.564   |
| Vốn góp trong năm                                      | -                 | -                    | -                          | -                     | -                                 | 11.780.000.000                  | 11.780.000.000    |
| Mua công ty con                                        | -                 | -                    | -                          | -                     | -                                 | 1.269.982.078                   | 1.269.982.078     |
| Trích quỹ từ thiện và xã hội                           | -                 | -                    | -                          | -                     | (471.209.065)                     | (21.616)                        | (471.230.681)     |
| Giảm vốn điều lệ của công ty con                       | -                 | -                    | -                          | -                     | -                                 | (1.382.320.000)                 | (1.382.320.000)   |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi                    | -                 | -                    | -                          | -                     | (26.583.730.929)                  | (1.487.167.311)                 | (28.070.898.240)  |
| Cổ tức công bố Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con | -                 | -                    | -                          | -                     | -                                 | (39.717.710.000)                | (39.717.710.000)  |
| Chênh lệch do chuyển đổi sang VND                      | -                 | -                    | 5.426.252.851              | -                     | -                                 | 206.118.231                     | 5.632.371.082     |
| Số cuối năm                                            | 1.706.012.980.000 | 174.000.000.000      | 9.405.801.018              | 29.884.223.256        | 3.258.026.961.488                 | 835.197.144.291                 | 6.012.527.110.053 |

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| Vốn cổ phần               | Năm nay           | VND<br>Năm trước  |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm và số cuối năm | 1.706.012.980.000 | 1.706.012.980.000 |

21.3 Cổ phiếu

|                                                               | Số lượng cổ phiếu |             |
|---------------------------------------------------------------|-------------------|-------------|
|                                                               | Số cuối năm       | Số đầu năm  |
| Cổ phiếu được phép phát hành                                  | 170.601.298       | 170.601.298 |
| Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ<br>Cổ phiếu phổ thông | 170.601.298       | 170.601.298 |
| Cổ phiếu đang lưu hành<br>Cổ phiếu phổ thông                  | 170.601.298       | 170.601.298 |

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21.4 Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

|                                                                                 | Năm nay          | Năm trước        |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                        | 704.268.622.889  | 651.737.930.026  |
| Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ từ thiện xã hội (*)                          | (27.054.939.994) | (27.109.964.600) |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND) | 677.213.682.895  | 624.627.965.426  |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)             | 170.601.298      | 170.601.298      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)                                         | 3.970            | 3.661            |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)                                       | 3.970            | 3.661            |

(Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 trích lập với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01.24/NQCD/ACC ngày 17 tháng 5 năm 2024 của ACC, số 04/2024/QĐ-ĐHĐCD ngày 14 tháng 10 năm 2024 của VICTA và số 04/2024/NQ-ĐHĐCD ngày 7 tháng 10 năm 2024 của APIS.

Quỹ từ thiện xã hội dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trích lập với tỷ lệ 1% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 04/2024/QĐ-ĐHCCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2024 của AHS.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                                     | VND                       |                           |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                     | Năm nay                   | Năm trước                 |
| <b>Doanh thu gộp</b>                | <b>12.425.473.708.337</b> | <b>11.975.780.568.887</b> |
| Doanh thu bán hàng hóa              | 8.917.574.828.611         | 8.604.214.048.386         |
| Doanh thu bán thành phẩm            | 3.502.774.696.406         | 3.365.345.337.785         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ          | 4.880.036.230             | 6.221.182.716             |
| Doanh thu bán phế liệu              | 244.147.090               | -                         |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b> | <b>(38.930.611.393)</b>   | <b>(60.407.400.988)</b>   |
| Chiết khấu thương mại               | (3.835.975.813)           | (2.515.310.279)           |
| Hàng bán bị trả lại                 | (34.611.043.253)          | (57.071.709.851)          |
| Giảm giá hàng bán                   | (483.592.327)             | (820.380.858)             |
| <b>Doanh thu thuần</b>              | <b>12.386.543.096.944</b> | <b>11.915.373.167.899</b> |
| Trong đó:                           |                           |                           |
| Doanh thu bán hàng hóa              | 8.889.711.991.910         | 8.550.340.235.776         |
| Doanh thu bán thành phẩm            | 3.491.706.921.714         | 3.358.811.749.407         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ          | 4.880.036.230             | 6.221.182.716             |
| Doanh thu bán phế liệu              | 244.147.090               | -                         |

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

|                                | VND                    |                        |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                | Năm nay                | Năm trước              |
| Lãi tiền gửi                   | 127.077.784.003        | 101.414.677.802        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 51.412.887.677         | 58.742.792.433         |
| Lãi trái phiếu                 | -                      | 98.875.000             |
| Khác                           | 429.960.125            | 1.510.280.224          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>               | <b>178.920.631.805</b> | <b>161.766.625.459</b> |

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

|                                          | VND                       |                           |
|------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                          | Năm nay                   | Năm trước                 |
| Giá vốn hàng hóa đã bán                  | 7.769.465.773.247         | 7.564.809.162.429         |
| Giá vốn thành phẩm đã bán                | 2.659.404.298.964         | 2.550.973.795.785         |
| Giá vốn dịch vụ đã thực hiện             | 1.089.816.331             | 410.333.327               |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (8.309.155.681)           | (19.545.788.424)          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         | <b>10.421.650.732.861</b> | <b>10.096.647.503.117</b> |

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

|                               | VND                    |                        |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
|                               | Năm nay                | Năm trước              |
| Lãi vay                       | 111.302.181.293        | 123.190.693.391        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 39.833.851.082         | 25.538.243.265         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b>151.136.032.375</b> | <b>148.728.936.656</b> |

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                                                 | VND                    |                        |
|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                 | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Chi phí bán hàng</b>                         | <b>381.832.035.053</b> | <b>347.656.759.118</b> |
| Chi phí vận chuyển                              | 124.255.771.041        | 110.701.399.642        |
| Chi phí lương nhân viên                         | 101.720.414.951        | 98.138.261.839         |
| Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi và môi giới | 74.674.503.522         | 75.639.964.020         |
| Khác                                            | 81.181.345.539         | 63.177.133.617         |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>             | <b>592.367.935.110</b> | <b>535.585.534.344</b> |
| Chi phí lương nhân viên                         | 317.119.422.906        | 277.795.081.042        |
| Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định     | 53.138.027.961         | 47.188.441.225         |
| Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất     | 23.943.133.051         | 29.621.226.123         |
| Chi phí phân bổ lợi thế thương mại năm nay      | 211.674                | -                      |
| Khác                                            | 198.167.139.518        | 180.980.785.954        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                | <b>974.199.970.163</b> | <b>883.242.293.462</b> |

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

|                                      | VND                    |                        |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                      | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Thu nhập khác</b>                 | <b>12.557.782.175</b>  | <b>11.885.561.869</b>  |
| Tiền bồi thường thiệt hại            | 6.588.274.822          | 6.100.226.587          |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 2.633.369.568          | -                      |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản khác    | 30.000.000             | -                      |
| Khác                                 | 3.306.137.785          | 5.785.335.282          |
| <b>Chi phí khác</b>                  | <b>(5.397.136.330)</b> | <b>(3.326.494.929)</b> |
| Chi phí thanh lý tài sản khác        | (1.124.722.222)        | (104.861.117)          |
| Tiền bồi thường thiệt hại            | (53.631.270)           | (1.615.685.350)        |
| Chi phí thanh lý tài sản cố định     | -                      | (994.182.005)          |
| Khác                                 | (4.218.782.838)        | (611.766.457)          |
| <b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>          | <b>7.160.645.845</b>   | <b>8.559.066.940</b>   |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                                            | VND                |                    |
|--------------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                            | Năm nay            | Năm trước          |
| Chi phí mua hàng hóa                       | 7.714.048.731.510  | 7.487.334.274.169  |
| Chi phí mua nguyên vật liệu                | 2.110.932.166.693  | 2.185.531.063.075  |
| Chi phí nhân công                          | 537.524.983.790    | 485.197.280.341    |
| Chi phí khấu hao và hao mòn                |                    |                    |
| (Thuyết minh số 11 và 12)                  | 135.373.396.233    | 125.742.593.600    |
| Chi phí phân bổ lợi thế thương mại năm nay | 211.674            | -                  |
| Chi phí khác                               | 897.971.213.124    | 696.084.585.394    |
| TỔNG CỘNG                                  | 11.395.850.703.024 | 10.979.889.796.579 |

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con thành lập tại Việt Nam là 20% thu nhập chịu thuế và được hưởng các khoản ưu đãi thuế theo luật thuế hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty con thành lập tại Singapore là 17% thu nhập chịu thuế và được hưởng các khoản ưu đãi thuế theo luật thuế hiện hành.

Báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

|                                            | VND             |                 |
|--------------------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                            | Năm nay         | Năm trước       |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm      | 205.838.392.942 | 171.490.432.364 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước | 4.792.250.753   | 527.695.108     |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                | 210.630.643.695 | 172.018.127.472 |
| (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại      | (5.069.074.869) | 519.135.611     |
| TỔNG CỘNG                                  | 205.561.568.826 | 172.537.263.083 |

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

|                                                                                    | VND               |                  |
|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|
|                                                                                    | Năm nay           | Năm trước        |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                  | 1.041.851.301.390 | 959.494.767.889  |
| Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng                                                   | 198.425.610.195   | 183.424.689.532  |
| Điều chỉnh                                                                         |                   |                  |
| Chi phí không được trừ                                                             | 8.149.230.182     | 7.356.404.932    |
| Lỗ thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại                                           | 11.047.212.098    | 3.757.059.059    |
| Khấu hao và hao mòn của tài sản được đánh giá lại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh | 1.004.631.151     | 1.118.338.097    |
| Các khoản dự phòng                                                                 | (838.853.822)     | (1.558.669.251)  |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước                                         | 4.792.250.753     | 527.695.108      |
| Lỗ thuế năm trước chuyển sang                                                      | 3.363.880.489     | -                |
| Thuế được miễn, giảm của các công ty con                                           | (15.023.134.647)  | (21.947.248.724) |
| Khác                                                                               | (5.359.257.573)   | (141.005.670)    |
| Chi phí thuế TNDN                                                                  | 205.561.568.826   | 172.537.263.083  |

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được trình bày báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

|                                                                                                         | Bảng cân đối<br>kế toán hợp nhất |                         | Báo cáo kết quả hoạt<br>động kinh doanh hợp nhất |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|
|                                                                                                         | Số cuối năm                      |                         | Số đầu năm                                       |                      |
|                                                                                                         |                                  |                         | Năm nay                                          | Năm trước            |
|                                                                                                         |                                  |                         |                                                  | VND                  |
| Chênh lệch phát sinh do đánh giá lại tài sản từ hợp nhất các công ty con                                | (23.515.682.042)                 | (23.641.608.025)        | 125.925.983                                      | (8.564.687)          |
| Các khoản dự phòng                                                                                      | 120.495.436                      | 499.560.578             | (379.065.142)                                    | (2.167.104.782)      |
| Lãi chưa thực hiện                                                                                      | 9.289.586.528                    | 3.466.316.767           | 5.823.269.761                                    | 972.908.867          |
| Chi phí trích trước                                                                                     | 470.513.681                      | 326.310.250             | 144.203.431                                      | 211.484.261          |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện                                                                        | (131.056.812)                    | 17.618.765              | (148.675.577)                                    | (24.442.857)         |
| Chi phí lãi vay vượt mức trần 30% của tổng lợi nhuận thuần theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP   | -                                | 496.583.587             | (496.583.587)                                    | 496.583.587          |
| <b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần</b>                                                            | <b>(13.766.143.209)</b>          | <b>(18.835.218.078)</b> |                                                  |                      |
| <b>Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b> |                                  |                         | <b>5.069.074.869</b>                             | <b>(519.135.611)</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.4 Lỗi chuyển sang năm sau

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 liên tục năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗ thuế lũy kế là 76.068.249.957 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 44.737.605.579 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

| Năm<br>phát<br>sinh | Có thể<br>chuyển<br>lỗ đến<br>năm | Lỗ thuế                | Đã chuyển lỗ đến<br>ngày 31 tháng 12<br>năm 2024 | Không được<br>chuyển lỗ | VND                                                   |                |
|---------------------|-----------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------|----------------|
|                     |                                   |                        |                                                  |                         | Chưa chuyển lỗ<br>vào ngày 31<br>tháng 12<br>năm 2024 |                |
|                     |                                   |                        |                                                  |                         |                                                       |                |
| <b>AIG</b>          |                                   |                        |                                                  |                         |                                                       |                |
| 2019                | 2024                              | 37.869.984.009         | (*) (14.555.502.539)                             | (23.314.481.470)        | -                                                     | -              |
| 2020                | 2025                              | 1.634.599.571          | (*)                                              | -                       | -                                                     | 1.634.599.571  |
| 2023                | 2028                              | 17.690.244.000         | (*)                                              | -                       | -                                                     | 17.690.244.000 |
| 2024                | 2029                              | 51.157.923.583         | (*)                                              | -                       | -                                                     | 51.157.923.583 |
| <b>AFC</b>          |                                   |                        |                                                  |                         |                                                       |                |
| 2019                | 2024                              | 750.184.509            | (*)                                              | -                       | (750.184.509)                                         | -              |
| 2021                | 2026                              | 62.061.861             | (*)                                              | -                       | -                                                     | 62.061.861     |
| 2022                | 2027                              | 190.982.873            | (*)                                              | -                       | -                                                     | 190.982.873    |
| 2023                | 2028                              | 46.119.798             | (*)                                              | -                       | -                                                     | 46.119.798     |
| 2024                | 2029                              | 423.081.695            | (*)                                              | -                       | -                                                     | 423.081.695    |
| <b>ATC</b>          |                                   |                        |                                                  |                         |                                                       |                |
| 2023                | 2028                              | 1.046.331.497          | (*)                                              | -                       | -                                                     | 1.046.331.497  |
| 2024                | 2029                              | 1.028.408.595          |                                                  | -                       | -                                                     | 1.028.408.595  |
| <b>MDG</b>          |                                   |                        |                                                  |                         |                                                       |                |
| 2024                | 2029                              | 1.418.820.176          | (*)                                              | -                       | -                                                     | 1.418.820.176  |
| <b>ASI</b>          |                                   |                        |                                                  |                         |                                                       |                |
| 2024                | 2029                              | 1.369.473.485          | (*)                                              | -                       | -                                                     | 1.369.473.485  |
| <b>ASF</b>          |                                   |                        |                                                  |                         |                                                       |                |
| 2024                | 2029                              | 202.823                | (*)                                              | -                       | -                                                     | 202.823        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>    |                                   | <b>114.688.418.475</b> | <b>(14.555.502.539)</b>                          | <b>(24.064.665.979)</b> | <b>76.068.249.957</b>                                 |                |

(\*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ thuế trị giá 76.068.249.957 VND do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Tập đoàn và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

| Bên liên quan                                    | Mối quan hệ                                                                                                       |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH             | Công ty liên doanh                                                                                                |
| Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo                     | Công ty liên kết                                                                                                  |
| Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu          | Công ty liên kết                                                                                                  |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C                    | Công ty liên kết                                                                                                  |
| Công ty Cổ phần ARC Bình Dương                   | Công ty có chung nhân sự chủ chốt                                                                                 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng | Công ty chung cổ đông lớn với công ty con đến ngày 15 tháng 4 năm 2024                                            |
| Ông Bernhard Hackl                               | Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ ngày 21 tháng 2 năm 2025                                                            |
| Ông Nguyễn Thiên Trúc                            | Chủ tịch Hội đồng Quản trị đến ngày 21 tháng 2 năm 2025, Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 21 tháng 2 năm 2025 |
| Ông Phạm Đăng Long                               | Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc                                                                   |
| Ông Nguyễn Bá Lương                              | Thành viên Hội đồng Quản trị; Phó Tổng Giám đốc từ ngày 31 tháng 7 năm 2024                                       |
| Ông Lars Kjaer                                   | Thành viên Hội đồng Quản trị                                                                                      |
| Ông Nguyễn Quốc Bình                             | Thành viên Hội đồng Quản trị                                                                                      |
| Ông Bharat Venkatarama                           | Thành viên Hội đồng Quản trị                                                                                      |
| Bà Lê Ngọc Sang                                  | Trưởng Ban Kiểm soát                                                                                              |
| Bà Đỗ Thị Kim Chung                              | Thành viên Ban kiểm soát                                                                                          |
| Bà Hà Thị Bích Vân                               | Thành viên Ban kiểm soát                                                                                          |
| Ông Nguyễn Bảo Tùng                              | Tổng Giám đốc từ ngày 8 tháng 10 năm 2024                                                                         |
| Ông Phạm Trung Lâm                               | Tổng Giám đốc từ ngày 24 tháng 2 năm 2024 đến ngày 8 tháng 10 năm 2024                                            |
| Ông Trần Việt Hùng                               | Tổng Giám đốc đến ngày 24 tháng 2 năm 2024; Phó Tổng Giám đốc từ ngày 20 tháng 3 năm 2024                         |
| Ông Nguyễn Thảo                                  | Giám đốc Tài chính                                                                                                |
| Ông Nguyễn Viết Hùng                             | Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị tại công ty con đến ngày 1 tháng 7 năm 2024                                 |
| Ông Nguyễn Viết Đạt                              | Tổng Giám đốc tại Công ty con                                                                                     |
| Ông Phan Duy Hiếu                                | Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc tại công ty con                                                         |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan                                    | Nội dung nghiệp vụ         | Năm nay         | VND             |
|--------------------------------------------------|----------------------------|-----------------|-----------------|
|                                                  |                            |                 | Năm trước       |
| Ông Nguyễn Viết Hùng                             | Nhận chuyển nhượng cổ phần | 239.000.000.000 | -               |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng | Mua hàng hóa               | 102.487.629.037 | 298.038.955.889 |
|                                                  | Bán hàng hóa               | 3.300.000.000   | 22.385.285.800  |
| Ông Phan Duy Hiếu                                | Nhận chuyển nhượng cổ phần | -               | 8.700.000.000   |
| Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH             | Cung cấp dịch vụ           | 2.264.950.000   | 1.459.205.000   |
| Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo                     | Mua hàng hóa               | 741.120.000     | 803.430.000     |
|                                                  | Bán hàng hóa               | 98.747.500      | -               |
| Công ty Cổ phần ARC Bình Dương                   | Mua hàng hóa               | 2.148.808.926   | -               |
|                                                  | Bán hàng hóa               | 94.040.472      | 809.559.189     |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

|                                                  |                    |             | VND           |
|--------------------------------------------------|--------------------|-------------|---------------|
| Bên liên quan                                    | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm    |
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>          |                    |             |               |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng | Bán hàng hóa       | -           | 6.897.022.300 |
| Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH             | Cung cấp dịch vụ   | -           | 427.968.000   |
| Công ty Cổ phần ARC Bình Dương                   | Cung cấp dịch vụ   | -           | 170.544.000   |
|                                                  |                    | -           | 7.495.534.300 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

|                                                  |                      | VND                  |                      |
|--------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Bên liên quan                                    | Nội dung nghiệp vụ   | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>          |                      |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng | Mua hàng             | -                    | 46.946.652.000       |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>                    |                      |                      |                      |
| Ông Nguyễn Viết Đạt                              | Phải thu khác        | 3.071.080.000        | -                    |
| Ông Nguyễn Viết Hùng                             | Phải thu khác        | -                    | 3.071.080.000        |
| Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH             | Chi hộ               | 74.953.876           | 902.125.497          |
|                                                  |                      | <b>3.146.033.876</b> | <b>3.973.205.497</b> |
| <b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>         |                      |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH             | Bán hàng hóa         | 207.060.600          | 205.170.800          |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>               |                      |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng | Mua hàng             | -                    | 1.908.684.000        |
| Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo                     | Mua hàng             | 48.160.000           | -                    |
| Công ty Cổ phần ARC Bình Dương                   | Mua dịch vụ          | 359.823.171          | -                    |
|                                                  |                      | <b>407.983.171</b>   | <b>1.908.684.000</b> |
| <b>Doanh thu chưa thực hiện</b>                  |                      |                      |                      |
| Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH             | Doanh thu nhận trước | -                    | 900.000.000          |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày như sau:

|                          | VND                  |                      |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
|                          | Năm nay              | Năm trước            |
| <b>Hội đồng Quản trị</b> |                      |                      |
| Thù lao                  | 1.200.000.000        | 1.335.000.000        |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b> |                      |                      |
| Lương và thưởng          | 3.926.733.000        | 946.800.000          |
| <b>Ban Kiểm soát</b>     |                      |                      |
| Thù lao                  | 132.000.000          | 132.000.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         | <b>5.258.733.000</b> | <b>2.413.800.000</b> |

30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                  | VND                    |                        |
|------------------|------------------------|------------------------|
|                  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Dưới 1 năm       | 21.561.564.074         | 7.710.327.402          |
| Từ 1 đến 5 năm   | 56.596.098.818         | 13.840.144.024         |
| Trên 5 năm       | 402.407.277.227        | 88.713.728.625         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>480.564.940.119</b> | <b>110.264.200.051</b> |

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Vũ Minh Đức  
Người lập

Nguyễn Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Bảo Tùng  
Tổng Giám đốc







## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

### NĂM 2024

CTCP NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025  
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Bảo Tùng



Cơ quan: CÔNG  
TY CỔ PHẦN  
NGUYÊN LIỆU  
Á CHÂU AIG  
Thời gian ký:  
17.04.2025  
20:23:22 +07:00



Lô TH-1B, đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



(028) 5411 1557



(028) 5411 1667



Website: [www.asiagroup-vn.com](http://www.asiagroup-vn.com)